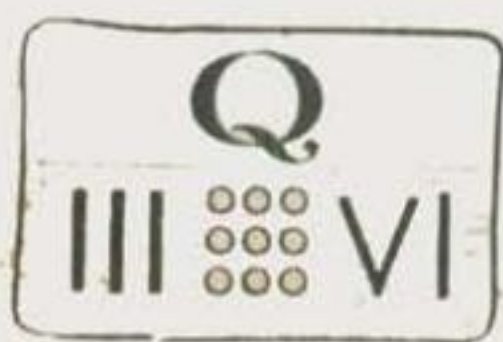




« Tự Phán » và « Phan-Bội-Châu niên biểu »
sách nào đúng ? Người Chàm Châu-đốc là
người Châu-giang ? Vô tuyến truyền Kiều

BACH KHOA

GIẢI PHẪM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.400đ.

MỘT NĂM

2.800đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 30đ.

Gửi đi Úc, Tích-lan v.v... : 195đ

— Ai lao : 40đ.

— Pháp : 220đ

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 55đ.

— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc

— Nhật-bản, Đại-han,

Phi-châu, Đại-dương-châu : 245đ

Ấn-độ, Hồi-quốc : 120đ.

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

● Phát hành ngày 30 8-1973 — Số lượng 3.000 cuốn

— Giấy phép số 470/PTUDV/KSAPL/GP 28-8-1973

In tại TRÍ ĐĂNG in Nguyễn Thiên Thuật — Saigon 2.

BÁCH KHOA

Q:

NGUYỄN VĂN XUÂN <i>Từ Tự phán đến Phan Bội Châu niên biểu</i>	05
TOAN ÁNH <i>tủ sách xã thôn</i>	17
DOHAMIDE <i>thử bàn lại với nhà văn Bình Nguyên Lộc về</i> <i>« Người Châu giang »</i>	23
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>dịch thuật</i>	31
TRẦN NGỌC NINH <i>các hệ phái sa-môn và bà-la-môn qua lăng</i> <i>kính Phật-giáo (Sống với ý-thức-hệ)</i>	39
TỪ MINH Muammar Gaddafi, <i>chàng trai du-mục với mộng làm</i> <i>bá-chủ khối Ả-rập</i>	45
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>vô tuyến truyền Kiều (tùy bút)</i>	51
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>tự truyện giữa mùa hè (truyện)</i>	55
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>niềm tin còn lại (truyện)</i>	65
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	71

SINH HOẠT

TRẦN VĂN SUNG <i>vài nét về Hội-nghị các nhà Đông-phương-</i> <i>học tại Paris</i>	77
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	80
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	83
Họa sĩ VĂN-THANH <i>trình bày bìa</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
19, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
Giá : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 25-8-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Tính quần chuyện đời tập truyện vui của Đặng Văn Hầu** do Đồng Nai xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 300 trang, với nhiều truyện vui thuộc đủ mọi địa hạt văn hóa, chính trị, xã hội v.v... giá 460đ.

— **Á châu và các đại dương** (ảnh hưởng đối với trật tự quốc tế), nguyên tác của Robert A. Scalapino, bản dịch của Phạm Thiên Hùng, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, trình bày một viễn tượng mới về Á Châu cùng địa vị của nó trên trường quốc tế. Sách in trên giấy trắng dày. Giá 200đ

— **Chu Dịch tập I và II** do Sào Nam Phan Bội Châu dịch, giải thích và bình luận, Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng giới thiệu, Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Bộ sách công phu và giá trị, trọn bộ dày 1220 trang. Giá 800đ.

— **Hán-tự tự-học (Quyển I)** của Trần văn Quế, Thanh Hương từng-thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm 4 chương chỉ dẫn : cách viết chữ Hán, 214 Bộ, cách tra chữ Hán. Giá 150đ.

— **Hitler người phát động thế chiến thứ hai**, nguyên tác của Gunter Peiss, bản dịch của Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên do Sông Kiên xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 364 trang, nội dung hấp dẫn, với nhiều hình ảnh.

Nguyên Nhiều tổng phát hành.

— **Người Việt kỳ diệu**, nguyên tác của A. Pazzi, bản Việt văn của Vũ Hạnh, do Lạc Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày 114 trang, thuộc tủ sách « Kiến thức Mới ». Nam Cường phát hành. Giá 120đ.

— **Tình yêu và tuổi trẻ**, nguyên tác của Valery Larbaud, bản Việt văn của Huỳnh Phan Anh, do Lạc Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang, Nam Cường phát hành. Giá 220đ.

— **Thằng gù nhà thờ Đức Bà**, nguyên tác của Victor Hugo, bản dịch của Trần Quang Huế, Suối Trong xuất bản. Nam Cường phát hành và gửi tặng, sách dày 300 trang. Giá 400đ.

— **Contes et Récits, Histoires policières en français facile pour les exercices de lectures et de conversation**, của Gaston Mauger, Khai Sáng xuất bản, Nam Cường phát hành và gửi tặng. Sách dày 80 trang.

— **Khuôn mặt người tình**, tập truyện của Hoa Tường Dung do Phương Thảo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 9 đoản thiên. Giá 150đ.

— **Những bảo ngọc chói ngời của Đức Maria**, của Fr. D. M. Trịnh Ngọc Khứng, do Chân Lý xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 278 trang. Đức Cha Hoàng văn Đoàn giới thiệu. Giá 350đ.

— **Đại Mộng tập thơ của Võ Chân Cửu** do Nhị Khê xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 2 của tác giả dày 78 trang gồm 60 bài thơ rất đặc sắc. Bản đặc biệt. Giá 320đ.

Từ « Tự Phán » đến « Phan Bội Châu niên-biểu »

Nhà Xuất bản Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa mới cho ấn hành bản « Phan Bội Châu niên biểu (viết tắt là NB) tự truyện của Phan Bội Châu trong tủ sách Tài liệu lịch sử. Quyền này, trước kia, năm 1956, nhà xuất bản Anh-Minh (Huế, nay dọn vào Đà-nẵng (1)) đã ấn hành với đề « Tự Phán » (viết tắt T.P.).

Tuy nhóm trên nói là chỉ ấn hành 1000 (một nghìn), cuốn, dưới hình thức tài liệu phổ biến nội bộ (và chưa được sự đồng ý của gia đình tác giả), song vì thấy sách có bán ra ngoài nên tôi nghĩ là có bốn phần góp vài ý kiến về lần ấn hành này. Tôi tin là những điều tôi sắp nói có làm mích lòng vài người, song đã đến lúc chúng ta cần phụng sự văn học, lịch sử một cách chân thành, có phương pháp và tích cực hơn.

oOo

Tôi vẫn có nói ở đây đó là Miền Bắc hiện nay có nhiều nỗ lực về biên khảo, nhất là Sử. Mà việc nghiên cứu bao giờ cũng cần tham khảo.

Nhưng tham khảo không có nghĩa là chỉ biết có tài liệu Miền Bắc cũng như tài liệu của Pháp mà quên hẳn những tài liệu phong phú, chính xác ở Miền Nam. Nhất là những vấn đề, những sự kiện đã từng xảy

ra trên lãnh thổ Miền Nam thì không thể hoàn toàn tin vào tài liệu Miền Bắc, nhất là tài liệu Pháp, trước khi sưu khảo những tài liệu hiện có ở Miền Nam.

Tôi từng thấy nhiều tác giả ở Miền Nam là Miền của Phong-trào Tây Sơn, Triều Nguyễn, Phong trào Cần vương, Đông Du, Duy Tân, vua Duy Tân, Phong trào Dân trí (1922—1930) (2), Đề tam, Đề tứ, Hát bội, Cải lương v.v..., nghĩa là những vấn đề tối quan trọng mà miền Bắc gần như không biết chi tiết cho kỹ. Vậy mà hễ động tới là cứ đổ sách Bắc, sách Pháp ra, làm cho chính người Bắc, người Pháp biết tự trọng phải đỏ mặt.

Tôi không nói nhiều. Vì những bệnh Bắc, bệnh Pháp đó nay hết sức phổ biến, nhất là trong giới Đại-học là giới đáng lẽ phải biết rõ dân tộc và địa phương hơn ai hết. Và cũng vì cứ đổ sách Bắc, sách Pháp ra, cho nên tôi thấy các nhà biên-

(1) Không xuất bản sách về sử liệu nữa mà chỉ chuyên về Oshawa (gạo lúc muối mè). Văn do ông Anh Minh Ngô thành Nhân chủ trương.

(2) Thời kỳ sôi động về dân quyền không thua gì Phong trào Duy Tân. Tôi đã viết thành Phong trào Dân trí (Hậu Phong trào Duy Tân) sẽ ấn hành.

khảo của ta đi từ khiếm khuyết này tới sai lầm khác.

Kỳ này, tôi đơn cử trường hợp *Phan bội Châu niên biểu* (NB) làm điển hình và qua đó, tôi trình bày cụ thể một số nhận xét của tôi phù hợp với giới thuyết trên đây. Tôi xin các văn hữu trong «Nhóm Nghiên cứu Sử địa» nên hiểu cho đây chỉ là một trong trăm ngàn trường hợp và tôi đã chọn NB chỉ vì một sự ngẫu nhiên: đang cần tìm mua Tự Phán (TP) thì gặp sách ấy! Chớ còn bao nhiêu sách khác tôi đã nhiều lần phân nân song lại không gặp cơ hội nói tới cho thật kỹ.

oOo

Tại sao ấn hành NB? Ông Nguyễn Khắc Ngữ, trong bài Tựa cho biết là vì nhu cầu «Tài liệu sử». Tôi chắc rất đúng. Vì chính tôi đã chờ đợi từ lâu một tái bản Tự Phán mà không thấy. Học giới, nhất là sinh viên, muốn mua đành thất vọng. Trong khi ấy ở Bắc, theo NB, thì 1956, ấn hành lần thứ 1 (*Tự phê phán*, bản dịch của Tôn quang Phiệt và Phạm trọng Diêm), tái bản năm 1957 (đổi tên là *Phan Bội Châu niên biểu*). Như thế, ở Miền Nam, xét ra việc ấn hành những sách quan trọng, có một giá trị lớn lao, sâu xa cho học giới bị xem nhẹ quá (1956 → 1973 = 17 năm!)

Tôi nói thế là vì ai có đọc qua Tự Phán cũng đều thấy chân giá trị của nó; nhất là đối với những ai muốn nghiên cứu Sử một cách chính xác, không thể nào thiếu nó.

Ông Ngữ muốn ấn hành bản sách này một cách kỹ lưỡng hơn Tự Phán của nhà xuất bản Anh Minh. Vì thế, ông đã tìm cho được những ấn bản khác để nghiên cứu, bổ túc và ai có cơ hội đọc qua cả hai cuốn Tự Phán (1956) và Phan Bội Châu niên biểu (1973) cũng thấy dễ dàng quyền sau phần *cước chú* vượt xa quyền trước và chắc hẳn giúp cho học giới được nhiều chi tiết quý báu.

Nhưng, vượt lên trên *cước chú* (1), sau mười bảy năm đằng đẳng, sách sau hơn sách trước những gì? Tôi thấy không hơn mà vài chỗ còn kém thua.

Trước hết, đứng về phương diện nhà nghiên cứu, họ phải tìm cho được nguyên-bản hoặc những bản tin cậy được, càng cũ càng quý. Ông Nguyễn Khắc Ngữ đã ghi:

«Theo Georges Boudarel, tác giả đã dịch *Phan Bội Châu niên biểu* ra Pháp văn (2) thì sách này được chép thành nhiều bản, một số bản do các con cụ Phan giữ ở Nghệ An (3) trong số này hiện tàng trữ tại Thư viện Khoa học Hà-nội) 1 bản do ông Hoàng Xuân Hãn giữ ở Paris, còn một số bản lưu lạc ở Miền Nam.»

Ấy, đáng phục cái anh sinh viên Pháp quốc nào đó (làm luận-án Tiến sĩ đệ-tam cấp) từ bên Pháp qua Hà-

(1) Nguyễn Khắc Ngữ chú thích.

(2) Georges Boudarel «Mémoire de Phan bội Châu» France -- Asie số 194-195 3e et 4e trimmestre 1968 (NB)

nội để đi tìm xem ba bản (chữ Hán?) tại Hà-nội rồi còn tìm cho ra cuốn ở nhà ông Hoàng Xuân Hãn ở Paris nữa. Như thế là nhờ anh mà biết đích xác miền Bắc còn giữ được ba bản. Còn Miền Nam? Cũng còn chứ. Nhưng chúng nó toàn là loại «tản cư», «di cư» «trôi nổi» như cuộc đời của bọn lưu dân, chạy giặc, nên chúng đang lưu lạc ở miền Nam. Hỡi ơi! Tên Boudarel hay ông Nguyễn Khắc Ngữ dùng chữ nghĩa hay ho như thế? Tôi xin thưa ông Ngữ: quả lũ chúng có lưu lạc đấy, nhưng ít ra ông cũng biết một địa-chỉ nào của chúng chó! Tôi muốn nói tới nhà Anh-Minh đã từng xuất bản sách *Tự Phán* mà ông đang cầm trên tay. Tại sao ông không thử hỏi nhà ấy xem có còn giữ bản chữ Hán nào không? Tối thiểu ông Giám đốc nhà Anh Minh cũng có thể chỉ cho ông một địa chỉ nào đó. Vì, nếu không phải con ông Phan (Bội Châu) thì rõ ông Huỳnh (Thúc Kháng), cháu ngoại ông Phan (Châu Trinh) v.v... Nhưng chưa cần đâu! Ông Anh-Minh có đầy đủ hơn là ông Ngữ nghĩ và những tài liệu ông ta trình bày (một đống!) sẽ khiến không chỉ ông Ngữ, mà cả những nhà nghiên cứu Miền Bắc sẽ ngạc nhiên:

— 1) Một bản *Tự Phán* (Hán) do Huỳnh Thúc Kháng chép lại, chữ hơi thảo.

— 2) Một bản *Tự Phán*, chữ Hán chân phương chép lại bản trên.

— 3) Một bản dịch ra quốc ngữ

do Phan Bội Châu dịch miệng, học sinh ghi chép và Huỳnh Thúc Kháng nhuận sắc. (Tức là *Tự Phán* do Anh Minh xuất bản).

— 4) Bản đánh máy lại bản dịch, có thêm tiêu đề.

Cả bốn bản này, nhất là bản 1 và 3 đều quý báu, vô giá. Vì quyền thứ nhất, do Huỳnh Thúc Kháng sao thì có thể nói chắc trong nước Việt Nam, không hy vọng tìm đâu ra một một bản sao đúng hơn:

a) Tiến sĩ Huỳnh có tiếng là có trí nhớ hảo hạng. Lại là bạn thân nhất của Phan Sào Nam suốt từ 1925 (1) đến 1940 (Sào Nam chết) đã có rất nhiều liên hệ chặt chẽ về phương diện tình thân (chính trị...) vật chất (tiền bạc...).

b) Là người được Phan Sào Nam đưa cho đọc quyền «*Tự Phán*» sớm nhất (1929). Rồi sau đó lại đưa cho nhuận sắc bản dịch. Sở dĩ có sự tin cần đó là vì Huỳnh Thúc Kháng có kiến thức sâu rộng về chính trị, có thể bổ túc cho Sào Nam những thiếu sót hay lầm lẫn và hơn hết: có thể giữ bí mật những điều không cần tiết lộ. Chính quyền sách này, sau khi nhuận sắc xong, đã được giữ kỹ trong nhà báo *Tiếng Dân*, các nhân viên — ngoại trừ vài người thân tín — không ai được biết.

Cho nên tôi tin chắc là trước khi cần biết những bản nào khác

(1) 1925, Huỳnh Thúc Kháng ra Huế lần đầu gặp lại Phan Bội Châu sau nhiều năm xa cách đề bàn việc Nhân dân đại biểu (*Tự Truyện*).

thì phải biết bản của chính ông Phan Sào Nam rồi tới bản ông Huỳnh Thúc Kháng. Bản ông Sào Nam hiện ở đâu? Có thể ở Bắc chẳng? Vì cậu lớn (Nghị Huỳnh) ở ngoài đó (nay nghe nói đã chết). Tôi chỉ nói *có thể* chứ không quả quyết vì lẽ quyền ấy có nhiều phần chắc hơn là đã nằm ở nhà ông Phan tại Bến Ngự và mất trong dịp tản cư. Nay ở Miền Nam không còn bản chính mà còn bản của Huỳnh Thúc Kháng thì chắc không tìm đâu ra bản tốt hơn, đáng tin cậy hơn mà các học giả cần phải biết.

Còn bản dịch của ông có giá trị gì? Vốn ông Phan viết quốc ngữ rất kém (1) (thế mà có người gán cho ông là thủ lãnh Phong trào Duy Tân =

dân quyền, quốc ngữ v.v...) nên khi muốn viết gì thì đọc bằng miệng cho con, cháu, học sinh ghi chép. Do lẽ dùng *văn nói* khó xem nên ông đã đưa (như vẫn đưa) cho ông Huỳnh nhuận sắc. Tôi đã thấy bản nhuận sắc (ông Anh Minh quả quyết chữ ông Huỳnh bằng mực đỏ) và Anh Minh cũng đã theo bản nhuận sắc này mà ấn hành. Như thế, bạn đọc Tự Phán hay NB (của Nhóm sử địa) là đọc chính bản nhuận sắc công phu ấy. Mặc dầu ông Nguyễn Khắc Ngữ phủ nhận sự nhuận sắc này: "nhưng chính trong bài tựa cụ Huỳnh chỉ có ghi là cụ được tác giả đưa cho xem", nhưng thực sự, ông Ngữ đã ấn hành bản nhuận sắc mà không biết. Tôi lấy tỉ dụ ngay từ trang đầu:

Bản chính

...có kẻ *thương* tôi, có kẻ *yêu* tôi có kẻ trách vọng tôi, thấy muốn biết *hết* đầu *đuôi* lịch sử của Phan bội Châu.

Than ôi ! Lịch sử tôi mà có gì ! Chỉ là một bộ lịch sử hoàn toàn thất bại ! Chân *giời* góc *bề*, gần ba mươi năm, *bắt đầu* vì tôi *rầy* họa tràn quân quốc, *vào* ngục vì *phe phái*, độc trôi đồng bào... (2)

Đã biết qua hai bản trên rồi, chúng ta cũng cần biết thêm về tên sách và các tựa, tiêu đề.

1/ Nguyên bản chữ Hán có tên là *Tự Phán*.

2/ Sau hai chữ Tự Phán, trang thứ nhất có chữ *Tự* (tức là *Tựa*) bắt đầu bằng câu : *Dư tự hải ngoại phù*

Bản nhuận sắc

... có kẻ *yêu* tôi, có kẻ *ghét* tôi, có kẻ *biết* tôi, có kẻ *trách* vọng tôi, thấy *đều* muốn biết đầu *đuôi* lịch sử của tôi : Phan bội Châu.

Than ôi ! Lịch sử tôi mà có gì ? Chỉ là một bộ lịch sử hoàn toàn thất bại ! Chân *trời* góc *bề* gần ba mươi năm, vì tôi *liên lụy* mà kẻ *chết* người *tù*, họa tràn quân quốc, độc trôi đồng bào...

hoàn (Tôi từ ngoài *bề* bị *bắt* sống đem về...). Tựa chấm dứt, sang tay khác.

3/ *Tự Phán* : bắt đầu bằng câu : *Dư chi lịch sử...* (Lịch sử của tôi...)

(1) Bị bắt về nước khá lâu mới học chữ Quốc ngữ.

(2) Những chỗ in xiên là có thay đổi. Song chưa đủ, xin so sánh kỹ hai bản.

Bản dịch ra Việt văn của Phan Bội Châu cũng y như thế. Vậy mà ngoài Bắc, hai dịch giả (Tôn quang Phiệt và Phạm trọng Diêm) lần đầu gọi nó là *Tự phê phán*; lần thứ hai gọi là *Phan bội Châu niên biểu*.

Tôi không phản đối cái tên nào. Nhưng tôi muốn tôn trọng cái tên mà chính tác giả (cũng là dịch giả) đã để trên tác phẩm của mình: *Tự Phán*. Và chẳng, nó tuy là một *niên biểu*, nhưng hoàn toàn không khô khan như một *niên biểu*—như Huỳnh Thúc Kháng *niên biểu* mà Anh Minh ấn hành dưới tên *Tự truyện* (1) — và cũng không cố ý diễn tả theo tinh thần *niên biểu* mà thật sự là một *Tự phán theo niên biểu*. Đó chính là chỗ đặc thù và cũng là đặc sắc của toàn bộ cuốn sách này. Vì kể chuyện tới đâu, tác giả đều có lời tự phê phán (khen và chê) việc của mình một cách thành khẩn. Rõ ràng là tác giả, ngoài tự phán, còn muốn nêu những thành bại của đời mình làm gương tranh đấu, kinh nghiệm dẫn thân cho lớp hậu sinh. Hiểu rõ chỗ huyền áo ấy, Huỳnh Thúc Kháng luôn luôn gọi nó là *Tự Phán* và mở đầu bài tựa bằng hai câu thơ:

*Hậu tử cánh đa tân tuế nguyệt,
Tiền trình bất thị ác phong vân.*

Dịch:

«Lớp trẻ còn nhiều năm tháng tới,
Đường sau chưa phải gió mưa ròng.»

Và chẳng, hai nhà dịch sách ở Bắc có thể đổi tên sách còn hữu

lý vì họ *tự dịch* lấy sách. Còn ông Ngữ và các bạn của Nhóm không thể đổi tên vì nó là cái tên *đã có sẵn của bản dịch*. Hai bên (Bắc, Nam) có địa vị và quyền lợi khác hẳn nhau, bắt chước sao được, trừ phi ông Ngữ *tự dịch* lấy.

Đó là Tên của sách. Còn như cách nhân chia quyền sách thì sao? Nhà tái bản không đề ý đến một điều quan hệ: nguyên bản không có các tiêu đề cho mỗi tiểu đoạn. Bản dịch cũng không có. Chỉ riêng bản đánh máy đưa kèm duyệt và in là có; nghĩa là các tiểu đoạn được ông Anh Minh phân ra (2) rồi tự đặt tiêu đề cho «bạn đọc đỡ mỏi mắt», vì thế, cách phân đoạn (của Anh-Minh) và tiêu-đề kia cần xét lại. Nếu ông Ngữ đề ý một chút, ông sẽ thấy chẳng hạn, cái tiêu đề này không *nhịp nhàng* tí nào với nội dung đoạn văn cả: «*Giao thiệp với người Nga và thấy chỗ xảo quyết của họ.*» (3) Rõ là một cái đề... tuyên truyền dưới thời Ngô Đình Diệm!

Tôi cũng cần nói thêm là trong bản đánh máy có một số rất ít chữ mới chừa. Vậy là có thêm phần nhuận sắc — rất nhỏ — sau phần tự ý đặt các tiêu đề nói trên của Anh Minh và chắc hẳn bản NB đã in

(1) 1963

(2) Bản Hán, tôi thấy có phân tiểu đoạn bằng cách qua hàng, song chưa hẳn được Anh Minh tôn trọng.

(3) Phần này, Kiểm duyệt (?) thời ấy có gạch một đoạn mà ý nghĩa càng thêm trái ngược với tiêu đề. Bản đánh máy còn đoạn ngắn ấy.

theo như thể mặc dầu ông Ngữ cho «bản này)Tự Phán, có nhiều chỗ sai lầm, nhiều đoạn thiếu chi tiết.» (Tựa NB trang 7). Tôi sẽ chứng minh ở sau là không thể có bản dịch nào có nhiều chi tiết hơn bản dịch của ông Sào Nam vì ông tự ý thêm chi (iئت vào cho người đọc dễ hiểu.

Về thời biểu viết sách này (chữ Hán), ông Ngữ ban đầu cho là «viết vào khoảng từ năm 1929 đến năm 1937.» (trang 5) nhưng sau đó, cũng chính ông viết: «Do đó ta có thể tin rằng thời gian cụ viết sách này vào khoảng 1928 về trước.» Ông tiếp «điều này phù hợp với điều cụ Huỳnh Thúc Kháng viết trong bài Tựa cuốn Tự Phán là năm 1929 cụ đã được cụ Phan đưa cho xem sách này» (trang 6). Nhận xét này sẽ trái ngược hẳn với ở trang tiếp theo, khi trong cước chú, ông bảo «Tuy nhiên hai chữ «năm 1929» có vẻ lạc lõng đối với câu văn, có lẽ do nhà xuất bản Anh-Minh thêm vào sau này.» Nói thế thì lấy đâu có chữ 1929 (của Huỳnh Thúc Kháng) đã ghi và là niên biểu duy nhất để ông căn cứ vào đó mà quyết đoán như trên kia, dù ông rất tự mâu thuẫn (khi thì bảo từ 1929 đến 1937 — khi lại bảo khoảng 1928 về trước !)

Sự thật, đúng là sách này viết xong 1929 như Huỳnh Thúc Kháng ghi.

Và sách này dịch xong ngày 19 tháng 10 năm Tân Vị (1931).

Sở dĩ tôi biết như thế là vì trong bản dịch và bản đánh máy đều có ghi niên biểu ấy sau bức thư gởi cho Tây

Hồ «Ký Tây Hồ tiên sinh thư», (1) Nhưng vì ông Phan không biết viết, mà người chép kém nên ghi ngay cuối bức thư (2), khiến người ta (kể cả Anh Minh và Nguyễn Khắc Ngữ) đều lầm. Vì chúng ta đều biết thư trên gởi năm 1906 lúc ở Nhật-bản chứ đâu phải bây giờ mới viết. Anh Minh muốn phù hợp với Tựa Huỳnh Thúc Kháng nên đổi Tân Vị sang Kỷ Tỵ (1931 ra 1929). Ông Ngữ cũng yên trí Kỷ Tỵ (1929). Cả hai ông đều lầm. Tôi cũng cần nói thêm là trong bản chữ Hán không có thư trên; mà trong hai bản dịch chép tay, đánh máy cũng đều không có bản dịch thư ra quốc ngữ cũng như không có bản dịch bài thi cuối cùng ra quốc ngữ. Ai dịch? Tôi hỏi, ông Anh Minh cũng quên khuấy...

... 2

NGUYỄN VĂN XUÂN

(2) Âm quốc ngữ và không có bản dịch

(1) Chớ không chừa lấy năm ba hàng

Một người đã từng viết sách báo Pháp đã từng được giải thưởng dịch thuật, nhận dịch các tác-phẩm, văn hiện, tài liệu từ Việt sang Pháp và từ Pháp sang Việt.

Công việт cần thận và kín đáo.

Xin liên lạc với Cơ sở dịch thuật số 284/20 Cô Bắc Saigon.

Đ.T : 20.414 - 25.460

Học ngay từ bây giờ để hoàn-tất chương-trình sớm

* Các lớp thường xuyên của Trường dạy theo phương pháp cho từng cá nhân, nhận ghi tên học bất cứ lúc nào là học ngay từ đó, không kể từ đầu tháng, nên học viên có thể hoàn tất chương trình sớm. Thích hợp cho mọi quân nhân, công tư chức trong mọi hoàn cảnh chuẩn bị thi Trung Học Tráng Niên, Tú Tài 2 Mới. Đặc biệt lớp Dự Bị 12 ABC cho các bạn đã học qua lớp 11 hay Đề nghị cũ học thi thăng Tú Tài 2 Mới. NK 73-74. Đầy đủ các lớp trung học từ 6 đến 12 ABC.

* Xin ghi tên sớm tại trường hàm thụ thành lập trên 10 năm nay, có uy tín, kết quả thi đậu cao.

Trường TÂN-HÀM-THỤ

23 Nguyễn-văn-Giai Đakao (Gần cầu Sắt) — Saigon 1, ĐT. 95.753

* Cắt hay chép Phiếu dưới đây để lãnh Thẻ Lệ, Mẫu Đơn.

Yêu cầu Trường Tân Hàm Thụ, 23 Nguyễn văn Giai, Saigon 1, gửi ngay cho các tài liệu trên.

Họ tên _____

Địa chỉ _____

MUA SÁCH THEO ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN

Các bạn bất cứ ở địa chỉ nào, trong và ngoài nước, cần mua một hay nhiều cuốn sách, chúng tôi sẽ gửi sách đến tận tay bạn, chắc chắn, nhanh chóng, giá phải chăng.

Đủ loại sách cần thiết cho bạn, được hướng dẫn lựa sách có tập thư mục ghi đầy đủ mọi thứ sách. Xin liên lạc về: tham khảo (30\$/1 coupon) t.k. kèm thư mục ngành (45\$/1 coupon) thêm mỗi thư mục ngành (35\$/1 coupon) thẻ lệ kèm thư mục tổng hợp chi nam (135\$/6 coupons máy bay, 2 coupon thúy). Mới phát hành: Tập « THƯ MỤC TỔNG HỢP CHI NAM » chọn lựa và ghi chép từng mục những sách hay và ích lợi nhất làm phương tiện để quý bạn tra cứu, lựa sách và đặt mua sách theo đường bưu điện.

BAN THƯ PHẨM TÂN HÀM THỤ

23 Nguyễn Văn Giai, Đakao, Saigon 1, Điện thoại: 95.753

Bạn cần 1 nghề chuyên môn để tìm việc làm?

Mời bạn đến trung-tâm giáo dục tráng-niên CẤP TIẾN ghi tên học lớp

KÊ TOÁN-TỐC KÝ NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

mỗi tháng đều có khai giảng lớp mới tại 2 trường

— NGÔ-TÙNG-CHÂU 93 Ngô-tùng-Châu quận 2 Sài gòn

— HÙNG-VƯƠNG: 124 Hùng-Vương quận 5 Chợ lớn

LƯU Ý: Mời các học viên đã ghi tên thực tập tại ngân hàng liên lạc gấp với văn phòng.

— Các hồ sơ xin học bổng phải nộp đầy đủ

— các sách KẾ TOÁN và NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG mua tại trường được hưởng giá đặc biệt.

Quản-đốc: G.S. TRẦN-MINH XUÂN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.D.

Nhà xuất bản Lá Bối

Lô O, 121, Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Những tác phẩm tăng giá trị của tủ sách

- SỬ KÍ CỦA TƯ MÃ GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
THIÊN Lê giới thiệu dịch và chú thích
- CHIẾN QUỐC SÁCH GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
Lê giới thiệu dịch và chú thích
- TÌNH NGƯỜI Tâm Quán
- GÓP NHẶT CÁT ĐÁ Thiền sư Muju, Đỗ Đình
Đồng dịch
- BÀI HỌC CỦA WILL Durant, Nguyễn Hiến
LỊCH SỬ Lê dịch
- LIỆT TỬ VÀ NGUYỄN Hiến Lê dịch giới
DƯƠNG TỬ thiệu và chú thích
- NÓI VỚI TUỔI NHẤT Hạnh
HAI MƯƠI (tái bản kỳ 7)

Tủ sách xã thôn

Hiện nay tại Việt-nam, số Thư-viện công cộng so với các nước lân cận thật ít ỏi. Cho tới ngày nay, theo thống kê của Hội Thư-viện Việt-nam thì con số rất khiêm tốn, chưa lên quá 200, kể cả một số Thư-viện học-đường tại các trường Trung-học, trong khi tại Phi-lật-tân, con số đó lên tới trên 5.000.

Sự kiện này không khỏi có nhiều ảnh hưởng trên mọi khía cạnh :

— Những lớp người vì lý do sinh kế phải rời khỏi học đường, muốn cầu tiến không có nơi để đọc sách tra cứu học hỏi.

— Việc giáo dục đại chúng gặp nhiều trở ngại, đại chúng đã không có sách vở cần thiết, lại thiếu nơi có thể cung ứng cho mình những tài liệu tìm tòi là Thư-viện.

— Sự phát huy văn-hóa bị trì trệ: Những người muốn nghiên cứu sưu tầm không biết nghiên cứu sưu tầm ở đâu, nhất là những người ở xa Sài-gòn, nơi có đôi ba Thư-viện khả dĩ cung cấp được một phần nào những tài liệu cần thiết. Ngoài ra chính vì những người làm văn hóa khi hoàn thành được một công trình, công trình này nếu được xuất bản lại không có nơi tiêu thụ; những loại sách này rất ít người chịu mua, độc giả chỉ hạn chế trong một số người thuộc giới trí thức, tuy nhiên lại rất cần thiết để giúp các học-giả nghiên

cứu và giúp các độc giả có thêm kiến-thức.

— Sách và nhất là báo chí không đi sâu vào mọi tầng lớp quần chúng nhất là tại các làng xã. Thực vậy, ngày nay, nếu chúng ta *trông thẳng vào vấn đề phát hành báo chí*, chúng ta phải nhận thấy sự phát hành này chỉ thường đi tới cấp tỉnh, họa hoằn tại một vài tỉnh, báo chí sách vở mới đi được tới cấp quận, còn cấp xã, cấp ấp thì hoàn toàn không có. Nếu có một vài tờ báo thỉnh thoảng đi được tới nơi đây, đó chính là những phép lạ, hoặc do một vài người ở quê nhân dịp ra tỉnh mua về, hoặc do một vài người ở tỉnh về quê tiện tay mang theo.

— Các nhà văn nhà báo, nói chung các nhà cầm bút, bị thiệt thòi trong việc phát hành các tác phẩm của mình, do đó bị hạn chế về phương diện tài chánh, và sự kiện này rất ảnh hưởng tới công việc sáng tác.

— Tin tức trong và ngoài nước do báo chí loan đi không được phổ cập tới đại đa số quần chúng nông thôn.

Trước tình trạng thiếu thốn thư-viện công cộng để phục vụ quần chúng, để làm nhẹ bớt phần nào những ảnh hưởng nêu trên — có thể có những ảnh hưởng sẽ giảm thiểu tối đa — những tủ sách xã thôn cần được gấp rút đặt ra.

Những tủ sách này sẽ thay thế một cách rất hữu ích những thư-viện công cộng và có thể nói còn hữu ích hơn, trên một vài phương diện, những thư viện công cộng trong lúc này mới chỉ được lập ở những thị-trấn lớn.

Đến đây, có vị sẽ hỏi :

— Đồng ý lập những Tủ sách xã thôn là cần thiết, nhưng lấy đâu ra kinh phí để chi tiêu trong việc thành lập những tủ sách này ?

Để trả lời câu hỏi trên, dưới đây chúng tôi xin trình bày những phương thức để thành lập những tủ sách này với một số kinh phí tối thiểu, thật là ít ỏi, ít ỏi đến độ bất cứ xã nào cũng có thể thành lập nổi.

oOo

Một tủ sách muốn được thành lập, ít nhất sẽ đòi hỏi :

- Một trụ sở
- Một số tối thiểu vật liệu
- Một số tối thiểu nhân viên
- Một số sách báo lúc ban đầu và sau này hàng tháng cần được tăng cường thêm sách báo.

Giải quyết những đòi hỏi trên

Trụ sở.— Cần thiết nhất cho một tủ sách là một trụ sở. Đây là nơi lưu trữ sách, và cũng là nơi dân thôn tới mượn sách hoặc đọc sách.

Tại Saigon hoặc ở một thị-trấn, vấn đề trụ sở sẽ rất khó giải quyết, nhưng tại các xã thôn, đây là một điều rất dễ dàng; nhất là

đối với một tủ sách, trụ sở không cần rộng lớn bao nhiêu, có thể nhờ ngay Hội đồng Hành chánh xã dành cho một góc nhỏ ở ngay ngôi nhà của trụ sở xã để đặt tủ sách.

Vật liệu.— Tuy đặt ra vấn đề, nhưng thực ra không có gì. Lúc ban đầu chỉ cần độ 2 chiếc tủ có khóa để đựng sách và một bộ bàn ghế dùng cho nhân viên phụ trách tủ sách.

Làng xã có thể kêu gọi là sự giúp đỡ của dân làng, sẽ có người cho mượn tủ cũ và cả bàn ghế cũ nữa. Dù cho không có ai sẵn lòng cho mượn thì số chi phí này cũng không tốn bao nhiêu, ngân sách xã có thể đài thọ được. Thường thì vì sự công ích của làng xã, bao giờ cũng có những người dân sẵn lòng giúp làng.

Cũng phải nói đến một số tối thiểu vật liệu văn phòng như một cuốn sổ ghi những sách báo của tủ sách, một cuốn sổ ghi những người mượn sách và ít nhiều giấy bút mực. Những vật liệu văn phòng này tổng cộng không đáng giá bao nhiêu, văn phòng Hành chánh xã có thể cung cấp được.

Nhân viên.— Công việc trông nom tủ sách xã thôn không giống như công việc của các nhân viên thư-viện công cộng. Tại các làng xã thường ban ngày dân chúng bận rộn đi làm ăn, ít khi họ lui tới tủ sách, họ chỉ tới tủ sách lúc buổi chiều, sau khi mọi công việc và sinh kế đã xong,

nếu có báo thì họ đọc báo, hoặc không có báo thì họ mượn sách về nhà đọc. Lúc này mới cần có sự hiện diện của nhân viên tủ sách.

Nhân viên tủ sách không bận rộn bao nhiêu. Làng xã có thể nhờ hoặc ông Ủy viên Văn hóa hoặc ông Thư ký Hội-đồng xã kiêm nhiệm. Với sự kiêm nhiệm này, làng xã không phải trả toàn thù lao, mà chỉ cần trả một số tiền phụ cấp từ 1.000đ. đến 2000đ. một tháng.

Trong trường hợp tủ sách đặt ngay tại Hội quán xã, trụ sở làng ấp, việc kiêm nhiệm này càng tiện hơn, như vậy nếu ban ngày có người tới mượn sách hoặc đọc sách cũng có thể được.

Về vấn đề mượn sách, có vị sẽ thắc mắc, nhưng trong làng xã với nhau, mọi người đều biết rõ nhau, việc cho mượn sách không ngại sự mất mát như tại những thư-viện công-cộng ở các thị-trấn.

Tiền mua sách.— Trước đây dưới thời Đế nhất Cộng hòa, tại ngân sách xã, nhiều xã có ghi khoản tiền mua sách cho xã. Ngày nay, nếu Bộ Nội vụ can thiệp yêu cầu các xã ghi vào trong ngân sách một số tiền mua sách báo hàng năm, tính đồ đồng mỗi tháng từ 5.000đ. đến 10.000đ. Số tiền này đối với một thư-viện công cộng thì là nhỏ, nhưng đối với những tủ sách xã thôn thì đây cũng là một số tiền tạm đủ, vì mỗi xã chỉ cần mua hai tờ báo hàng ngày, còn thì mua tạp chí và sách.

Trong lúc đầu tiên, để có ngay tủ sách tại xã thôn, các nơi sau đây vẫn thường xuất bản sách, hiện có thể cung cấp cho các xã một hai cuốn cho mỗi xã :

— Phủ Tổng Ủy Dân vận.

— Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa.

— Trung tâm Học liệu.

— Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Các cơ quan chuyên môn như Bộ Phát triển Nông Ngư nghiệp, Bộ Phát triển Nông thôn, Bộ Y-tế v.v... vẫn xuất bản sách, tạp chí hoặc tập san về các ngành chuyên môn cũng có thể gửi tặng cho các tủ sách xã thôn được.

Ngoài ra, ngay lúc tủ sách mới thành lập, Bộ Nội vụ có thể ra chỉ thị đề các xã trích ngay trong ngân sách xã, mỗi xã độ vài chục ngàn để mua sách trang bị lúc ban đầu cho tủ sách, — số tiền này thực ra đối với ngân sách xã không đáng bao nhiêu.

Ảnh hưởng của tủ sách xã thôn

Theo cách giải quyết trên, các tủ sách xã thôn có thể thành lập được ngay, với một kinh phí tối thiểu. Tủ sách xã thôn được thành lập sẽ có những ảnh hưởng tốt đẹp về mặt chính trị cũng như về mặt văn hóa giáo dục, và có thể nói cả về mặt kinh tế nữa.

— Về mặt chính trị.

Trước khi có cuộc ngưng bắn, trong những khi hành-quân, thỉnh thoảng chính quyền Cộng hòa thường

bắt được những tài liệu của bên kia dăm dúm đưa vào dân chúng. Dân chúng đã đọc những tài liệu này, — thường khi thành những tập sách nhỏ, không phải vì họ ưa thích bên kia, chỉ vì họ không có cái gì đọc, sách báo quốc gia, với sự phân phối thời đó và hiện tại nữa, làm sao đi tới nông thôn được.

Ngày nay, sau cuộc ngưng bắn, sự trà trộn của bên kia vào vùng quốc gia tất nhiên vẫn có, và có thể có nhiều hơn được, — muốn giành dân chiếm đất họ phải tuyên truyền mạnh.

Trước sự kiện này, chính quyền không thể làm ngơ được, cần phải có đủ các biện pháp để ngăn chặn tài liệu chính trị của bên kia đi sâu vào quần chúng quốc gia.

Chúng tôi không nói tới những biện pháp chính trị và an ninh, chúng tôi nghĩ một trong những biện pháp cần thiết là phải vô-hiệu-hóa những tài liệu đó, vô-hiệu-hóa bằng cách đem tới cho dân chúng sách báo để họ đọc. Có sách báo, nhất là những sách giải trí lúc ban đầu, họ sẽ thích đọc những sách báo này hơn những tài liệu khô khan về chính trị của phía bên kia. Rồi dần dà, cùng với sách báo giải trí, Tủ sách xã thôn sẽ được trang bị thêm những tài liệu về chính nghĩa quốc gia để người dân có dịp đọc ngẫm hầu biết hơn về đường lối quốc gia, những tài liệu về những thành quả tốt đẹp trên mọi lãnh vực chính quyền quốc gia đã thu thập được, để người dân đọc và tin tưởng vào đường lối quốc

gia. Với những sách báo, những tài liệu của các cơ quan gửi tới, người dân sẽ có cơ hội nhận thức hay dở giữa ta và bên kia, có cơ hội so sánh hành động của hai bên.

— Về mặt Văn hóa Giáo dục.

Cái lợi của các Tủ sách xã thôn trên phương diện này thật hiển nhiên.

— Dân quê có sách báo đọc, kiến thức họ sẽ mở mang thêm.

— Vấn đề giáo dục đại chúng qua sách báo sẽ thực hiện được.

— Các học sinh miền quê có nơi để tìm hiểu những điều cần biết qua sự tham khảo các sách báo của Tủ sách.

— Giữ một số em lâu lòng, chúng sẽ ham mê đọc sách không lãng phí thì giờ.

— Những việc truyền bá về y-tế, vệ sinh, canh nông ngư nghiệp v.v... sẽ được người dân chú ý qua sách báo.

— Được đọc sách, người ta sẽ có thể tạo được một phong trào đọc sách.

— Về mặt Kinh tế. Với con số xã ấp hiện thời, nếu mỗi ấp đều có một tủ sách, hay trong lúc đầu mỗi xã có một tủ sách thì mãi lực về sách báo sẽ tăng.

Và như vậy sẽ có ảnh hưởng tốt đẹp tới ngành xuất bản. Ngành xuất bản mở mang, các công nhân về ngành này sẽ không lo thiếu công ăn việc làm.

Và chính các văn thi sĩ, ký giả cũng sẽ hăng say trong công việc và nhiệm vụ thiêng liêng của họ, họ sẽ sáng tác đứng đắn và đều đặn, ngành xuất bản sẽ xuất bản những sách có giá trị về mọi mặt, số độc giả sẽ tăng thêm.

Riêng tại xã thôn, được đọc sách báo của tủ sách, người dân quê làm quen với sách, họ sẽ tìm mua đọc những sách mà tủ sách xã họ không có.

oOo

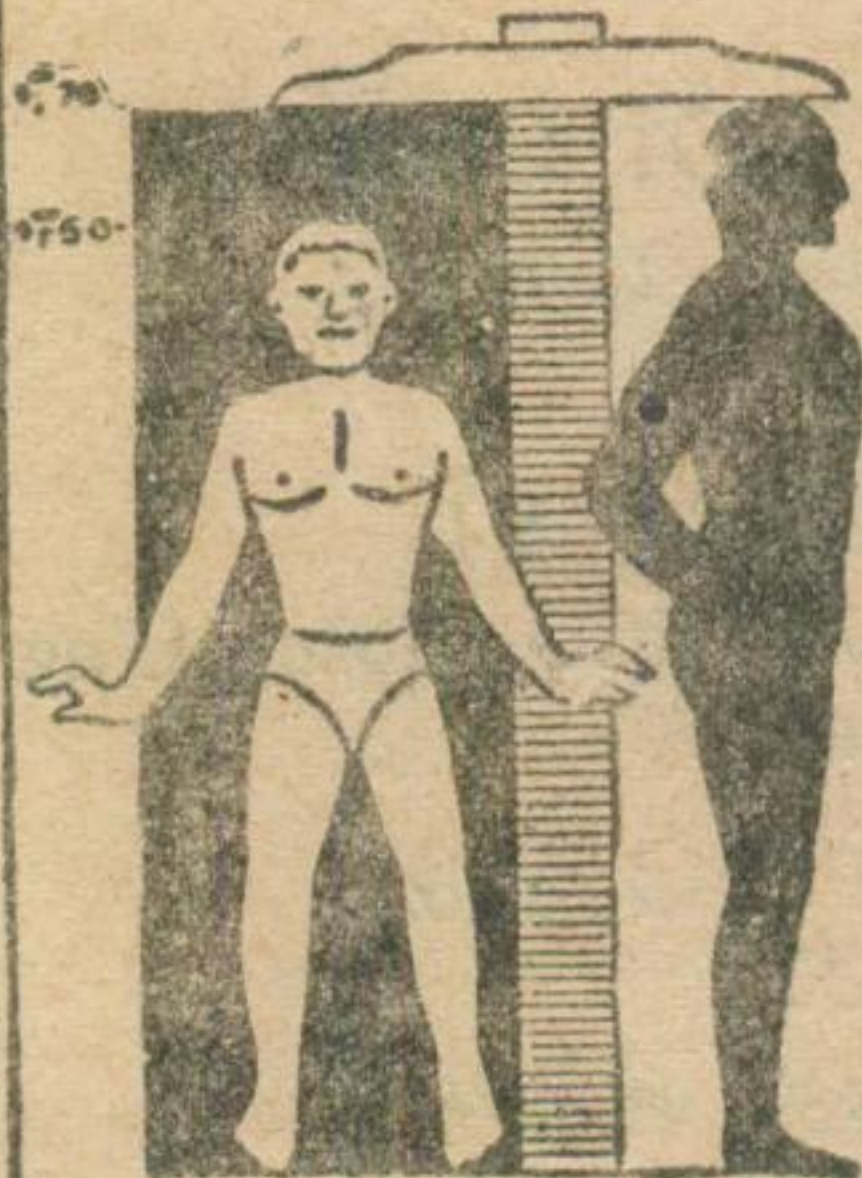
Với những điều trình bày sơ lược trên, chúng tôi nghĩ rằng muốn mở mang dân trí nông thôn cần cho dân quê đọc sách, và như vậy việc thành lập những tủ sách xã thôn thật là cần thiết.

Thực hiện những Tủ sách này quả thực không phải là khó khăn và cũng không phải là tốn kém, chỉ cần các cơ quan có trách nhiệm, nhất là những người lãnh đạo các cơ quan này có muốn làm hay không !

TOAN ANH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Nhị Khê

*Trân trọng giới thiệu một tuyệt tác
của văn hào bậc nhất Anh-quốc*

THOMAS HARDY

TRINH - NỮ

Tess of the d'Urbervilles

Ngay từ lúc khai sinh nó đã phải chịu những trận cuồng phong công kích tàn nhẫn của thời đại, vì nó dám là một người con gái tinh khiết — Một Trinh Nữ — Có lẽ người ta đã cảm nhận rằng trong cái xã hội phù phiếm này, con người là kẻ luôn luôn tìm cách bám víu vào một giấc mộng hão huyền... Cho nên Trinh Nữ hay linh hồn tinh khiết kia không được phép hiện hữu trong cõi đời này, nó phải theo lá cờ đen lên đoạn đầu đài để thực sự vĩnh viễn trở về trong cõi mộng du...

NGUYỄN QUỲNH

dịch từ nguyên tác, vẽ bìa, chân dung, phụ bản

Sách đã in

— TRIẾT LÝ ĐỐI CHIẾU

của Nguyễn Đăng Thục

256 trang, giá 385\$

— TÌNH NGHỆ SĨ

của PAUL GALLICO, Hoàng Ưng dịch

160 trang, giá 240\$

— ĐẠI MỘNG Thơ

của Võ Chân Cửu

80 trang giấy trắng tốt, giá 320\$

Nhà Xuất-Bản có nhận bán lẻ cho độc giả ở xa, bưu phiếu xin đề tên ông Nguyễn Thành Hải.

NHỊ KHÊ

482/52 Nguyễn Tri Phương Saigon 10

*Thử bàn lại với nhà văn
Bình Nguyên Lộc về:*

NGƯỜI CHÂU GIANG

Sau quyển « *Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam* » (1) đã phá sóng nổi, tự vạch một đường hướng nghiên cứu tách rời lối mòn do các tác giả Pháp, Anh đã đi qua, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã cho xuất bản thêm quyển *Lột trần Việt ngữ* (2) tiếp tục xây dựng và làm sáng tỏ thêm lý thuyết nguồn gốc Mã-lai.

Với công trình nghiên cứu kéo dài hơn mười năm, lẽ dĩ nhiên có nhiều điều đáng nói, nhưng cái khó đối với người đọc muốn nói một điều gì về công trình nghiên cứu của nhà văn Bình Nguyên Lộc là việc quyển sách không ghi xuất xứ tài liệu tham khảo từng trang một để cho người đi sau tiện tra cứu, đồng thời phân định những điều hầy còn là giả thuyết của tác giả và những điều đã được nhiều người chấp nhận.

Với tư cách là một kẻ hậu sinh từng băn khoăn về gốc nguồn, trưởng thành trong khung cảnh môi sinh đã được đề cập, chúng tôi xin thử nêu lên một vài chi tiết trong quyển *Lột trần Việt ngữ*, liên hệ đến nhóm người mà nhà văn Bình Nguyên Lộc mệnh danh là *NGƯỜI CHÂU GIANG*.

oOo

Tại trang 9, nhà văn Bình nguyên Lộc viết «trong tỉnh Châu đốc, có năm làng, mà dân ta gọi gộp là vùng Châu giang», dân ở đó «trong vòng mười năm nay, bỗng dưng tự xưng là Chàm».

Nhà văn Bình Nguyên Lộc nhất quyết người dân kể trên không phải là người Chàm, nên đã xếp họ vào một sắc dân riêng biệt gọi là *Người Châu giang*.

Sự thật là có tất cả 7 làng tại tỉnh Châu-đốc, dân cư có một lối ăn mặc khá đặc biệt, cái chăn thay cái quần

đầu đội mũ hoặc vấn chiếc khăn. 7 làng này mang những tên cũng khá đặc biệt: Châu giang, Đa phước, Katambong, Phum soài, La ma, Đồng cô ki, Tam hội. Đó là danh xưng ghi trên giấy tờ, còn riêng giữa họ với nhau thì họ gọi: Mat chruk, Koh Kabōa, Koh Ta Bong, Pulao Ba, Koh Kakia, Koh Koi.

Sau khi các xã ấp được tổ chức lại trước đây, các làng kể trên được sáp nhập vào xã người Việt, ngoại trừ Châu giang là xã có đông đảo người có phong tục tập quán đặc biệt kể trên, nằm bên kia bờ Hậu

(1) Bách Bộc xuất bản, 1971, 893tr.

(2) Nguồn Xưa xuất bản, 1972, 407tr.

giang, đối diện với châu thành Châu-phú, còn giữ nguyên danh xưng.

Châu giang, như vậy, chỉ là tên một xã, nổi bật nhứt do vị trí, nên giới bình dân không hiểu họ, không nói được tiếng nói của họ, hễ thấy người nào ăn mặc như họ là cứ gọi người *Châu giang*.

Trên thực tế, về phương diện hình thức, danh từ *Châu giang* chỉ chỉ định một xã, không thể chỉ định cả một tập thể người sống trên một vùng đất mênh mông hơn nhiều.

Sự kiện thứ nhất nhà văn Bình nguyên Lộc đưa ra đề bác bỏ việc cho nhóm người trên là Chăm là « người Chăm chạy vào đất Cao Miên lánh nạn, đều bị người Cao Miên bắt cóc để làm nông nô, sử Pháp đã cho biết như vậy. Vì thế mà họ căm thù Cao miên và theo Nguyễn hữu Kính để trở về với ta và được định cư ở Tây Ninh ». « Trong khi đó thì người ở vùng Châu giang lại được Cao miên ưu đãi từ trước đến thời đó ».

Thật ra, giữa người Chăm và người Khờ-me, không phải chỉ mới có sự tiếp xúc khi người Chăm chạy sang Cam-bốt lánh nạn một cách ồ ạt sau khi có những biện pháp gặt gao vào khoảng 1822, 1823, ngay khi bắt đầu triều đại Minh Mạng.

Trong lịch sử, cả Champa và Cam-bốt đều có nhiều dịp xua quân tiến đánh vào lãnh thổ của nhau, chẳng hạn vào năm 1170, Jaya Indravarman IV tiến chiếm tận trung tâm Vương

quốc Khờ-me và ngược lại, năm 1190, vua Khờ-me Jayavarman VII đã dùng 1 ông Hoàng Chăm là Vidayānandana, đang ăn náu tại Vương quốc Khờ-me xua quân đánh chiếm lại kinh đô Chăm.

Vua Pô Chơn là vị Vua Chăm cuối cùng của Vương quốc Champa suy vong đã cùng các cận thần trốn sang Cam Bốt. (1)

Chuyến trốn đi của Vua Pô Chơn có lưu lại dấu vết dọc theo lộ trình qua lãnh địa của sắc tộc *Chura* tại tỉnh Tuyên Đức và được lưu truyền trong các truyện cổ mà các cụ già, trong số người Chăm ngày nay, vẫn kể lại cho con cháu nghe.

Vua Pô Chơn và đoàn tùy tùng lưu vong đều theo Hồi Giáo, đã lôi cuốn đa số người Chăm theo Hồi Giáo rời quê hương. Điều này giải thích lý do vì sao trong số người Chăm hiện sống tại Bình Thuận và Ninh Thuận, chỉ có khoảng một phần ba người Chăm Hồi Giáo mà thôi.

Việc ra đi của người Chăm Hồi Giáo càng được thúc đẩy thêm do những khó khăn trong việc thích nghi cuộc sống với hoàn cảnh chánh trị mới, sau khi những biện pháp Việt-hóa khắt khe của triều đại Minh Mạng được áp dụng, thiết thực nhứt là việc người Chăm Hồi Giáo không dùng được thịt heo và việc hành đạo lại không thích hợp với các nghi thức cúng bái của người Việt chiếm đóng.

(1) E.DURAND, Les archives des derniers rois Chams. BEFEO, VII, tr, 255

Tại Vương quốc Khor-me, người Chăm Hồi Giáo đã định cư đông đảo nhất tại hai bên bờ sông Cửu Long và ngay đối diện với châu thành Nam-vang cũng có một tập thể Chăm Hồi Giáo gọi là Chruai Changvar. Phần đa số còn lại sống rải rác từ các tỉnh miền Bắc như Stung Treng, Kratié, Pursat, Battambang, cho đến các tỉnh miền Nam như Kampot, Kompong Cham, Kompong Speu, Prey Veng, Kampot.

Tại hầu hết các nơi trên lãnh thổ Kampuchea đều có bóng dáng người Chăm Hồi Giáo, nhưng sự hiện diện này, dưới cái nhìn từ bên ngoài, bị chìm hẳn đi, vì theo chánh sách của thời Sihanouk cũng như của thời Cộng hòa Khor-me hiện giờ, danh từ Chăm không được chánh thức dùng. Người ta chỉ gọi nhóm người Chăm Hồi Giáo này là người Khor-me Islam tức Khor-me Hồi Giáo mà thôi.

Sự hiện hữu của người Chăm Hồi Giáo lưu vong trên lãnh thổ Khor-me cho đến ngày nay chứng tỏ không phải tất cả người Chăm Hồi Giáo lánh cư sang lãnh thổ Khor-me đều bị bắt làm nông nô. Việc bắt làm nông nô do các tác giả Pháp ghi nhận vẫn có xảy ra, nhưng chỉ đối với một vài nhóm nhỏ. Người ta không quên Vương quốc Khor-me trước theo chế độ phong kiến, nên người ta không thể trông chờ ở một chánh sách đồng nhất khắp lãnh thổ Khor-me đối với người Chăm Hồi Giáo được. Do đó, nhóm người Chăm đã cầm thù Cao-miên và đã theo Nguyễn

hữu Kính trở về định cư ở Tây-ninh, chắc chắn, thuộc vào nhóm thiểu số kém may mắn này.

Theo tài liệu kiểm kê của các chức sắc Chăm Hồi Giáo, người Chăm Hồi Giáo tại Kampuchea hiện sống ở các tập thể bao quanh 140 thánh đường (ma-jid) ước chung vào khoảng 500.000 người so với khoảng 150.000 người Chăm Hồi Giáo và không phải Hồi Giáo sanh sống tại Việt-nam.

Về tổ chức xã hội, tôn giáo, ngôn ngữ, nhóm người Chăm Hồi Giáo Kampuchea thuộc cùng nhóm với người Chăm Tỉnh Tây-ninh và Châu-đốc.

Hầu hết các gia đình Chăm Tây-ninh và Châu-đốc đều có một vài thân thuộc sống tại Kampuchea.

Ngoài ra, các gia đình đều có lưu giữ ít nhiều tài liệu có giá trị lịch sử như những cây gươm gia bảo, những thẻ lá buồn trên có viết chữ Chăm *akhar tapũ* (*) cùng thứ chữ người Chăm miền Trung đang lưu giữ.

Điều chắc chắn là *akhar tapũ* (*) kể trên là loại chữ cổ của người Chăm, nay nếu nói người Chăm Châu đốc không phải Chăm thì làm sao giải thích sự hiện hữu của các tài liệu bằng *akhar tapũ* (*) kia ở các gia đình?

Các nhà thương buôn Á-rập, Mã lai đều có định cư tại Châu đốc, cũng không thể nào sớm tiếm nhiệm văn hóa Chăm để lưu giữ những tài liệu trên

(*) Chữ «u» ở đây có dấu « ̣ » ở trên.

như vậy. Lại nữa chính người Mã-lai và người Á-rập là giới người đã mang Hồi Giáo đến xâm nhập xã hội Chăm; họ đến với tư cách những người được trọng vọng nên không dễ gì dễ bị đồng hóa với người Chăm.

Ngoài ra, những câu ca dao, những câu truyện cổ như *Mũ sguh plây, Sakarai...* thường được ngâm lên trong những buổi họp mặt ban đêm trong các thôn ấp Chăm, gọi lại những thảm cảnh chiến chinh, những lời khuyên của bà mẹ đối với con gái v.v... nhắc nhở thời vàng son của Vương-quốc Chăm, nếu không phải chính người Chăm thì sự lưu truyền ngày nay còn có nghĩa gì nữa? Đây là khía cạnh tối ư quan trọng mà nhà văn Bình Nguyên Lộc không lưu ý.

Một sự kiện nữa mà nhà văn Bình Nguyên Lộc nêu lên để chứng minh người Chăm tỉnh Châu-đốc không phải Chăm, là « ta không gọi họ là Chăm từ thuở ấy đến nay, mà gọi họ là CHÀ VÀ. «Chà và» là danh xưng phiêu âm, ngày xưa chỉ dùng để trỏ người Java» «cho đến ngày nay, người miền Nam cũng cứ còn gọi họ là Chà Châu giang mà không là Chăm Châu giang».

Xuất xứ chữ *Chà và* từ chữ *Java* là do suy luận, nhưng khi áp dụng có sự khác biệt theo từng địa phương.

Tại Saigon chẳng hạn, người ta nói *Chà và* hoặc *Chà* để chỉ người

Ấn hoặc người Hồi, và nhất là người sết-ty chuyên cho vay. Tại các xóm lao động, mấy năm trước đây, mỗi khi có người Ấn xuất hiện đòi tiền đất, người ta thường thấy mấy em bé chạy theo, cùng vỗ tay hát gheo:

«Chà-và ma-ni tí te

Cái bụng thè lè, con mắt ốc bu».

Tại Châu-đốc, xã hội Chăm mấy năm trước đây là một xã hội khép kín, bên trong tiềm ẩn nhiều điều khác lạ đối với bên ngoài.

Với lối ăn mặc riêng (đàn ông vẫn chần chớ không mặc quần, đầu đội mũ khi đen khi trắng), phong tục tập quán đặc biệt nhất là tục kiêng thịt heo, cấm uống rượu.. con gái đến tuổi cập kê thì lại bị cấm cung, luôn luôn nép bên bức màn v.v... người Chăm Châu-đốc rất khó hòa mình trong xã hội người Việt bao quanh.

Cả đến gốc nguồn của nhóm, rất hiếm người cời mở kể lại cho người tìm hiểu từ bên ngoài, như họ thường ngồi kể cho con cháu qua những câu chuyện đời xưa được lưu truyền. Tâm trạng khép kín đó bắt nguồn từ những nỗi cơ cực, qua các giai đoạn «chạy loạn» quá phũ phàng, khiến không một ai còn dám nhắc đến một cái gì liên hệ đến «nước non» với người ngoài nữa.

Chữ *Chà-và* là do chính người bình dân Việt-Nam dùng để chỉ họ, chớ không phải họ tự nhận như vậy.

Trưởng thành trong xã hội Chăm tỉnh Châu-đốc, được cho học tiếng Pháp trước, chúng tôi còn nhớ trên

đường đi xe đạp từ làng Katambong lên châu thành Châu-đốc, chúng tôi hướng bị một số trẻ em Việt đồng lứa tuổi chạy theo vỗ tay rập ràng và hát ghẹo :

« *Chà-và lép*
Ăn con tép
Ăn con tôm
Ăn cục đờm
Ăn ra máu
Ăn xưng xáo
Ăn xưng xa
Ăn cà na
Ăn cánh chỉ
Ăn thủ vĩ
Ăn đầu heo
Ăn thèo lèo
Ăn cắt chó

Chúng tôi xin phép ghi lại những lời chọc ghẹo kể trên nhằm vào những điều kiêng cử của người Chăm như heo, chó v.v... bao gồm cả những chữ không được thanh, nhưng biểu lộ trung thực tâm trạng bình dân trào lộng trong việc dùng từ ngữ « Chà và ».

Chính lời hát chọc ghẹo kể trên một thời đã là nguyên nhân của nhiều cuộc đánh lộn giữa các thiếu niên Chăm và trẻ em Việt. (Riêng bản thân chúng tôi, cũng qua những cuộc đánh lộn đó, mới tình cờ quen được một gia đình người Việt, về sau đã tận tình hướng dẫn tôi học tiếng Việt). Chọc ghẹo vì không được hiểu rõ họ, chứ không phải vì kỳ thị; bằng chứng là người Chăm Châu-đốc và người Việt sống bao quanh từ trước đến nay dường như không bao

giờ nghe nói có sự xung đột nào.

Sự kiện này chứng tỏ người Chăm Châu-đốc không bao giờ thích người ta gọi mình là *Chà-và* và từ ngữ này có tác dụng chọc ghẹo, bêu xấu, nhiều hơn là một danh xưng khách quan, như người ta thường suy luận là do danh từ *Java*.

Cuộc chiến xảy ra liên tiếp từ 1945 đã lần hồi phá vỡ tình trạng khép kín của xã hội người Chăm Châu-đốc. Các thanh niên Chăm được nhiều cơ hội tiếp xúc với bên ngoài hơn, không còn cạo trọc đầu nữa, và đã để tóc như người Việt, khiến cái bề ngoài quá đặc biệt trong đám đông không còn nữa; hoàn cảnh chiến tranh đã khiến người ta sống gần với nhau hơn, thông cảm với nhau hơn.

Một số người, muốn tránh hậu quả bất lợi của chữ *Chà-và* về mặt tâm lý, đã dùng chữ người *Chà Châu giang*, nhưng chữ *Chà* tại Châu-đốc không phải là chữ *Chà-và* đã đánh mất một cái đuôi « và ». Chữ *Chà* ở đây, trên thực tế, đã do một xuất xứ khác.

Nguyên người Chăm Châu-đốc, trong câu chuyện thân mật giữa những người ngang hàng và đồng trang lứa, nhất là trong giới trẻ, thường dùng chữ *Ja* kèm theo tên để gọi nhau, tương ứng với chữ «*thằng*» trong Việt ngữ.

Thí dụ tên người thường là Hô-sanh, Su-lây-man v.v... thì trong câu chuyện, thay vì gọi nguyên tên thì những âm đầu thường bị bỏ mất đi,

chỉ dùng âm chót mà thôi và ghép với chữ *Ja*: *Ja Sanh*, *Ja Man*...

Những trẻ em Việt, chơi đùa với trẻ em Chăm, không phát đúng âm *J* nên *Ja* đọc trại ra *Chà*. Những ai có chứng kiến cuộc chơi đùa với nhau giữa trẻ em tại các thôn ấp Chăm Châu-đốc, mới thấy âm *Chà* nổi bật lên và do đó, giới bình dân mới gọi là *Chà*. Việc dùng chữ *Chà* này cũng đồng trường hợp với chữ *Hời* ở miền Trung, phát nguyên từ chữ *hời* dùng để gọi nhau giữa người Chăm; dần dà, giới bình dân quen dùng chữ *Hời* để chỉ định người Chăm, nhưng đối với chính người Chăm thì chữ *Hời* biểu lộ một dụng ý khinh miệt.

Tại trang 190, nhà văn BN Lộc viết « người Chăm, tức người Chăm không theo Hồi Giáo ». Đây là một sai lầm.

Trong ngôn ngữ Chăm, không có từ ngữ Chăm; chỉ có chữ « *ajam* » có nghĩa là cái đĩa. Người Chăm tự gọi mình là người Chăm, chứ không phải Chăm, là từ ngữ Việt. Tại Ninh-thuận, Bình-thuận, người ta còn gọi Chăm *chuh* và Chăm *bani*, để phân biệt người Chăm theo Bà-la-môn, khi chết, có tục thiêu (*chuh* có nghĩa là thiêu, đốt) và người Chăm theo Hồi Giáo. *Bani* có nghĩa là đạo; việc gán chữ *bani* cho người Hồi Giáo, cũng như trong Việt ngữ, người ta phân biệt bên « lương » và bên « giáo » vậy. Tuy nhiên, theo thời gian, ngôn ngữ bình dân, dựa vào sự giản tiện, chỉ còn dùng chữ *bani* để chỉ người Chăm theo Hồi Giáo ngoài Trung mà thôi.

Một vài tác giả Pháp, trước đây, đã suy luận chữ *bani* là do danh từ Á-Rập *bani* có nghĩa là con, ngụ ý những người đã theo Hồi Giáo được xem là con của Allah cũng như người ta nói con của Chúa vậy. Nhưng những ai hiểu rõ Hồi Giáo, thì biết rằng cách suy luận ấy không đúng.

Tại miền Trung, có khoảng một phần ba người Chăm theo Hồi Giáo sống trong những thôn ấp riêng biệt, không lẫn lộn với khoảng hai phần ba chiếm đa số còn lại. Hồi Giáo chỉ mới du nhập vào xã hội người Chăm từ thế kỷ thứ X nên được xem là một tôn giáo mới của một thiểu số từ bỏ tín ngưỡng cũ, pha trộn Phật-giáo và Bà-la-môn giáo, vốn đã ảnh hưởng sâu đậm nền văn minh Chăm trong quá khứ.

Năm 1970, khi tổ chức cuộc bầu cử Hội viên Hội đồng sắc tộc, Chính phủ dành một ghế cho đồng bào thiểu số tỉnh Bình-Định và Phú-Yên đại diện cho sắc tộc Chăm và một số viên chức hữu trách cố lập luận sắc tộc Chăm là một sắc tộc riêng. Đồng thời, các Hội viên đại diện đồng bào thiểu số Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, Tây Ninh, Châu Đốc thì ghi là sắc tộc Chăm.

Dẫu là có phân biệt giữa Chăm và Chăm, do nhận định sai lầm, căn cứ vào bề ngoài, thiểu tìm hiểu từ chính người Chăm, điều đó không có nghĩa là những người được gọi là Chăm xem những người được gọi là Chăm không phải cùng thuộc một

sắc tộc, bởi khi gặp nhau, họ chỉ cùng dùng một ngôn ngữ Chăm để trao đổi ý kiến, cùng tự ràng buộc về tinh thần vào một lịch sử dân tộc và vẫn tự gọi nhau là *Chăm*.

Nếu không gọi là Chăm thì gọi là gì ?

Tại trang 321, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã cho « người Jêh là một thứ người với người Châu giang tức là thường dân đi theo gót đạo quân viễn chinh của Java xâm lăng Cao - miên. Ca - miên quật cường, đế quốc Java bị đuổi đi, nhưng thường dân còn ở lại đông đảo ở Cao-miên ở Nam-kỳ và ở Bắc Kontum ».

Bài này được giới hạn trong phạm vi người Chăm, nên không đề cập thêm việc nhà văn Bình Nguyên Lộc bài bác việc sắp người Jêh thuộc nhóm *Môn Khmer* của các tác giả Pháp.

Lịch sử xác nhận sự kiện có những đạo quân viễn chinh người Java xâm lăng Cao-miên. Nhưng nếu nói người Java xâm lăng này là người Chăm Châu-đốc hiện nay thì không đúng.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc đã lầm lẫn, khi dùng chữ «trời» và «người» để chứng minh người Chăm Châu-đốc nói giống người Java và khác Chăm.

« Trời

Java : langit

Châu-Giang : langit

Chăm : langik »

Sự thật thì người Chăm Châu-đốc vẫn nói «langik» (thường viết là *langi* hoặc *la-ngi*) như người Chăm miền

Trung ; còn chữ *langit* thì nó có nghĩa là miếng vải che cho đừng thấy trần nhà, trong các đám cưới.

Danh từ «người» cũng vậy, người Châu-đốc không dùng chữ nào khác người miền Trung cả, *orang* hay *urang*, thật ra, hết sức khó phân biệt rõ ràng như chữ Mã-lai. Người Chăm miền Trung nói rõ chữ *r* trong khi chỉ có thiếu số trí thức Chăm Châu-đốc có học chữ Mã-lai mới nói *orang*, còn giới bình dân thì đại đa số nói là *urang*, tức *r* biến thành *g*, cũng như danh từ *cá rô* biến thành *cá gô* ở miệt vườn vậy.

Chữ «s» cũng xảy ra hiện tượng tương tự. Người Châu-đốc nói *sang* là cái nhà, người Chăm miền Trung nói *thang*, nhưng *th* ở đây đọc như trong chữ *thought* của Anh ngữ, chớ không phải *th* của Việt ngữ, vì người Chăm, cả Châu-đốc lẫn miền Trung, đều đọc đúng âm này, chẳng hạn như *thâu* là biết, trong khi người Châu-đốc nói *a-sâu* là chớ thì ngoài Trung nói là *a-thâu*.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc, tại trang 125, đã đưa ra « một chi tiết ngộ nghĩnh về «chồng», đồng danh từ với *nhà*, cho rằng người Chăm đều gọi chồng là *thang* là *sang*, vì «họ lại đồng hóa cái *thang* với cái *nhà*, bởi nhà đời xưa cao cẳng, muốn leo lên loại nhà đó phải nhờ cái *thang* »!

Sự thật, tiếng Chăm chỉ định cái *nhà* và *chồng* bằng hai từ-ngữ riêng biệt. Người Chăm Châu-đốc nói *pa-sang*, người Chăm miền

Trung nói là *pa-thang*; nếu nói nhanh thì thành ra *p'sang* hoặc *p'thang*. Bỏ âm *pa* đằng trước, mới là cái nhà. Do đó, mà dự định quả quyết «hễ dân nào gọi chồng là nhà tôi thì nhứt định dân đó thuộc chủng Mã-lai, không có ngoại lệ bao giờ hết», cần được xét lại.

Tại trang 187, trong khi trình bày những hiểu biết về người *Châu-giang*, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã gán cho người Chăm *Châu-đốc* cách đếm số 3, 4, «tiga, ompat», là những từ ngữ hoàn toàn Mã-lai, trong khi thực ra người Chăm *Châu-đốc* vẫn nói là «pá», «limur», không khác gì người Chăm miền Trung cả.

Chi tiết này gợi cho chúng tôi một nghi vấn: có thể là cuộc tìm hiểu của nhà văn Bình Nguyên Lộc về người *Châu-đốc* nhầm sai mẫu.

Như chúng tôi đã có dịp ghi nhận trong loạt bài «Người Chăm tại VN ngày nay» đăng 10 năm trước đây trên *Bách Khoa* (1962-63), tại xã *Châu Giang*, có một ấp nằm ngay tại bên phà trên đường đi Tân Châu, bề ngoài trông không khác các thôn ấp Chăm khác, từ cách ăn mặc đến lễ lối sống, nhưng những người cư ngụ tại ấp này không nói tiếng Chăm mà lại nói tiếng Miên, một thứ tiếng Miên hơi đặc biệt vì pha trộn nhiều tiếng Mã-lai. Người Chăm gọi những người cư ngụ trong ấp này là *Java Ku*, tức người *Java* lai Miên.

Văn-hóa Mã-lai, do Hồi-Giáo, ảnh hưởng sâu đậm vào lễ lối sống thường nhật của 7 làng Chăm tỉnh *Châu-đốc*, nhưng tại ấp này, ảnh hưởng Mã-lai sâu đậm nhứt và tiếng Mã lai được xem là tiếng nói của người trí thức, được xã hội trọng vọng.

Do đó, chúng tôi nghĩ lập luận về người *Châu-giang* có thể đúng, nhưng chỉ đúng đối với nhóm người *Java Ku* này mà thôi, chớ không thể áp dụng chung cho toàn thể người Chăm tỉnh *Châu-đốc* được.

Họ là người Chăm, những người còn sống sót lại của Vương quốc *Champa* đã suy tàn trong lịch sử.

oOo

Vấn đề người *Châu giang* là một khía cạnh nhỏ trong quyển «Lột trần Việt ngữ», nhưng những sự kiện kể trên một phần nào nêu lên sự cần thiết phải đặt lại phương pháp suy luận của nhà văn Bình nguyên Lộc, thường dựa vào một vài danh từ thuộc một sự kiện hay một vật dụng, giả thuyết rằng đã có từ một thời kỳ nào đó. Tiêu mốc thời gian lùi lại một ngàn năm, hai ngàn năm, nếu đã quá sơ sài, đơn giản, lại thêm sai lầm về từ ngữ các sắc tộc được dùng làm căn bản hẳn nhiên sẽ đưa đến kết luận thiếu sót hoặc không chính xác.

DOHAMIDE

VIII-1973

Dịch - t h u ậ t

Vấn-đề phiên dịch bằng máy

Một chữ mà có thể dịch ra nhiều nghĩa, đó là vấn-đề đang làm trở ngại rất nhiều cho các nhà phát-minh ra máy dịch. Đồi nay, bàn đến một vấn đề mà quên cái giải-pháp điện-tử thì quả là thiếu sót. Thật vậy, sau ba mươi năm thí-nghiệm, đến 1942, người Mỹ Gilbert W. King đã hoàn-thành được một máy IBM cho cơ-quan không-gian NASA, cái máy đầu tiên có khả-năng dịch mỗi ngày 60.000 tiếng Nga ra tiếng Anh. Từ đó người ta cũng sáng-chế ra những máy dịch tiếng Anh ra tiếng Pháp và ngược lại, rồi cả máy dịch tiếng Tàu ra tiếng Anh năm 1964. Máy của Ô King rất tinh-xảo gồm một bộ-phận trí nhớ thật phong-phú, ghi trên một cái đĩa bằng nhựa trong-suốt chẳng khác một từ-điền chép chữ và một số câu có kèm nghĩa bằng tiếng Anh. Bộ luật (code) dịch này gồm một dãy ô hình chữ-nhật đen, nhỏ li-ti, mỗi đĩa có thể chứa đến 200.000 chữ Nga với nghĩa bằng Anh-ngữ. Tất cả được in hình vòng xoắn tròn như trên một mặt đĩa hát. Chiếc đĩa từ-điền này quay đều dưới một tia sáng linh-động. Khi một nguyên-ngữ được đưa vào máy thì tia sáng dò tìm trên đĩa đúng vị-trí của dịch-ngữ tương-ứng và chọn lấy một nghĩa mà khả-năng của máy cho là đúng nhất, cũng như khi ta muốn dịch một chữ thì tìm cái trang trong

từ-điền rồi lần đến chữ. Nhưng có sự khác biệt, khá quyết định, là con người thì không phải chỉ dùng từ-điền họ còn có khả-năng biết rõ ngôn-ngữ họ và cũng biết ít nhiều về văn-phạm của ngoại-ngữ mà họ muốn dịch. Nhờ đó, khi gặp phân-vân họ còn đối-chiếu với toàn văn hay suy nghĩ về lĩnh-vực của vấn-đề để hiểu đúng nghĩa chữ. Máy-móc thì không sao làm được điều đó. P. Langley, bàn về loại máy này trong tạp-chí Science et Avenir số tháng 5, năm 1967, có đưa ra trường-hợp một câu 5 chữ mà máy có thể dịch đến 108 nghĩa như câu *The pilot shuts the door* (viên hoa-tiêu đóng cái cửa) mà dịch sang tiếng Pháp ; Vậy là, tính từng chữ : *the* dịch là *le* "le" vừa có nghĩa một article, vừa là một đại-danh-từ, *pilot* dịch là *pilote* vừa có nghĩa một danh-từ, vừa là một động-từ ; *shuts* dịch là *ferme* có 3 nghĩa (trang-trại, đóng và rắn chắc, cương-quyết) và *door* dịch là *porte* chữ này trong Pháp-ngữ có 3 nghĩa tùy khi nó là một danh-từ, một động-từ hay một tính-từ (như trong *veine porte*.) Vị chi tất cả có 2 chữ hai nghĩa, 3 chữ ba nghĩa, nếu kết-hợp đủ mọi cách thì thành những câu 5 chữ có cả thảy $2^2 \times 3^3 = 108$ nghĩa khác nhau.

Có những câu được ghép mà chẳng có nghĩa gì cả ; trong những lối ghép có nghĩa thì lắm câu lại buồn cười như câu *Le ferme pilote la porte*

(viên hoa-tiêu cương-quyết ấy công bà ta). Máy dịch không tránh khỏi những lỗi dịch buồn cười như thế chẳng khác nào câu Kiều của ta là «Thất kinh, nàng chưa biết là làm sao» (khi Kiều bị Khuyển Ưng bắt cóc) mà dịch ra ngoại-ngữ với nghĩa là: Nàng Kiều bấy giờ «mất kinh và có mang» vậy. Thật là hài-hước. Nhưng phải nhận rằng máy-móc vô-tri mà làm được việc đó thì cũng đã tiến-bộ vượt bậc rồi. Chẳng nhớ ở nước ta có giai-thoại một vị nào đó bằng xương bằng thịt sờ-sờ mà ra nước ngoài dịch *canh gà* (Thọ-Xương) là *chicken soup* đó sao ?

Lại nữa sự quan-trọng của máy dịch không phải chỉ ở đó. Theo P. Langley trong tài-liệu đã dẫn, phát-minh này đang dẫn các nhà ngôn-ngữ-học ở thời-đại điện-tử vượt hẳn các nhà ngữ-học trứ-danh đã qua như Ferdinand de Saussure ; họ đang tìm đến một bộ mẹo-luật nguồn gốc (gram-maire génératrice) cho tất cả các thứ tiếng trên hoàn-cầu trong quan-niệm ngôn-ngữ-học là một khoa-học tính-xác. Noam Chomsky coi khả-năng nói (le langage) của con người như một bản-năng vô-thức dựa vào một bộ mẹo-luật nguồn-gốc tương-tự như một hệ-thống toán-học có thỉnh-đề (axiome), định-nghĩa, định-lý rất chặt chẽ và ngôn-ngữ như một tập-hợp vô hạn (ensemble infini) trong toán-học. Chẳng hạn, khi thay vì nói hai lần : « Sáng nay tôi tắm, sáng nay tôi tập thể dục », ta chỉ nói : « Sáng nay tôi (tắm và tập thể-dục) ». Thế chẳng phải là một phép đặt thừa-sò

chung đó sao ? Tại sao các ngôn-ngữ trên hoàn-cầu không thể được coi như có thể suy ra từ một hệ-thống rất toán-học mà mọi người có lý-trí đều có thể hiểu được bất luận thuộc dân-tộc nào ? Chứng đó việc phiên-dịch sẽ dễ-dàng như ngày nay ở Liên-Hiệp-Quốc người ta có xu-hướng dùng một ngôn ngữ rất phổ-biến như tiếng Anh hay Pháp để dịch chuyển giữa hai thứ tiếng khác vậy. Và khi đó nguyên-tắc các máy dịch tiếng sẽ xuất-hiện rõ-ràng, để có những máy dịch hoàn-hảo. Các nhà chuyên-môn trong cuộc đang vững tin ở tương-lai, họ ước-đoán đến năm 1980 sẽ có những máy dịch ngôn-ngữ kỹ-thuật chuyên-môn tuy chưa nói được bao giờ sẽ có máy dịch được những bài thơ, bài hát, ra những bài thơ bài hát trong cái nghĩa khó như vẽ chó vẽ ngựa chứ không phải dễ như vẽ ma vẽ quỷ.

Sáng-tác trong phiên-dịch

Tuy nhiên, dù máy có tinh-xảo đến đâu, cũng không đoạt được cái khả-năng sáng-tác linh-động có ý-thức của con người cho nên người ta có thể nghĩ rằng sau này dù cho có máy hoàn-hảo thì những bản-dịch của người vẫn còn giữ vững giá-trị của nó. Cũng như máy chụp ảnh đã không bao giờ giết chết cây cọ các họa-sĩ vậy. Trên thực-tế, đã có nhiều bản dịch đứng-đắn nhưng vẫn không trung-thành, người ta lưu ý rằng nếu đem so-sánh những bản dịch của Homère hay của « Một nghìn một đêm lẻ » thì đã có nhiều chỗ khác nhau, tất cả đều xa cách với nguyên-tác mà lại gần với

thời-đại và địa-phương của dịch-giả. Phải chăng đã có sự xuyên tạc nguyên-tác làm cho nó biến-đổi và suy đồi dần theo thời-gian ? Bởi lẽ đây không phải như trường-hợp Chinh-phụ ngâm-khúc bên ta. Hiện-tượng này không tránh khỏi và rất thông thường trong giới dịch văn, nên tôi xin trích dịch sau đây một đoạn trong bài tham-luận của nhà văn Roger Caillois ở cuộc Hội-thảo Nice đề nghe ý-kiến của một thức-giả trong văn-đề : « ...Trong kịch-nghệ thì sự việc còn tệ hơn nhiều. Như những kịch của Racine chẳng hạn đã được dịch ra tiếng Anh từ thế-kỷ 17 và đã trở thành những vở kịch của Shakespeare; và Britannicus ? Thì người ta thấy diễn bữa tiệc, thấy Britannicus uống thuốc độc và quần-quai rẫy chết ! Ngược lại, những kịch của Shakespeare được Voltaire dịch cũng đã trở thành những bản kịch cổ-diễn của nước Pháp. Như vậy quí vị thấy vai trò của dịch-thuật quan-trọng đến bậc nào... Một ví-dụ cuối cùng để chứng tỏ rằng quan-niệm dịch trung-thành, của tất cả chúng ta ở đây không phải là quan-niệm của mọi người ở khắp nơi. Có lần ở U. N. E. S. C. O., tôi nhớ một vị linh-mục Thiên-Chúa-giáo dịch Aristote vì vị này thạo cả hai thứ tiếng Sau đó, theo thông-lệ ở đây, tôi đã nhờ một học-giả thông-thái khác xem lại. Ông ta đã phát-giác rằng bản văn đã bị biến-đổi quá nhiều. Tôi bèn viết thư cho vị linh-mục đề lưu ý đến những đoạn dịch sai với nguyên-tác, tôi được dịch-giả trả lời : «Thì tất nhiên đó là

những chỗ mà Aristote đã sai lầm, mà bây giờ thì Aristote không thể còn sai lầm được nữa !». Vậy chính là vì thành kính với tác-giả mà dịch-giả đã thay đổi bản văn ! Tôi không có cách nào để vị này chịu nhận là đã có sự lạm quyền đó, tôi đã thưa với ông : «Nhưng đó không phải là phiên dịch, Ngài không thể, dù có thành-kính với tác-giả, thêm bớt vào lời văn của người ta như vậy.» Cuối cùng, ông vẫn tin rằng tôi là một kẻ cố tâm phá-hoại (saboter) sự nghiệp của Aristote.

«Đó là một trường hợp đặc-biệt, nhưng đừng tưởng rằng chúng ta lại không có khi làm như vậy. Cổ nhiên, không phải ta thay đổi cái tư-tưởng của tác-giả, nhưng dù sao chúng ta cũng tự-nhiên uốn nắn nó theo cái sở-thích (goût) của thời-đại chúng ta.

«Điều tôi muốn nói là chữ thì rất dễ dịch, nhưng sự vật thì không... Thật khó dịch «con rắn», cũng như rất khó dịch «tuyệt» ra một tiếng ở miền Phi-châu là nơi không có tuyết... Thiết tưởng đó chính là vấn-đề và là tất cả tâm quan-trọng về văn-hóa của dịch-thuật, một công-cuộc cọ xát với nhau giữa các loài thú vật, cỏ cây, giữa các lịch-sử, lễ-giáo, tập-tục, mộng-tưởng, đạo-lý của loài người. Việc ấy không có gì là hại mà trái lại, như trường-hợp dịch Shakespeare, dù những dịch-phẩm có đổi thay từ bản này qua bản khác hay như trường hợp các bản dịch Homère như Paul Valéry đã nhận xét, thì chẳng qua là một cách làm cho tác-giả được gặp bội lên nhiều lần (une multiplication de l'auteur) : Đã có mười, hai mươi, bốn mươi Shakespeare

và sẽ còn có nhiều hơn nữa. Vậy là một chuyện đáng được đặt vào tín-nhiệm và vinh-dự của dịch-thuật, chứ có sao? Roger Caillois tại Cuộc Hội thảo Nice 1972).

Dịch-thuật, một sinh-hoạt văn-hóa quốc-gia và quốc-tế

Ý-kiến lạc-quan trên đây của một thức-giả có vẻ như mở được một chân trời mới cho giới dịch văn. Nhưng dù sao khi đọc một dịch-phẩm, chúng ta vẫn chỉ trông đợi một hình ảnh càng trung-thành xác thực càng hay của tác phẩm để biết về cái thực-trạng tư-tưởng và hoàn-cảnh nguyên-tác chứ không phải để cam-thông với dịch-giả; nhờ vậy mới có sự truyền cảm đích-thực giữa hai ngôn-ngữ, văn-hóa, dân-tộc khác nhau. Cho nên để tránh những sáng-tác chủ-quan của cá-nhân dịch-giả, việc dịch một quyển sách phải là một công-trình đòi hỏi tài-năng am-tường ngoại-ngữ đã đành mà còn nên được thực-hiện tập-thể, ít nhất phải có người làm đi kẻ duyệt lại như ở Liên-hiệp-quốc. Khi chấp-nhận một sự cộng-tác như vậy thiết-tưởng dịch-giả càng chứng tỏ tinh-thần trách-nhiệm với độc-giả, tình ngay thật với tác-giả mà cũng đề khiêm-tốn ngăn ngừa cái cảm-hứng sáng-tạo mà mình khó tránh khỏi trước một nguyên-tác đặc ý (có đặc ý mới được mình chọn dịch). Đó là chưa nói đến trình-độ của người dịch còn phải giúp họ hiểu thấu đáo về chuyên-môn, nhất là ở những tác phẩm triết-học, khoa-học và kỹ-thuật.

Tại Pháp đã có Hội các dịch-giả Pháp (SFT, Société française des traducteurs) từ 1948 đã hội tụ được những nhà văn dịch sách trước đó vẫn cặm-cui trong bóng tối. Nghề dịch văn đã có từ xưa, nhưng từ lâu rồi vẫn chưa có những hội như vậy ở các nước. Đến năm 1953 mới có Liên-hiệp quốc-tế các dịch-giả (FIT, Fédération internationale des traducteurs) phát hành được tạp-chí Babel, một tam-cá-nguyệt-san song-ngữ Pháp và Anh với sự trợ giúp của tổ-chức UNESCO. Ở nước ta đã đến lúc phải ước mong có những Nhóm dịch-giả tư-nhân (1) để có một nếp thường-trực dịch tập-thể, xuất-bản định kỳ những sách dịch.

Hiện-tượng khan sách đang bành-trướng ở các nước chậm-tiến; người ta biết rằng các nước này hiện chiếm 70 % dân-số, có 50 % số người biết đọc và 55 % số con em đi học trên toàn thế-giới mà họ chỉ sản-xuất được một phần năm số sách tất cả, còn bốn phần năm kia là số sách của khoảng 30 quốc-gia đã kỹ-nghệ-hóa như các nước Châu Âu, Nga-sô, Hoa-kỳ, Gia-nã - đại, Úc, Tân - tây - lan. Tính ra, nói theo lối thống-kê, đã có 5,5 quyển sách mỗi năm cho mỗi độc giả trong các nước mở-mang còn ở các nước khác thì chỉ có 0,6 quyển. Tình trạng này có dựa vào thống-kê mà so-sánh thì mới thấy rõ, chứ theo đòi hỏi thực-tế thì là

(1) Chỉ là Nhóm mà thôi, đừng lập Hội mà gặp trò ngại. Cũng chỉ tư-nhân thôi, đừng ước mong gì hơn nữa mà thất vọng nhiều.

chuyện khác, bởi vì cũng như ở nước ta, ở các nước mới mở mang người có học chưa có nhu-cầu đọc sách: một đằng là vì lối học từ-chương khoa-cử lâu nay đã làm cho họ chỉ quen với những nhu-cầu thi-cử, tinh-thần học hỏi vô-tư đã bị tê-liệt, rồi nhà trường họ chỉ mong hưởng-thụ « bỏ công đèn sách » (Không phải chỉ có việc bỏ thi ở một nước là tình-trạng này tự-nhiên chấm dứt ở đó khi nó đã ăn sâu lâu đời rồi vào nếp học, nếp dạy của nhà trường): đằng khác, các chính-phủ mới mở-mang, mới thu-hồi độc-lập, thường bị động trước những vấn-đề cấp-thiết về chính-trị và quốc phòng, chưa chú tâm đến việc đầu tư văn-hóa giáo-dục, một nhu-cầu ít hiển-nhiên, mà kết-quả, hiệu-lực lại đến rất chậm.

Trình-độ văn-hóa mỗi quốc-gia, mỗi thời-đại được phản-ảnh gần như đầy đủ trong sách vở được đọc và viết ra, nên muốn hòa-đồng các dân-tộc về trình-độ cũng như sắc-thái, để họ ngày một gần-gũi nhau, không có phương-tiện nào hữu-hiệu bằng sách dịch. Một trách-nhiệm như vậy phải được trông đợi ở các tổ-chức quốc-tế bởi vì những nước kém mở-mang cần nhiều sách dịch hơn lại là những nước thiếu nhân-tài để dịch nhiều thứ tiếng, và một phong-trào quốc-tế đang được phát-động từ ngày người ta ý-thức được rằng: « Nhờ công-trình của họ, các dịch-giả đã góp phần vào công-cuộc truyền bá sách vở vượt các biên-giới ngôn-ngữ và nối một dây liên-lạc quan-trọng giữa tác-giả với một quần-chúng rộng

lớn hơn. Bởi lẽ mọi quốc-gia có quyền phát huy cá-vị văn-hóa (personnalité culturelle) của mình và bảo-tồn được những đặc-thù cần-thiết cho nền văn-minh dân-tộc họ, nên họ có bổn-phận với nhau là phải khuyến-kích các tác-giả trong sứ-mạng sáng tác ở quốc-nội và phiên dịch những kiến-văn của nước ngoài kể cả những nước mà ngôn-ngữ ít được quảng-bá. » (Trích điều 3 của Hiến-chương về Sách (Charte du Livre) được chấp-nhận vào tháng 10 năm 1971 giữa các tổ-chức chuyên-nghiệp và tư-nhân về sách, tại Bruxelles). Cũng trong năm 1971 hai cuộc hội-đàm quốc-tế tại UNESCO đề xét lại những qui-ước về tác-quyền đã tu-chỉnh lại các văn-kiện cũ về dịch-thuật theo chiều-hướng có lợi cho các nước đang mở-mang: những đặc-quyền (licences) được chấp-nhận cho họ từ nay trong việc dịch những sách thuộc loại giáo-khoa, đại-học hay khảo-cứu với điều-kiện dĩ-nhiên là sau một thời-hạn từ khi sách được xuất-bản lần đầu: 3 năm nếu dịch ra một thứ tiếng phổ-biến trên thế-giới, 1 năm nếu tiếng dịch chỉ thông-dụng ở một địa-phương. Vấn-đề dịch sách của các nước dân-số thấp cũng được chú ý (1).

Theo những thống-kê mới nhất, người ta tính đã có khoảng 39.000 quyền sách khác nhau được dịch mỗi năm, nghĩa là độ 9% tổng-số sách sản-xuất. Bốn thứ tiếng được dịch

(1) Xin xem bài tham luận của Jean Millérioux, đại-diện UNESCO, đọc tại cuộc Hội thảo ở Nice tháng 5-1972.

nhiều nhất là tiếng Anh dẫn đầu với 15.000 quyền, tiếng Pháp hơn 5.000 quyền, tiếng Đức và Nga mỗi thứ hơn 4.000. Tổng-cộng 28.000 quyền, chiếm 72% số sách dịch toàn cầu. Trong khi đó ở các nước đang mở-mang, ngoài tiếng Tây-ban-nha ở Châu Mỹ la-tinh, sách được dịch chỉ đạt tỉ-số khiêm-tốn 3% của tổng-số sách dịch trên thế-giới. Bảng liệt-kê sau đây cho chúng ta một ý-niệm về tình-hình dịch-thuật gần đây; bảng này lập theo những tài-liệu Liên-hiệp-quốc cách nay không lâu với những điều chú-thích như sau :

Có nhiều tác-phẩm viết bằng tiếng Anh đã được dịch nhưng riêng Anh-cát-lợi thì số sách được dịch không đáng kể, độ 3% tổng-số sách trong

nước. Trái lại, nước Nhật dịch rất nhiều sách (đứng hàng 5) của nước khác nhưng sách tiếng Nhật lại ít được dịch.

— Chỉ có Pháp và Đức là việc dịch sách phong-phú cả hai chiều.

— Nga-sô dịch rất ít sách nước ngoài và cũng không phải là nước có nhiều sách được dịch ra tiếng nước ngoài. Phần lớn những tiếng dịch và được dịch là trong nội-bộ Liên-bang Sô-viết. Người Nga thống-kê cả số sách dịch của một quyền sách ra 89 thứ tiếng trong nước. Ở Tiệp-khắc người ta tính mỗi quyền sách dịch ra 595 bản dịch tiếng khác nhau. Ở Nam-tur cũng có 410 bản dịch tiếng khác nhau trong quốc-nội.

*16 thứ tiếng được dịch nhiều nhất
(theo tài-liệu UNESCO, 1968).*

1. Tiếng	Anh	13.698
2. —	Pháp	5.128
3. —	Nga	3.809
4. —	Đức	3.721
5. —	Ý	917
6. —	Tiệp	806
7. —	Thụy-điền	660
8. —	Hung	547
9. —	Tây-ban-nha	515
10. —	Serbo-croate	513
11. —	Ba-lan	459
12. —	La-tinh	452
13. —	Hòa-lan	414
14. —	Lỗ	410
15. —	Đan-mạch	405
16. —	Hy cồ-điền	397

*16 nước dịch sách nhiều nhất (theo
Index Translationum 1969)*

1. —	Liên-Sô	3.853
2. Nước	Đức	3.538
3. —	Tây-ban-nha	2.737
4. —	Ý-đại-lợi	2.483
5. —	Nhật-bản	2.165
6. —	Hoa-kỳ	2.059
7. —	Pháp	1.989
8. —	Thụy-điền	1.669
9. —	Hòa-lan	1.606
10. —	Đan-mạch	1.249
11. —	Bỉ	1.207
12. —	Nam-tur	1.012
13. —	Hung-gia-lợi	960
14. —	Thụy-sĩ	851
15. —	Ba-lan	825
16. —	Ấn-độ	824

Kết-luận

Từ ngày các nhà dân-tộc-học đưa ra quan-niệm tương-đối về văn-hóa (relativisme culturel) xác nhận rằng mọi nền văn-hóa đều có giá trị như nhau, không một cá-nhân nào một dân-tộc nào tự cho rằng mình thuộc về một nền văn-minh thượng-đẳng, bởi lẽ, theo Herscovits không ai có thể có kỹ-thuật nào để định giá-trị của những nền văn-hóa. Văn-hóa không phải chỉ là khoa-học, kỹ-thuật, hay chỉ là tín-ngưỡng, luân-lý, nghệ thuật hoặc là một tư-tưởng, tập-tục hay lễ-nghi nào, mà là tất cả; người của mỗi xã-hội đã chấp nhận cả cái tập-đại-thành ấy mà sinh-tồn tiến-hóa trong một môi-trường khác biệt, họ không làm sao, dựa vào một tiêu-chuẩn nào để có thể phê-phán cái văn-minh cũng như giá-trị văn-hóa của những người ở những hoàn-cảnh xã-hội khác với họ. Quan-niệm này đã khiến các nước đế-quốc không còn lý-do để ở lại các thuộc-địa mà họ gọi là thiếu văn-minh, và các nước lâu nay bị trị đã lấy lại niềm tin vào truyền-thống của mình mà tự-cường tự-lực. Nhưng khoa nhân-chủng-học cũng thấy rằng người sống ở xã-hội

nào cũng có thành-kiến tự-nhiên cho nền văn-minh của xã-hội mình là tốt đẹp nhất.

Cho nên nếu thuyết tương-đối về văn-hóa đã đem lại cho mọi người một ý-niệm đúng về giá-trị các nền văn-hóa thì nó cũng có thể dẫn một số dân-tộc đến chỗ tự cao tự phụ trong một dân-tộc chủ-nghĩa quá khích (ethnocentrisme) để họ tự cô lập trong khi muốn xác-định giá-trị văn-hóa của riêng mình. Phong trào phiên-dịch ngày nay đang được phát động trên thế-giới đến tầm mức quốc-tế đúng lúc để ngăn ngừa những kỳ thị văn-hóa cũng vừa là những kỳ thị chủng-tộc; bởi vì các dân-tộc chỉ có thể thương yêu mến-phục nhau khi họ hiểu biết nhau, mà sách vở, văn-liệu, chính là những biểu-hiện văn-hóa để được phổ-biến rộng-rãi nhất.

Trong ý-hướng thể-hiện lý-tưởng hòa-nhi-bất-đồng của con người, huyền-thoại Babel đã là một giấc mơ tuyệt-vọng, những thế-giới-ngữ Esperanto, Volapuk là những cố gắng không thành, dịch-thuật mới là con đường đang dẫn đến nhiều thành-công tốt đẹp ./.

ĐOÀN NHẬT TẤN

● *Tìm đọc* : PHẠM THIÊN THU

ĐỘNG HOA VÀNG

△ Những dòng thơ tuyên thuyết cổ hoa trang nghiêm cuộc đời.

△ Bạt của JOSEPH HUỖNH VĂN.

Nhạc «Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng» của PHẠM DUY

△ CƠ SỞ VĂN CHƯƠNG tái bản lần thứ nhất.

Giá 300 đồng phát hành toàn quốc.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban-Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vĩnh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : đề xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Sống với ý-thức-hệ

CÁC HỆ-PHÁI SA-MÔN VÀ BÀ-LA-MÔN QUA LĂNG - KÍNH CỦA PHẬT - GIÁO.

Các tu-sĩ du-hành là những người vì thời-cuộc, vì sự bất-mãn riêng, hay vì những suy-tư theo những đường-lối tập biệt, đã tách rời khỏi cái truyền-thống tư-tưởng này và lập ra những hệ-phái với những chủ-thuyết đối-ngịch.

Sự đối-ngịch giữa các hệ-phái sa-môn và truyền-thống *Veda-Upa-nishad* có thể chỉ ở một điểm chi-tiết hay ở một quan-niệm gốc bao trùm nhiều điểm và nhiều khía cạnh. Đương thời Đức Phật có 6 giáo-hệ lớn đã bành trướng và tranh dành ảnh hưởng với Bà-la-môn-giáo ; lại có vô số những môn-phái nhỏ, ở rải rác trong lưu vực sông Gange. Những lời của Đức Phật trong Kinh *Phạm vông* (*Brahmajala sutta*) đã như một cái lưới lớn được tung ra, bao trùm các lý-thuyết đương thời, bà-la-môn và không bà-la-môn.

— A. Những lý-thuyết về bản-thể của Đại-ngã (Bản thể luận)

a. Bà - la - môn - giáo chủ trương rằng có một cái Đại-ngã của thế-giới và tất cả mọi vật trong vũ-trụ đều có một cái bản-ngã là một phần bất-khả-phân của cái Đại-ngã. Hầu hết tất cả các môn-phái đương thời cũng chấp nhận điều ấy. Chỉ có một vài phái phủ nhận sự hiện-hữu của Ngã trên những nền-tảng

khác nhau. Lại có 4 phái dùng sự nguy-biến, “trườn uốn như con lươn”, để không nói rằng có, cũng không nói rằng không, và nói rằng nói thế nào cũng được. Phương-pháp thì gọi là biện, nội dung thì là hoài-nghi chủ-nghĩa hay bất-khả-tri-luận ; nhưng nguyên-nhân của những chấp-thuyết này, như Đức Phật đã nói ra, là sự ngu-muội hay là sự thiếu can-đảm của trí-thức, mà người ta muốn che dấu bằng những lời biện luận quanh co.

b. Cái Đại-ngã thường được coi là tự sinh và vô-nhân-sinh. Có hai môn-phái Bà-la-môn dựng điều này lên làm một chủ-thuyết. Họ tuyên bố rằng “Bản-ngã và thế-giới sinh ra không do một cái nhân nào cả”. Đức Phật giảng rằng những chấp-luận này là vì sự tưởng-niệm và sự suy-luận có giới-hạn của người ta mà thành. Những người chưa hiểu được cái nguyên-lí về nhân-duyên và chưa vượt qua được cái vô-minh nguyên-thủy thì tất nhiên vẫn còn chủ trương rằng cả cái vũ-trụ này và cái Đại-ngã là chất liệu của nó đã mọc ra tự nhiên, từ một cái trống-rỗng.

c. Các lý-thuyết về hình-thể của thế-giới được chia ra thành bốn phái. Phái thứ nhất cho rằng thế-giới hữu-biên và hình tròn. Phái thứ hai cho

rằng thế-giới vô-biên và vô-cùng. Phái thứ ba nói rằng thế-giới vừa vô-biên, vừa hữu-biên: hữu-biên ở trên và ở dưới, còn vô-biên ở mọi bề ngang dọc. Phái thứ tư bác bỏ tất cả những ý-tưởng trên và tuyên bố rằng: thế-giới không hữu-biên, cũng không vô-biên, và cũng không vừa vô-biên vừa hữu-biên.

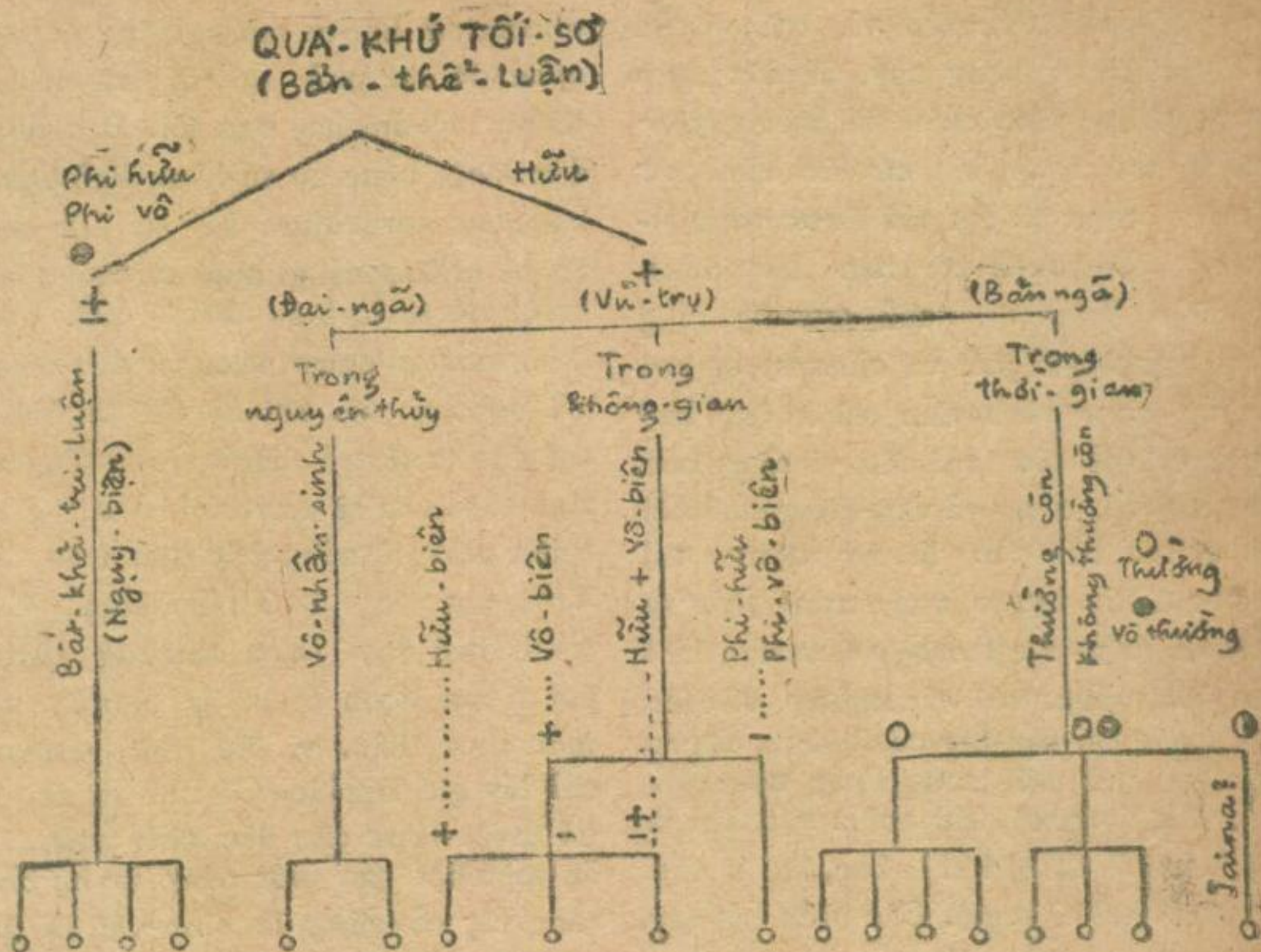
Những chủ-trương trong thời Đức Phật về hình-thể và tính cách vô-biên hay hữu-biên của thế-giới là kết-quả của những sự suy-tưởng hoặc suy-luận không căn cứ vào đâu cả. Đức Phật nói rằng đó là do sự nhập-định hoặc do sự biện-bác, và không có gì đúng hơn được nữa. Nhưng điều nguy-hiểm nhất là mỗi chủ-trương bao hàm một chấp-kiến về định-mệnh của con người. Chủ-trương thế-giới vô-biên phản ánh tư-tưởng về một cái Đại-ngã vô-cùng và dẫn dắt đến những ước-vọng về một sự giải-thoát theo đường lối của đạo Bà-la-môn. Chủ-trương thế-giới hữu-biên thích-hợp với quan-niệm duy-vật và là nền móng cho những cách sống không có đạo-lí và không có hi-vọng giải-thoát. Những người nghĩ rằng thế-giới vừa hữu-biên vừa vô-biên sẽ không bao giờ có được sự an tịnh của nội tâm. Còn những người phủ nhận tất cả mọi thuyết thì chỉ là những nhà nguy biến, reo rắc sự hoài nghi, và tạo ra sự hỗn loạn của trí-tuệ. Tất cả các lí-thuyết này đều là những chấp-kiến và chấp-luận, xa rời với chân-lí, và dễ làm cho người ta quên mất cái vấn-đề chính-yếu

trong loài người, là sự tiêu diệt các khổ đau trên cõi sống.

d. Về sự thường-tại của Bản-ngã, rất nhiều các môn-phái chấp nhận theo giáo-lí Bà-la-môn rằng Bản-ngã và thế-giới là thường-còn *«vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá.»* Nhưng đời sống và sự chết của các sinh-vật là một sự-kiện có vẻ trái ngược lại với sự thường-trú của Bản-ngã. Nếu các sinh-vật cũng có bản-ngã, và nếu bản-ngã của các sinh-vật cũng là cái Bản-ngã thuần-nhất của vũ-trụ, thì tại sao các loài sinh-vật lại không được chia xẻ sự thường-trú của Bản-ngã Brahman?

Các môn-phái Bà-la-môn đã dùng thuyết luân-hồi để giữ vững được cái nguyên-lí về sự thường-trú của Bản-ngã. Họ nói rằng tuy các sinh-vật có chết thực, nhưng rồi chúng lại sống lại bằng sự siêu-sinh; các bản-ngã của chúng không bị tiêu diệt mà chỉ lưu chuyển, và vì vậy, vẫn có sự thường-trú của bản-ngã. Trong số bốn môn-phái chủ trương sự thường-còn bất-diệt của Đại-ngã và tất cả các thể-hiện của Đại-ngã trong vạn vật, thì có một là do sự luận-lí suông, còn ba thì là do những tưởng-niệm đã tinh tấn nhưng chưa được thông suốt của các nhà bác-học Bà-la-môn. Tất cả những người này đều chưa hiểu được rằng không có cái gì gọi là Bản-ngã và tất cả đều là vô-thường.

Lại còn ba môn-phái nữa, nhận rằng chỉ có đối với những đấng vô sinh bất-nhiễm như Đức Phạm-



thiên Brahman thì Bản-ngã và thế-giới mới thường còn; còn đối với các loài có sinh, và bị nhiễm hoặc bởi dục lạc hay bởi tâm-trí thì bản-ngã là vô thường, và sự yếu-tho, sự biến-dịch và sự thác-sinh vẫn là thân-phận đời đời kiếp kiếp của các giống hữu tình, bất kể họ là chư-thiên hay là chúng sinh của hạ giới.

Trường-hợp cuối-cùng của các chấp-luận về sự thường còn, là trường-hợp của một tôn-giáo lớn. Tuy rằng trong Kinh không nói rõ tôn-giáo ấy là tôn giáo nào, nhưng cũng có thể nhìn vào chủ-trương được trình bày mà nhận ra được rằng đó là đạo Jaina (Kì-na-giáo) của Nigantha Nàtaputta (Ni-kiền-tử); nhưng đồng

thời, hệ-phái Sāmkhya cũng chấp nhận một ý-tưởng tương-tự.

Đối với đạo Jaina, thì thế-giới và vạn-vật trong thế-giới được cấu thành bởi hai yếu-tố có sắc có hình, một là những đơn-vị linh-hoạt (*jiva*) có tính-cách thường-còn, thường-trú, thường-hằng, toàn-giác và toàn-năng; hai là những đơn-vị không linh-hoạt (*ajiva*), cũng thường-còn, nhưng chịu sự biến-động và sự biến-chuyển trong thời-gian, bởi các năng-lực tự-nhiên.

(Trong triết-lí Sāmkhya, thì hai nguyên-tố này (mà Caraka gọi là *Ksetrajna* và *Ksetra*) kết lại với nhau mà làm thành các sinh-vật trong thế-giới, cũng như thể là linh hồn và xác thịt cộng hợp với nhau trong

các hệ-phái tôn-giáo và triết-lí của Tây phương ngày nay. Sự kết hợp này không vĩnh cửu và hai nguyên-tố có thể li tán bất cứ lúc nào, trừ khi cá-nhân đã đạt tới được sự giải-thoát tối-hậu để trở nên bất diệt).

Đạo Jaina thì chủ trương rằng hai nguyên-tố *jiva* và *ajiva* tụ lại với nhau trong vĩnh-viễn và không bao giờ có thể tách rời. Là vì rằng bởi sự chuyển-động và vận-động của mỗi *jiva*, mà bản thể là sự động, thì *ajiva* được tạo ra ngay trong *jiva* và thành ra một cái nghiệp (*karma*). Hội tụ *jiva*, *ajiva*, với cái nghiệp đã tích lại trong cái cấu-tạo của hội-tụ, sẽ lưu chuyển mãi mãi trong vòng luân-hồi, khi thì là người, khi thì là vật, khi là quỉ, khi là thần, khi là hoa, khi là đất, khi là lửa, khi là gió. Các hình hài này là những vật vô-thường; nhưng trong mỗi hình hài ấy, cái hội-tụ *jiva-ajiva* vẫn không biến đổi, và sẽ tách rời khỏi hình hài sau sự chết để nhập vào một hình hài khác tùy theo cái nghiệp đã tạo ra như thế nào. Đây là điểm mà Đức Phật nói tới trong Kinh Phạm-võng về Đạo Jaina :

« Do sự suy-luận chia-chẻ-biến-bác, và dễ thích hợp với sự thâm sát, họ tuyên bố rằng : « Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân tức là cái bản-ngã vô thường, không kiên cố, không thường trú và bị chuyển biến. Còn cái gọi là tâm, là ý, là thức thì là cái bản-ngã thường còn, bất biến, thường trú, không chuyển biến và thường hằng, không thay đổi trong mãi mãi. »

Jiva là cái toàn-giác và toàn-năng,

nhưng sự hội-tụ tạo nghiệp với một *ajiva* đã che phủ nó đi và nó trở thành mờ-ám hay đen tối. Đạo Jaina dạy rằng, bằng sự tu-hành khổ hạnh, bằng sự tuyệt-thực và sự từ-chối tất cả những cái gì nuôi dưỡng sinh-mệnh để thực hiện được bất bạo-động *ahimsa*, người ta có thể dứt được cái nghiệp, và khi ấy thì cái bản-thể của ta sẽ trở thành trong sáng và tinh-thuần và sẽ vượt ra khỏi địa-giới, thiên giới để sống bất diệt trên Cõi Trời của các vị Tirthankara. Các tu-sĩ theo đạo Jaina thường được gọi trong Kinh Phật là người sa-môn thỏa thân, vì họ chủ trương chỉ lấy gió làm áo. Có những người đã tuyệt thực cho đến chết hoặc chỉ ăn một hột gạo mỗi ngày vì họ cho rằng cây cỏ / cũng là sinh-vật và ăn thóc gạo cũng là sát sinh. Những người theo Đạo Jaina không chăn nuôi, không cấy ruộng cũng vì lí-do tôn-giáo ấy, và rất nhiều người đã làm nghề *chetti* cho vay tiền, vì họ nghĩ rằng đây là một nghề không sát sinh.

Những tin-tưởng này, dưới ánh sáng của Đạo Phật cũng là những chấp-kiến và chấp-luận, vì không có cái gì là cái thường-tại, cái toàn-giác từ nguyên-thủy và trong bản-thể cả : sự toàn-giác là cái quả mà người ta có thể đạt được bằng sự tu-hành tinh-tiến trong đường lối của Bát Chính-đạo chứ không phải là một trạng-thái sơ-khởi mà người ta phải đi ngược trở về bằng sự khổ-tu.

TRẦN NGỌC NINH

Kỳ tới : Những lí-thuyết về bản-ngã sau khi chết.



Muammar Gaddafi

*chàng trai du mục với
mộng làm bá chủ Khối Ả-rập*

Đêm ngày 1. 9. 1969 một chế độ quân chủ hiền lành, cổ hủ, bị lật đổ tại xứ Lybie. Vì Libie là một vùng sa mạc hẻo lánh, vì sự thay bậc đổi ngôi tại xứ Ả-rập là một điều quá thường nên dư luận thế giới ít để ý tới vụ đảo chính quân sự này. Cầm đầu phe đảo chính lại là một viên Đại-tá mới 27 tuổi, đẹp trai, tên là Muammar Gaddafi. Người ta không ngờ rằng chỉ vài năm sau Gaddafi đã trở thành một yếu tố chính trị quan trọng vào bậc nhất của vùng Trung-Đông nói riêng và của thế giới nói chung.

Nếu 4 năm về trước người ta chỉ nhìn thấy ở Muammar Gaddafi một chàng quân nhân kiêu căng, bay bướm, xuất thân từ một nước chậm tiến, lợi dụng thời cơ mà nắm được chính

quyền, thì giờ đây người ta thấy Gaddafi là một lãnh tụ tràn trề tham vọng, cuồng tín, phục vụ thế-giới Ả-rập.

Là một quân nhân thấm nhuần tư-tưởng Hồi-giáo, Gaddafi đang tìm cách vươn lên nắm quyền lãnh-tụ khối Ả-rập. Để đạt được mục tiêu này ông luôn luôn tìm kiếm trong thánh-kinh Coran những nguyên-tắc hành động. Lịch sử của thế-giới Ả-rập đã có những trang hào hùng được viết lên bằng thành tích của những chàng chiến binh Ả-rập mà vô ngựa đã in dấu trên khắp các sa mạc hoang vu từ Viễn-Đông tới ngưỡng cửa Âu châu. Những trang sử này luôn luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho một Gaddafi trong mưu đồ thống trị Trung-Đông.

I. MỘT CẬU BÉ DU MỤC TRÊN LƯNG LẠC ĐÀ

Muammar Gaddafi sinh vào năm 1942 trong một căn lều vải căng giữa sa mạc nóng hổi xứ Lybie hoang vắng. Cậu sinh ngày tháng nào không ai biết được vì cậu là con của một người lái buôn ngựa và lạc đà, không nơi cư ngụ nhất định, nên không có sổ bộ-đời...

Trong suốt thời niên thiếu, Muammar đã sống cuộc đời du mục nay đây mai đó. Ngày ngồi trên lưng lạc đà đi cả chục cây số trên sa mạc bỏng cháy dưới ánh mặt trời chói chang, tối đến cả đoàn dừng lại, căng lều vải để cả người ngựa lẫn lạc đà nghỉ chân. Khí hậu vùng sa

mặt rất khó chịu đựng. Ban ngày nắng cháy bỏng, nhưng ban đêm thì trời lại lạnh giá. Vì vậy mà những dân du mục có tính nết rất cương nghị và thân thể cường tráng.

Tuy nhiên, đối với Muammar cuộc đời lang thang này lại rất hào hứng. Nhờ có sự di chuyển không ngừng cậu đã được biết mọi vùng đất của quê hương mình. Hơn nữa lúc đêm xuống, trong khi người lớn chui vào trong mền len cừu để tìm giấc ngủ thì Muammar thắp ngọn đèn dầu hỏa leo lét để học. Và ngọn đèn dầu này luôn luôn nhắc cho Muammar một sự kiện nhục nhã là các mỏ dầu hỏa nước cậu đều do những thực dân Ý khai thác để làm giàu cho mẫu quốc Ý, trong khi những trẻ em ở quốc gia bị trị như Muammar thì chỉ được hưởng một chút ánh sáng lờ mờ trong bóng đêm.

Nhưng ngọn đèn dầu dù lờ mờ cũng đã soi sáng được đầu óc của cậu bé hiếu học Muammar. Bắt đầu lớn lên, cậu từ bỏ cuộc đời du mục để bước chân vào học đường. Tại các trường Tiểu học cũng như Trung học, Muammar đã liên tiếp đoạt được các bằng cấp cần thiết để thi vào trường Võ bị.

Tại trường Võ-bị Tripoli cậu sinh viên trẻ đẹp, cao lớn, Muammar Gaddafi đã hoạt động không ngừng. Cậu vừa học tập quân sự vừa tổ chức các lớp truyền bá tư tưởng cách mạng. Cậu định rằng khi nào một nửa số sĩ quan Lybie thấm tư tưởng cách mạng thì cậu sẽ làm cách

mạng. Các hoạt động của sinh viên sĩ quan Gaddafi trùng hợp với trào lưu cách mạng của khối Ả-rập. Thật vậy, vào cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960, người ta thấy thế giới Ả-rập giao động mạnh hơn bao giờ hết. Chủ nghĩa quốc gia của các dân tộc Ả-rập đã bột phát mạnh mẽ trong các phong trào chống đế quốc. Năm 1955, Maroc và Tunisie trở dậy đòi Pháp trả độc lập. Algérie đang đẩy mạnh cuộc chiến tranh giải phóng chống Pháp... Năm 1956 Đại tá Nasser xức Ai-cập quốc-hữu-hóa kênh Suez. Năm 1958 nền quân chủ Irak bị lật đổ. Ngay từ lúc còn đang ở tuổi 20 Muammar đã ôm ấp hoài bão đóng vai trò lãnh-tụ Ả-rập nên cậu đã cố gắng reo rắc mầm cách mạng trong nước. Cậu đi quyên tiền để giúp các lực lượng cách mạng. Cậu đi kẻ những khẩu hiệu chống đối chính quyền trên các bức tường thủ-đô.

Nhưng khổ một nỗi là dân Lybie chẳng ai chịu nghe Gaddafi tuyên truyền cả. Dân số trong nước chỉ vỏn vẹn có 2 triệu người mà ai cũng muốn yên thân. Dầu hỏa trong nước, tuy bị ngoại nhân chiếm đoạt, nhưng những phần thừa thãi họ để lại thì dân cũng đủ ăn sài. Ngoài ra, Quốc vương Lybie, Idris I, lại là một anh hùng dân tộc đã có công trong công cuộc kháng chiến chống Ý và đưa quốc gia ông tới độc lập. Do đó các lời kêu gọi nổi dậy của Gaddafi không gây một tiếng vang nào trong nước.

Không làm nổi cách mạng, Gaddafi chỉ còn biết tiếp tục ngành võ bị. Nhưng đáng buồn hơn nữa là quân

đội Lybie chẳng đánh nhau với ai cả. Trong khi quân đội tại các nước láng giềng đua nhau lập chiến công thì Lybie như ngái ngủ. Trong khi cả thế giới đều thán phục một nước Tunisie khôn ngoan dưới quyền lãnh đạo của một Bourguiba sáng suốt, khen ngợi cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc Algérie và hoa mắt trước thanh thế lẫy lừng của một Nasser, đóng vai trò lãnh-tụ không những của khối Ả-rập mà cả của khối Á-Phi, thì xứ Lybie, với đoàn lạc đà lững thững đi dưới hàng dừa thưa thớt trên sa mạc bao la, vẫn bị thế-giới lãng quên không ai nhắc đến.

Trong bầu không khí bình dị này, viên sĩ quan trẻ tuổi hiếu động như Gaddafi chịu hết nổi. Chàng luôn luôn chủ trương lật đổ một chế độ mà « vua thì già, thái tử thì ngu độn, chính phủ thì thối nát».

Cái chính phủ ngu độn thối nát này lại hết mực cưng chiều Gaddafi. Vì vậy mà mới 27 tuổi anh ta đã lên tới cấp bậc Đại-tá tuy chả phải đánh đấm ai suốt trong thời gian tại ngũ từ khi tốt nghiệp trường Võ-bị.

II. NHẤT CỬ NHẤT ĐỘNG ĐỀU THEO THÁNH KINH CORAN

Cầm đầu một « Hội đồng lãnh đạo Cách-mạng » gồm 12 nhân vật, Gaddafi tập trung mọi quyền bính trong tay. Việc đầu tiên mà ông làm là xóa bỏ mọi vết tích thống trị của người ngoại quốc. Ông ra lệnh cho các căn-cứ không quân Anh và Mỹ phải rời khỏi nước ông. Nhưng ông

Đêm hôm 1-9-1969 trong khi Quốc vương Idris đang công du ở ngoại quốc, lợi dụng lúc các tướng lãnh trong quân đội còn đang tung bừng yến tiệc đề thết đãi các sĩ quan cảnh sát cao cấp, các sĩ quan trẻ tuổi dưới quyền chỉ huy của Gaddafi đột nhập vào bữa tiệc, bắt giữ hết các vị chỉ huy của cả quân đội lẫn cảnh sát. Hoàng cung bị chiếm đóng trong nháy mắt trong khi vị « thái tử ngu độn » vẫn ngủ không hay biết. Lúc thái-tử tỉnh giấc thì được cung nữ báo cho hay là Lybie đã đổi thay chế độ, vua cha 80 tuổi vừa bị mất ngôi và Đại-tá Muammar Gaddafi vừa tự phong làm Quốc-trưởng kiêm Tổng Tư-lệnh quân đội.

Khi lên cướp chính quyền, Gaddafi chưa được ai biết đến, và cuộc đảo chính êm thấm của ông được diễn ra nhẹ nhàng như một tấn tuồng cải lương. Trên thế giới ai cũng mỉm cười khi hay tin rằng nhân loại có thêm một « cậu » lãnh-tụ nữa. Nhưng chỉ vài tháng sau Gaddafi đã làm cho nhiều người sửng sốt vì những hành động bất ngờ và táo bạo của ông.

cũng đuổi luôn cả những người Nga sang làm le ve văn ông. Tuy nước Ý đã trả lại độc lập cho Lybie từ gần 20 năm về trước, Gaddafi cũng trục xuất luôn cả 25.000 Ý kiều đang sinh sống ở Lybie. Không những ông đuổi người sống, Gaddafi còn đuổi cả người chết nữa. Ông dọa đem

tàu thủy chở 21.000 xác kiểu dân Ý chôn tại nước ông để đưa về Ý quốc.

Để nhấn mạnh tinh thần độc lập của Lybie, ông ra lệnh cho mọi người phải dùng tiếng Ả-rập. Nhiều du khách ngoại quốc bị cấm cửa vào Lybie chỉ vì thông-hành của họ không được dịch ra tiếng Ả-rập.

Để lành-mạnh-hóa phong-tục ông tái áp dụng tục lệ cổ xưa của Hồi-giáo bằng cách cho chặt tay những tên ăn cắp vặt và chặt chân những tên ăn cướp võ trang.

Theo đúng Thánh-kinh Coran, Gaddafi không uống rượu, không hút thuốc lá. Ông ra lệnh đóng cửa các hộp đêm, các sòng bạc. Riêng Gaddafi sống một cách khắc khổ ở trong một căn nhà nhỏ trong trại gia binh với cô vợ chánh thất. Cô vợ này tên là Safyia được ông rất cưng chiều vì xưa kia cô làm y tá đã tận tâm chăm sóc cho ông khi ông bị tai nạn xe hơi hai năm về trước. Safyia lại còn cho Gaddafi một đứa con trai và hiện nay đang có bầu lần thứ hai. Tuy quý vợ nhưng Gaddafi luôn luôn xử xự với phái đẹp hoàn toàn theo tập tục Ả-rập. Một lần chỉ vì thấy 2 cô gái đánh lộn để tranh nhau ơn mưa móc của Gaddafi mà ông đã giải quyết vụ tranh chấp này một cách thỏa đáng bằng cách lấy luôn cả hai cô về để họ chia nhau đồng đều ân huệ của ông.

Đọc thánh kinh, Gaddafi đã nảy ra mộng muốn tái lập đế quốc Ả-rập

chạy dài từ Viễn-Á tới miền Bắc nước Pháp.

Tất cả những hành động của ông, Gaddafi cũng đều giải thích bằng Thánh-kinh Coran hết. Theo ông, chỉ có áp dụng các nguyên-tắc của Thánh-kinh, dù cồ lỗ đến đâu chăng nữa, mới lành-mạnh-hóa được một xã-hội Lybie bị « đế quốc thực dân hủ hóa ».

Gaddafi theo Hồi-giáo nhiệt thành đến nỗi con trai của ông cũng được đặt tên là Seif al-Islam có nghĩa là cái kiếm của Hồi-giáo. Cha của Gaddafi cũng bị sống một cuộc đời khắc khổ không kém. Tuy có con làm Quốc-trưởng nhưng ông già Gaddafi vẫn tiếp tục sống trong một căn nhà ổ chuột tồi tàn. Muammar thề là thân phụ ông chỉ có nhà khi nào toàn thể dân Lybie có nhà ở. Các Tổng Bộ trưởng trong Chính-phủ được Gaddafi gọi là « anh em » nhưng phải sống một cuộc đời khiêm tốn. Khi Thủ tướng Abdul Salam Jalloud dọn nhà tới một căn biệt thự ở Tripoli thì lập tức Gaddafi hạ lệnh cho ông ta phải chở đồ về căn nhà cũ.

Đêm đêm Gaddafi thường bắt chước Harun al-Rashid, vị lãnh chúa thành Bagdad của thế-kỷ thứ 8, cải trang ra đường, vi hành xem xét dân chúng sống ra sao. Một hôm ông vào Bệnh-viện Trung-ương ở Tripoli giả vờ nói là cha ông sắp chết cần kiếm bác-sĩ. Lúc viên bác-sĩ khuyên ông nên cho cha uống aspirine thì ông cởi bộ đồ giả-trang ra và cho đuổi ngay viên bác sĩ này ra khỏi bệnh viện.

Mỗi ngày Gaddafi làm việc tới 20 giờ. Thỉnh thoảng ông lại biến khỏi Thủ-đô để đi suy nghĩ giữa sa-mạc. Ra trước đám đông có khi ông nói liên tiếp 5 tiếng đồng hồ, lúc cười lúc khóc, khiến dân chúng xúc động luôn luôn hứa xiết chặt hàng ngũ sau lưng ông.

Dưới triều-đại Gaddafi, nhà cửa mới mọc lên như nấm, tuy khiêm nhượng nhưng tân tiến. Gaddafi, một người du mục mà lại muốn biến cái sa-mạc thành ruộng lúa mì. Ông vừa đưa ra một chương trình khai khẩn 700.000 mẫu sa-mạc.

Tuy bài ngoại nhưng Gaddafi vẫn dùng các chuyên viên ngoại quốc. Ông mời người Nam-tư tới xây hải-cảng, người Ý đến làm đường xá, người Ai-cập cố vấn quân đội và người Mỹ bơm dầu hỏa. Khi một sinh viên hỏi ông sao không đuổi Mỹ ra khỏi nước thì bị ông hỏi lại : « Thế thì lấy ai bơm dầu hỏa ? ! »

Với các mỏ dầu hỏa dồi dào, Lybie đã đóng vai một nước chi viện. Gaddafi dùng tiền để chi phối các nước láng giềng. Mỗi năm Gaddafi chi cho Ai-cập 125 triệu Mỹ kim, cho Syrie 45 triệu, cho phe du kích Palestine 20 triệu. Không những các quốc gia Ả-rập rộng lớn, dân đông, phải thần phục một nước Lybie nhỏ bé để xin tiền mà các quốc gia Hắc-Phi cũng đua nhau bỏ Do-thái sang « châu rìa » tiền của Gaddafi. Tiêu chuẩn chi viện của Gaddafi là tiền chi ra phải có lợi cho Hồi-giáo và phải có hại cho Do-thái.

Mỗi khi có một cuộc đảo chính tại một nước Ả-rập lân cận, Gaddafi vội vã đáp máy bay tới « quan sát » lãnh-tụ mới rồi mới quyết định chi tiền. Vì vậy mà Đại-tá Attasi của Syrie vừa cướp được chính quyền thì ông ta liền bị Gaddafi sang nhìn từ đầu đến chân. Sau khi thấy Attasi có tướng mạo tốt Gaddafi mới gật gù và hứa sẽ chi tiền.

Gaddafi lại còn có lối hay bắt thần đáp máy bay sang thăm các nước lân cận mà không báo trước. Nhiều khi máy bay sắp hạ cánh Quốc trưởng địa phương mới biết và hối hả tới đón. Nếu không ra đón hay đón trễ có thể sẽ bị « cúp » viện trợ.

Trong một phiên họp thượng đỉnh Ả-rập, khi Gaddafi tới chỗ ngồi thấy trên bàn ông có bảng mang chữ « Ngài » Gaddafi (His Excellency) đúng nghi thức ngoại giao thì ông liền nổi sùng định không chịu ngồi vì cho rằng ông chỉ là con anh lái buôn lạc đà đâu có cần được ai gọi là « Ngài » !

Trong những năm vừa qua Lybie luôn luôn nhúng tay vào các vụ đảo chính, ám sát chính-trị hay cách-mạng tại những nước Ả-rập. Tháng 7-1971 khi Quốc-vương Hassan II chống cự thắng lợi một cuộc đảo chính của quân đội và tháng 6-1972 khi Quốc vương thoát khỏi một vụ ám sát, thì chính Gaddafi đã ra trước máy truyền thanh khoa trương công trạng. Kết quả là Maroc đoạn giao với Lybie. Đầu năm 1973 khi quân khủng bố « Tháng 9 đen » hạ sát các nhà ngoại-giao Bỉ và Mỹ ở Khar-

toum thì Tổng Thống Soudan, Noumeiry, đã chính thức lên án Gaddafi là những tay vào các vụ lộn xộn ở khối Ả-rập.

Khuấy động trong các nước Ả-rập Gaddafi không mong gì hơn là sẽ đóng vai lãnh-tụ khối Ả-rập, trước sự chia rẽ của khối này. Gaddafi thường nói bằng một giọng đầy thất vọng : « Người Ả-rập bị chìm sâu vào bóng tối. Người Ả-rập thiếu lãnh đạo ».

Nhưng ở một xứ khỉ ho cò gáy dù giàu có bạc tỷ, Gaddafi cũng khó có thể hy vọng được làm lãnh-tụ Ả-rập. Vì vậy mà ông ta dòm ngó xứ Ai-cập láng giềng. Ông thường nói : « Ai-cập là một nước lớn không có lãnh-tụ mà ta thì lại là một lãnh-tụ lớn không có đất. »

Giây phút sung sướng nhất trong đời Gaddafi là khi ông được Nasser, thuở sinh thời, nói rằng : « Nhìn thấy Ông tôi nhớ lại tuổi trẻ của tôi ». Gaddafi muốn làm một Nasser thứ hai. Gaddafi muốn nối nghiệp Nasser nhất là Nasser chết đi đã chẳng để lại được lãnh-tụ nào có uy tín. Vì vậy mà Gaddafi đề-nghị với Syrie và Ai-Cập cùng với Lybie lập một « Liên-bang các Cộng-hòa Ả-rập » với Anwar Sadat làm Chủ tịch trong giai đoạn đầu và Gaddafi làm Chủ tịch trong giai đoạn sau. Chịu áp-lực của túi tiền Lybie, Ai-cập và Syrie đều phải nhận lời tham gia Liên-bang, nhưng cả hai nước này đều dùng mọi kế để trì hoãn việc thực thi Liên-bang này. Do đó Gaddafi đã tức

giận cho dân chúng biểu tình tràn sang biên-giới Ai-cập đòi thành lập Liên-bang ngay tức khắc. Kết quả là giữa đoàn biểu tình Lybie không võ trang và các lực lượng quân sự, cảnh sát Ai-cập, nhiều cuộc xô xát đổ máu đã xảy ra.

Với Do-thái, Gaddafi tỏ ra là một người vô địch trong việc chống đối. Ông đã thành lập một không-đoàn hùng hậu gồm 114 phản-lực-cơ chiến đấu Mirage, tốn kém tới 200 triệu Mỹ-kim. Không-lực này là mối đe dọa thường xuyên cho Do-thái. Nhưng Gaddafi rất thất vọng vì các nước Ả-rập phần lớn thối mọt nên đều muốn giảng hòa với Do-thái. Vì vậy mà Gaddafi đã chống lại hết mọi toan tính hòa giải Do-thái Ả-rập. Sự có mặt của Gaddafi trên chính trường Trung-Đông hiện nay là một trở lực lớn cho việc tái lập một nền hòa-bình bền vững của vùng này.

oOo

Là một chàng trai mơ mộng và lãng mạn luôn luôn lấy thánh kinh ra làm tôn chỉ, Gaddafi từ khi còn là một cậu bé du mục sống thất thểu trên lưng lạc đà cho tới giờ phút này làm lãnh-tụ một nước Lybie giàu có, luôn luôn hoài bão làm bá chủ khối Ả-rập. Mơ ước của ông không phải là địa vị của một lãnh tụ chính trị trong thời tân tiến này. Gaddafi, một chàng trai Ả-rập đẹp trai, muốn tạo cho mình một huyền-thoại, một ngôi thứ tương tự như những ông hoàng Ả-rập của thời đại « Ngàn lẻ một đêm » hay thời đại « Cây đèn

thần » của Aladin. Gaddafi muốn là một anh hùng trong sạch và cứng rắn, một anh hùng công bằng, thường phạt phân minh. Vì vậy mà trong các giáo-đường tại Lybie người ta thấy các chữ thập, các hình Chúa cũng như các hình Mohamed đều bị thay thế bằng các hình ảnh của Gaddafi.

Nhờ Gaddafi mà một nước Lybie nhỏ bé đã được mọi người trên thế-giới đề ý tới. Nhờ Gaddafi mà người Á-rập ý thức được sự trù phú do các mỏ dầu tạo nên. Nhưng cũng vì Gaddafi mà tình hình Trung Đông càng ngày càng trở nên bất ổn.

TU' MINH

**hãy
hút...**



BASTOS **MIỀN**

ĐẦU LỌC
truyện hảo



BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Vô Tuyến Truyền Kiều

Tết đến nơi rồi. Thiên hạ vô số người đang chạy Tết để sẽ được ăn Tết cho ngon hơn. Kể cả ông bạn thơ Bàng Bá Lân, người đã chạy đến tìm Hoàng tại xóm Vườn-Chuối, vừa nói vừa thở, vội vội vàng vàng, không kịp uống trà uống rượu chi hết, chỉ loáng thoáng câu được câu chẳng một hồi, rồi xuống thang gác vọt ra đường, như có ma đuổi bén gót.

— Này Hoàng ! Chương trình « Lấy hương lấy hoa » của tôi trên Vê-Tê-Tê-Hát đang muốn có 4 câu thơ Tập Kiều của anh. Đề tài : Hoa Đào. Tết Nguyên đán mà lại ! Đất nước còn, thì hương Tết và hoa Đào phải còn chứ ! Tuần sau tôi đến lãnh... thơ. Đề kịp cho « trên Đài » họ thâu ; nhớ nhé !

oOo

Tập Kiều ? Ừ thì « tập » ! Nhất là « tập » đề rồi « truyền ». Và mỗi manh sản có Hương hoa... Vô tuyến, bao gồm cả hình-tượng cả thanh-âm.

Nhưng còn 7 ngày nữa kia mà. Đi đâu phải vội ! Đêm hăng hay.

Ài ngờ đêm đó, rồi đêm sau, đêm sau nữa... Thơ cũng chẳng ra đâu vào với đâu. Chỉ tập được 1 cặp, rồi đành bó tay... như ngày xưa chàng Thúc. Không sao chuyển được xuống câu 3 và 4 cho thành bài.

Nguyên ủy là Hoàng định dùng thể thơ Đường-luật Thất-ngôn đề tập Kiều, chứ không dùng thể Lục-bát như thường lệ. Cũng tự cấm đoán cái việc « chặt » câu Kiều này chắp vào 1 câu Kiều khác nằm xa tít mù tấp ở khoảng dưới hay khoảng trên (1) « chặt khúc » ra như vậy, theo ý Hoàng là cả một bất kính đối với cổ nhân. Cũng không được phép « thêm » 1 chữ do mình đặt ra để câu Lục thành câu Thất-ngôn (2), hay « bớt » 1 chữ ở giữa câu Bát (3). Phải sao cho « liền » kia ! Nghĩa là chỉ được « nối » những chữ liền nhau của những câu liền nhau mà thôi.

Lúc đầu tưởng cũng dễ. Ai ngờ chẳng dễ chút nào. Qua 3 đêm, mà đến chiều tối rồi, vẫn chỉ gộp được có 14 chữ. Lại chưa nói được ý « hoa Đào ». Mới chỉ là nhập-đề. Một nhập-đề hơi dài cho một bài thơ Tứ-tuyệt :

*Đâu bỗng không mua nãi chuốc sầu;
Sầu người, buồn cảnh, có vui đâu !*

Câu 1 đã gốc ở cặp lục-bát của Nguyễn-Du :

Dạy rằng mộng triệu cứ đâu

(1) Thí dụ : Trăm năm trong cõi / hạc bay qua.

(2) Td : Dập dìm tài tử / với / giai nhân.

(3) Td : So bề tài sắc lại là / ... / hơn.

*Bỗng không mua não chuốc sầu nghĩ
nao.*

Câu 2 gốc ở cặp :

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao
giờ.*

Thơ Nguyễn-Du (trong bản chữ Nôm) không hề có dấu chấm, dấu phẩy, dấu hỏi, dấu than... Vậy Hoàng có thể tự ý thêm vào câu Thất-ngôn-góp-nhất của mình, nếu thấy cần phải dùng đến những ký-hiệu Tây-phương này. Cũng như viết-hoa hay không viết-hoa, tùy thích.

Ngâm đi ngâm lại 2 câu đến nát cả hương trà khói thuốc. Và đã sắp vào giờ Hợi rồi cũng nên ! Khó thật !

Đột nhiên trên chiếc bình sứ, kề ngay cửa sổ trông xuống đầu ngõ, hiện ra một cảnh đào nở phơn phớt từ bao giờ. Có người mới tặng chẳng ? Và Thục-Oanh đã cắm vào đây, rồi bận rộn đi sắm Tết không kịp thông báo cho Hoàng ? Chắc vậy ! Cứ tin là như vậy đi !

Tết phương Nam, giữa Sài-gòn mùa nắng, mà có hoa Đào để thưởng thức, còn mộng nào đẹp hơn ? Thế là cặp 3-4 đã được hoàn tất, gần như có quý thần đưa lối :

*Trướng Tô giáp mặt, hoa đào vẽ...
Nào ! Vạch da cây, vịnh bốn câu !*

Cặp này đã lấy 8 chữ liền nhau của cặp :

*Trướng Tô giáp mặt hoa Đào
Vẽ nào chẳng mặt nét nào chẳng
ura.*

Và 6 chữ của câu :

Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần

Đọc lại cả 4 câu :

*Đâu bỗng không mua não chuốc sầu;
Sầu người, buồn cảnh, có vui đâu !
Trướng Tô giáp mặt, hoa đào vẽ...
Nào ! vạch da cây, vịnh bốn câu !*

Hoàng lấy làm đắc ý, đang sửa soạn pha trà để tự thưởng cho mình thì... một giọng trong trẻo cất lên, ngay đầu thang gác :

— Hoa Đào đẹp quá !

Hoàng quay lại ; toan chào hỏi... nhưng «người đẹp» này đã tới gần, và tự giới thiệu :

— Chào tiên-sinh ; tôi là nữ-sĩ Hồng-Ngọc.

Thấy người đẹp tự xưng «nữ-sĩ», Hoàng ngạc nhiên. Vì không quen ai có bút hiệu ấy cả. Dầu sao, giữa phút cao hứng, cũng chẳng cần nghĩ đến chuyện quen hay lạ, hoặc nếu quen thì quen từ bao giờ, quen ở đâu.

— Mời nữ-sĩ ngồi thưởng trà, nước mới sắp sôi, phải đợi một chút đấy !

— Vâng. Hằng nói chuyện thơ đã. Xin lỗi tiên-sinh, nếu tôi không lầm thì 4 câu vừa rồi của tiên-sinh chỉ là một «Khai-từ». Nhất là câu cuối. Phải có 4 câu «Chính-văn» chứ ạ !

—Đúng thế ! Cô đặt giùm tôi quách cho xong... À, tôi xưng hô như vậy, được chứ ? Mà... cô cũng vậy, cứ gọi tôi là anh Hoàng, hay ông Hoàng, chớ nên khách-sáo nữa !

— Vâng. Nhưng đặt giùm ông thì chả dám.

— Sao lại chả dám ? Hay là tôi đọc một câu rồi cô đọc tiếp nhé ?

— Không dễ đâu, ông ạ. Cứ nghĩ lấy 2 câu cũng khó rồi. Và cứ «4 câu 2 vắn» cũng mất lắm công phu, chứ đừng nói phải «4 câu 3 vắn» !

— Đồng ý. Vậy mỗi người làm một bài «4 câu 2 vắn» nhé ?

Vị nữ khách ngồi im, mắt nhìn về phía cảnh đào, hình như đang lạc vào thế-giới của Nguyễn-Du rồi thì phải.

Hoàng cũng giữ im lặng. Rồi thông thả pha trà, vì nước đã sôi thật sự trên 3 ngọn lửa bắc lung-linh của chiếc đèn dầu lạc.

Trà được rót ra chén, thì người đẹp cũng vừa đổi lại dáng ngồi. Chủ và khách cùng uống trà. Nhưng theo khói trà tỏa lên, mỗi người đuổi bắt một vần thơ khác. Mặc dầu vần nào cũng bay lượn trong vườn Thúy... của cụ Tiên-Điền.

— Hoàng đọc trước được không ?
À, xin lỗi cô, tôi mới nghĩ được 2 câu đầu, cô thử nghe xem liệu có ổn ?

— Tôi cũng vừa nghĩ xong 2 câu, thế ông gieo vần gì ? Hãy cho biết trước đã.

— Vần « mình ».

— Thế thì may quá. Không trùng với vần của tôi gieo. Vâng ông cho nghe.

Cạn nốt chén trà, Hoàng lấy giọng đọc :

Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến ?

Đây : kẻ đi muôn dặm một mình !

— Trời ! Sao cách đặt giống hết 2 câu của tôi vậy ? Cũng lựa 1 câu Bát, rồi ném 1 chữ xuống câu tiếp.

— Hay lắm ! Xin cho nghe.

Vị nữ khách không đọc như Hoàng mà cất giọng ngâm, khá uyển chuyển.

Tường đông ong bướm đi về mặc

Ai bấy lâu nghe tiếng má đào

Hoàng vỗ tay tán thưởng rồi hỏi :

— Ở cuối câu 1 có dấu chấm dấu phẩy gì không, nếu viết ra chữ quốc ngữ ?

— Tôi cũng không biết nữa. Mà... ông bảo viết ra để làm gì ? Bài thơ đã xong đâu !...

Giữa lúc ấy, nghe như có tiếng Thục-Oanh ở dưới chân cầu thang. Hồng-Ngọc reo lên :

— Chị Oanh đã về !

Rồi chạy xuống cầu thang đón Thục-Oanh... Chứng như họ thân với nhau lắm thì phải !

Nhưng, lạ quá ! Không nghe thấy họ chào hỏi gì nhau hết. Im lặng hoàn toàn. Cả dưới chân cầu thang, và cả trên cầu thang nữa.

Hoàng tự nhủ : Hay là hai người rủ nhau ra nhà ngoài nói chuyện chẳng ? Hoặc cùng ra chợ Vườn-Chuối để mua thêm một món hàng Tết ? Mặc dầu giả thuyết này có vẻ phi lý ; trên mặt chiếc đồng hồ báo thức, đôi kim đã chập vào nhau ngay giữa con số 11, khuya rồi còn gì !

Hoàng lại ngạc nhiên hơn nữa, khi liếc mắt từ đôi kim đồng hồ sang chiếc bình-sứ men Giang-Tây. Ở kia ! Chẳng thấy có cảnh Đào nào cắm ở đó cả !

— Oanh ơi !

Tiếng gọi giật giọng của Hoàng đã tự ý vang lên. Rồi chìm luôn. Như tiếng ai gọi ai giữa một sa - mạc tưởng-tượng.

oOo

Đã quen với mọi bất ngờ, mọi phi lý, Hoàng lấy lại bình tĩnh, ngồi tiếp tục uống trà, đề nghị nốt 2 câu cuối. Trọn bài như sau :

Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến ?

Đây : kẻ đi muôn dặm một mình !

Khi cúi đầu, khi vò chín khúc ;

Chân mây mặt đất một màu xanh.

Đang định ngâm lớn lên, thì từ phía cửa sổ, chiếc bình sứ bỗng rung động khác thường. Và có tiếng ngâm vắng tới, như lạ mà như quen, lại nhỏ như mũi kim, nhọn như cành trám. Hoàng nghe rõ từng âm hưởng xuyên qua xúc giác :

Tường đông ong bướm đi về mặc

Ai bấy lâu nghe tiếng má đào

Mới thấy đây mà lòng đã chắc

Đào càng treo giá ngọc càng cao

Tiếng ngâm từ từ rút đi. Hoàng cũng từ từ nằm xuống, đợi.

Với cảm tưởng sâu đậm rằng lần này mình có thể « nằm » và có quyền « đợi » cho đến không-bao-giờ.

Mặc dầu vậy, Hoàng cũng không thể nào nằm đợi suông cho được. Năm đã qua đi rất nhiều khói mây, đợi đã qua đi rất nhiều nệm gối... Dĩ nhiên phải qua đi rất nhiều đêm. Nhiều ngày. Qua cả Tết Nguyên-đán cả buổi Thanh-minh, cả mùa Phật-đản. Và cả cầu Ô-thước của vợ chồng Ngâu.

Đêm này, hòa theo tiếng mưa, ngâm lại 4 câu thơ của Hồng-Ngọc, Hoàng tự thấy không thể ngăn được cái ý định « nổi điệu ». Nghĩa là sẵn văn của người đẹp gieo từ 8 tháng trước, Hoàng rút ra từng chữ giăng mắc trong thi phẩm Đoạn-trường đề vay mượn chấp nối, mà đặt tiếp vào 4 câu nữa :

Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm...

Sao một lời là một vận vào ?

Tơ phím này trông ra ngọn cỏ,

Bao tuần trăng khuyết đĩa dầu hao.

Rồi lấy ngay «nhất điệp linh đài» của chính mình làm 1 đài-vô-tuyến đề « truyền Kiều ». May ra có tới được ai chăng !

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sài-đô, trên đường đi đến
ngày kỷ niệm Nguyễn-Du.

(T.I. 1973)

Tự truyện giữa mùa Hè

Sáng tác

Trong vòng ba tháng nay, tôi viết được khá nhiều. Giữa chốn tằm tối, nóng bức, tù túng, tôi viết tiếp được một nửa cuốn truyện dài *Tôi và Em* bởi thế một phần lớn tác phẩm này chứa đầy sự khao khát ánh sáng và không khí trong lành bát ngát của tự do. Trang cuối của *Tôi và Em* chấm dứt, sau một vài tuần sự sáng tác bị ngưng lại vì những vụ di chuyển, lên đường rất là mệt nhọc, đến Qui Nhơn, trong một doanh trại nằm dưới chân núi, tôi viết liên tục được 4 truyện ngắn khá ưng ý (*Hôn lễ*, *Đôi môi Dạ Hương*, *Hẹn mỗi tuần*, *Lời cầu hôn*) và sau khi viết xong bài tùy bút có tính cách tự truyện này, tôi sẽ bắt tay ngay vào dòng thứ nhất của một truyện dài mới, bản phác thảo đã có trong đầu óc tôi, đôi chỗ lờ mờ đôi chỗ dần dần đậm nét nhưng chắc chắn cuốn truyện dài này sẽ hoàn tất vào tháng 8-73.

...Loạt truyện ngắn của tôi, viết trong tháng này, không hiểu sao lại mang rất nhiều ám ảnh về chuyện hôn nhân, cưới vợ, lấy chồng... Hay đó là điềm báo trước một tai nạn khủng khiếp dự dằng, đau khổ vui vẻ nhất, sắp sửa đổ xuống trên đầu tôi. Than ôi, "tam thập nhi lập", các cụ ngày xưa đã nói thế, năm nay tôi mới có 26 cái xuân xanh thôi mà.

Sáng tác văn chương. Viết. Đó là hoạt động tôi theo đuổi không hề ngưng nghỉ, "bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu". Tình yêu, theo thiên ý của tôi, thà là yêu nhiều, yêu dư còn hơn là yêu ít hay không yêu gì cả. Viết, đối với tôi cũng thế. Thà là viết nhiều, viết dư còn hơn là viết ít hay không viết gì cả. Thời gian và sự biến đổi của cảm tính văn nghệ sẽ tự động gạn lọc giùm những sáng tác của tôi, một vài tác phẩm sẽ bị bỏ quên nhưng dần dần tôi tin chắc rằng nó sẽ được phục hồi.

Tôi sáng tác, chưa hề bị ràng buộc bởi những đòi hỏi, yêu cầu của bất cứ một ai. Tôi không bị lệ thuộc vào bất cứ một điều kiện của một cơ quan, tổ chức, một chủ nghĩa, một tờ báo hay một nhà xuất bản nào. Độc giả, khối đa số thẩm lạng này rất quan trọng vì có thể mang lại nhiều hoặc ít những quyền lợi vật chất và khích lệ tinh thần cho các tác giả, cũng không thể yêu cầu tôi viết nên bất cứ điều gì. Tôi bị quyến rũ chút ít bởi các tác giả lớn quốc tế và những trào lưu văn chương tiền phong nhưng tôi không nằm trong quỹ đạo của bất cứ ai, bất cứ dòng văn chương nào. Lăn lợt, tôi theo dõi các khuynh hướng khác nhau và những thay đổi về hình

thức, kỹ thuật của văn chương: cổ điển, lãng mạn, tả chân, hiện thực, tâm lý, tân lãng mạn, siêu hình... tiểu thuyết luân lý giáo dục, tiểu thuyết luận đề và đặt vấn đề, tiểu thuyết biện thuyết cho chủ nghĩa chính trị, tiểu thuyết mới, tiểu thuyết «chữ để ra chữ» gần như là phát sinh từ vô thức... Tôi sung sướng được thưởng ngoạn ít nhiều tinh hoa của tất cả những bộ mặt phong phú khác biệt nhau của mọi dòng sáng tác, và tự nhủ rằng tất cả những dòng sông đó đều có chung một nguồn lớn lao duy nhất. Tính chất của nguồn gốc đó là đặc tính cốt yếu đầu tiên của văn chương. Văn chương, đó là ý thức sáng suốt về giá trị của con người, một giá trị không phải chỉ được biểu hiện bởi một thân xác hữu hạn và một kiếp sống phù du, mà còn được kết tinh nuôi dưỡng bền vững, rộng lớn, lâu dài hơn nhờ sự sáng tạo của tinh thần. Sự sống của một tác phẩm thường lâu dài hơn một tác giả. Sự hiện diện của một tác phẩm cũng bao quát ở nhiều nơi, đậm nét, ăn sâu hơn là một khuôn mặt mo nhỏ bé của tác giả. Trên bình diện sinh lý, nhà văn cũng tầm thường như bất cứ người tầm thường nào. Hắn cũng phải, cũng cần, cũng khoái ăn, ngủ, làm ái tình, bài tiết theo đúng tứ khoái thông thường như mọi người khác. Hắn chỉ đặc biệt thấy cần thiết, ao ước có thêm một cái khoái, đệ ngũ khoái, đó là sự viết.

Tôi không thấy có sự khác biệt giữa những điều mà người ta thường

gọi là văn chương dẫn thân và văn chương thuần túy, văn nghệ vị nghệ thuật hay văn nghệ vị nhân sinh. Rốt cùng, giá trị vững mạnh nội tại của một tác phẩm (dẫu mang bất cứ một chủ đích nào hay không có chủ đích nào cả) quyết định sự sống và ảnh hưởng của tác phẩm đó giữa lòng nhân gian. Tất cả những tác phẩm văn chương đích thực của những tác giả thực sự mang ước muốn và có đủ khả năng sáng tạo, đều là «dẫn thân», dẫn thân hiệu theo nghĩa đã viết nên được bất cứ điều gì bất nguồn từ đời sống, từ cảm xúc, từ nỗ lực hiện tồn và từ khát vọng thăng hoa hay cải thiện ý nghĩa của cuộc đời. Như thế, những điều viết ra đó, quay trở lại, nhập cuộc, phục vụ cho con người. Tôi tin tưởng rằng văn chương không thể hướng về sự hủy diệt, cái chết hay hư vô.

Dẫu có những tác phẩm mang đầy bầu khí hư vô và cũng có nhiều nhà văn đã tự sát, nhưng dẫu cho y có tự sát, thì đó chỉ là sự tự hủy thân xác chứ không phải tự hủy tác phẩm của y. Mỗi chữ nào y đã viết ra được là một chiến thắng đối với hư vô, là dấu hiệu của sự hiện thân giữa đời, là bằng chứng của ý thức muốn sống và làm người. Khi một nhà văn trở nên mệt mỏi hoang mang, không còn sáng tạo được nữa, nghĩa là không còn chiến đấu được nữa để chống chọi với bóng tối hư vô bao trùm đeo đuổi trên cuộc đời y như một con ma vô hình truyền kiếp, có thể y sẽ tự ý tìm đến cái chết, sau

khi đã để lại cho đời những tác phẩm cứu sống con người. Hemingway, kết thúc đời mình bằng cách tự sát, sau khi đã dốc hết tim óc mình vào những tác phẩm bất hủ đã mở đầu, khai sinh, cứu vãn cho rất nhiều sinh mệnh trên hoàn cầu. Bởi thế mỗi nhà văn lớn đều mang trong người một bất tử tính. Sau khi y chết, tác phẩm của y, nghĩa là chính linh hồn, linh khí của y vẫn còn sống mãi với con người. Và không một tác phẩm nào lại mang tính chất cô đơn, biệt lập với cuộc đời. Tác phẩm văn chương sống chung, chia xẻ, đối thoại, hòa hợp, giao cảm với những người nào chọn lựa nó. Bởi thế, một tác phẩm văn chương đích thực lúc nào cũng chống lại sự cô đơn, sự lạ mặt ngộ nhận, hư vô và sự chết. Điều ấy đưa đến kết luận, những người sáng tạo nghệ thuật là những chiến sĩ bảo vệ và nuôi dưỡng cho cuộc tồn sinh sống động, ấm cúng,

hợp quần, thân ái của nhân loại. Những nghệ sĩ là chiến sĩ vô danh mà người ta không thể tìm ra một loại huy chương nào đủ xứng đáng để tưởng thưởng cho họ. Không có một vòng hoa nào, dầu lòng lấy đến đâu, lại có thể đủ xứng đáng để choàng cho họ. Tiền bạc và danh vọng chỉ làm thỏa mãn vuốt ve thân xác chứ không thỏa đầy được trọn vẹn con người nghệ sĩ. Phần thưởng lớn nhất, ước muốn lớn nhất của một nghệ sĩ, là được tự do sáng tạo, tự do chọn lựa một con đường sáng tạo, tự do sống một cuộc đời sáng tạo, và tự do gọi đến mọi người trọn vẹn những công trình sáng tạo mà không bị một chút đẽo gọt, hạn chế, kiểm soát hay sửa đổi méo mó...

Nhưng đáng buồn thay, đến giờ phút này tôi vẫn chưa có được những điều mong muốn khiêm nhường và đơn giản đó...

Sàigòn, Văn nghệ và Tiền bạc

Gần bốn tháng nay, tôi không có mặt ở Sài-gòn. Thời gian xa cách đô thị xô bồ thân ái này quả thật quá dài đối với tôi. Tôi quá nhớ, quá thèm về Sài-gòn, từ mười năm nay tôi dính liền với chốn phố phường này như một con nai tơ giữa rừng xanh. Rừng đe dọa đầy dã thú, nguy hiểm, chẳng chịt gai góc nhưng chẳng thể nào bỏ rừng được.

Giờ đây ở Qui Nhơn, trong một hoàn cảnh thật đặc biệt và khó khăn,

ngày về Sài-gòn trở nên xa xăm quá.

Tôi nhớ lại những ngày sống ở Sài-gòn. Cái gì lôi cuốn tôi mạnh mẽ nhất tại thành phố này? Chỉ có hai thứ: văn nghệ và tiền bạc. Không phải là tình yêu. Thời gian gần đây tôi cũng đánh mất khá nhiều tình bạn hữu. Bọn nó đi đâu cả, làm ăn, lấy vợ đẻ con, lưu lạc đâu mất hết rồi. Nhiều lắm là chỉ còn lại một người: Trịnh xuân Tịnh, đó là

người bạn thân nhất của tôi trong thập niên 70 (Đến đầu năm 1980, chắc chúng ta sẽ ít đi chơi với nhau hơn vì vợ ai nấy theo).

Tình yêu? Tôi rất ít bận tâm về tình yêu, gần như là không. Một điều nói ra thật khó tin, nhưng có thực, là tôi, tác giả của hàng chục truyện tình ái, hiện nay chẳng có ai là người yêu cả, chẳng có một mối tình nào cả. Tôi gần như không biết yêu ai, có lẽ tôi chỉ yêu tôi. Có lẽ tôi giống như lời nhận xét của một nhân vật nữ trong tập truyện *Chuyện hai người*: "Tình yêu? Anh mà biết gì về tình yêu?". Đàn bà, con gái, cô bé... thì nhau bay lượn đẹp mắt như bướm bướm trong sách tôi, nhưng cũng chỉ sống đẹp trong sách, gấp sách lại, các nàng bay biến, tác giả khôn khéo này chẳng có tài nào đuổi theo bắt kịp. Nhiều khi tôi nghĩ rằng tôi có thể điên cuồng hay chết sầu nào vì tình, nhưng thật ra không phải, qua bao nhiêu vụ thất tình lớn nhỏ đủ thứ, tôi vẫn sống nhàn, vẫn tỉnh táo, vẫn vui vẻ rong chơi như thường, dĩ nhiên là phải hơi đau đau một chút trước những vụ chia lìa; đồ võ nhưng rồi lại an ủi tự nhủ: thôi, chắc gì mình yêu thật, chắc gì người ta yêu thật, đó chỉ là « hình như là tình yêu » thôi mà. Câu thần chú « hình như là tình yêu » đó quả là một liều thuốc tiên quý báu.

Rốt cuộc, chỉ có hai thứ đeo đuổi sát nút đời tôi như hình với bóng. Đó là văn nghệ và tiền bạc. Tôi điêu đứng khổ sở vì chúng, tôi hăng say sung sướng cũng vì chúng.

Ở Sài Gòn, mỗi sáng tôi thức dậy sớm và ra khỏi nhà vào đúng 7 giờ. Đều đặn như một ông công chức chăm chỉ. Thật ra tôi có đi đến một sở làm nào đâu, tôi có công việc gì đâu. Tôi dậy sớm, kéo dài vụ uống cà phê tại quán đầu ngõ trong một giờ đồng hồ. Hút nửa bao thuốc lá cũng trong khoảng thời gian đó. Vừa nhìn ra ngoài đường xem xe cộ người người chạy qua chạy lại, vừa lăm nhăm những chữ những câu nào chợt xuất hiện bất ngờ và lộn xộn trong đầu. Đôi khi tôi xem sửa lại mấy trang bản thảo vừa viết trong đêm qua. Rồi tôi nhủ mảy liếc coi đồng hồ tay như một chính khách danh tiếng có nhiều cuộc hẹn quan trọng: 9 giờ. Tôi ra khỏi quán. Đi đâu bây giờ? Tôi chẳng hẹn ai, chẳng ai hẹn tôi cả.

Tôi lững thững cuộc bộ, chậm chạp và cẩn thận. Hoặc tôi đi xe « lam », không chậm chạp và không cẩn thận theo ý muốn tôi được. Đi đâu bây giờ? Hoặc tôi lên nhà xuất bản Trí Đăng, hỏi thăm, thúc giục hay đứng nhìn chiếc máy in đang rầm rập phóng ra từng *cahiers* sách của tôi, nói chuyện văn vở với ông chủ một chút, mượn tiền, đòi tiền... rồi về. Hoặc tôi lên nhà xuất bản An Tiêm, hỏi thăm, thúc giục hay đứng nhìn mấy cô thợ đóng xếp từng trang sách của tôi, nói chuyện văn vở với ông chủ một chút, mượn tiền, đòi tiền... rồi về.

Ngày nào cũng chừng đó chuyện. Chỉ thỉnh thoảng, không khi tại nhà

An Tiêm mới lạ và vui vẻ hơn một chút, đó là lúc tôi mượn tiền một cách tha thiết và thú thực là hết sạch tiền rồi. Ông chủ cười cười *thú thực* là cũng hết sạch tiền rồi. Trời đất bỗng u ám, đầu chưa có mưa lớn khách vẫn cứ cố tình ngồi lại. Hai kẻ hết sạch tiền ngồi bên nhau, bỗng trở nên tương đắc thân mật. Lên gác chơi, nghe nhạc chơi, nhậu chút chơi... Xong rồi, không tiền trong túi biết đi đâu bây giờ, thế là tôi ở lại nhà An Tiêm suốt ngày. Chuyện trò nở ra như bắp rang. Ông chủ than thở về những khó khăn : thời buổi lộn xộn ít người bỏ tiền ra mua sách, giá giấy công in tăng khủng khiếp, tiền bạc thiếu hụt, nợ nần... Ông chủ say sưa nói về những dự tính tương lai, nào là mua máy in, in thêm loại sách « De Luxe », mở *cafeteria*, thành lập hệ thống phát hành toàn quốc, làm tạp chí văn nghệ, tổ chức triển lãm sách... vân vân và vân vân... Ông chủ đem ra khoe những ấn bản họa phẩm danh tiếng, sách quý, những mẫu chữ mới lạ đặt mua từ ngoại quốc... Ông chủ háng hái nói với tác giả, sẽ in sách anh đẹp tối đa, kỹ lưỡng tối đa, phổ biến rộng rãi tối đa, hết sức là « siêu tuyệt »... Tác giả ngồi ngây người sung sướng như được người yêu thủ thỉ âu yếm, quên hẳn cả việc hết tiền, cần tiền. Thế là tác giả cũng háng hái không kém, bàn bạc, góp ý kiến, chọn chữ chọn tranh làm bìa, sửa *morasse* không công đến mờ mắt, thiếu điều tự tay đóng xếp sách và vác sách đi bán giùm... Đến giờ cơm trưa, câu chuyện

vẫn chưa chấm dứt, tôi vẫn chưa muốn về, thế là cơm nước bày ra, khách và chủ ăn uống đậm bạc thịt cá với la-de, cà-phê thuốc lá... Nhận thư đọc giả đọc lúc ngủ trưa, đến chiều mới ngủ dậy và... về.

Đó, công việc mỗi sáng ở Sài Gòn của tôi chỉ có như thế. Thỉnh thoảng, khi thấy báo Văn hay Bách-Khoa đăng bài mình, mới đổi hướng đi một chút, lên Tòa soạn lấy báo, lãnh tiền nhuận bút, trò chuyện với vài người quen... rồi về.

Đi đâu rồi cũng về. Nhưng ở Sài Gòn, tôi biết về đâu. Ít khi tôi về căn phòng nhỏ tối tăm buồn bã của tôi. Tôi thường từ nhà người quen này về nhà người quen khác.

(Hầu hết những truyện của tôi đều viết ở Sài Gòn, vài trang, vài trang, đâu đó ở nhà người này, nhà người nọ, lúc nào cảm thấy viết được là tôi viết, không một thời khóa biểu, không thói quen nào cả, bất kể sáng chiều tối, bàn ghế đang hoàng hay nằm trên giường bố, nằm dưới đất trong tù.)

Buổi chiều, tôi hẹn với Tịnh ở quán Khánh Ly. Tôi đã hết thích không khí ồn ào náo nhiệt ở quán Pagode. Tôi và Tịnh ngồi uống bia lai rai, lại nói chuyện đủ thứ trên trời dưới đất. Tôi đấu hót ba hoa, hòa bình trên thế giới, ngưng bắn, thống nhất hai miền Nam Bắc, tương lai của nền văn nghệ Việt Nam... Tôi say sưa nói về những cuốn sách tôi đã viết, về những cuốn sẽ viết, đã có 6 cuốn trong năm 71-72, sẽ

có ít nhất là 6 cuốn trong năm 73... Chúng tôi nhắc đến rất nhiều về Huế, nhớ đến một vài người bạn ở Huế, dự trù sẽ về thăm Huế trong vài ngày... Tôi uống tiếp, ngà ngà, tôi nói mong sẽ viết được một tác phẩm thật lớn về chốn cổ đô ven sông Hương này... ngà ngà hơn, suýt chút nữa thì tôi đã đánh cá với Tịnh là tôi sẽ đoạt giải Nobel văn chương trong vòng hai mươi năm tới. Thịnh thoảng cô chủ quán Khánh Ly xuất hiện, miệng phì phèo điếu thuốc, mang một cái bầu to tướng trước bụng, ngồi lại góp vài chuyện bâng quơ... Đến tối, tôi theo Tịnh về nhà, ăn cơm dẫn bụng, rồi lại rủ nhau phóng ra phố, lần này có đèo thêm anh Sơn. Lại vào quán. Castel, một quán nhỏ xinh xắn lịch sự theo đúng mẫu *Made in Paris*, quầy rượu thoải mái, rất nhiều bông hồng. Tôi ngất trộm một bông nhỏ dấu trong ngực áo để lát nữa đem về tặng Ngâu. Lại uống rượu, tôi nhường cho nhạc sĩ T.C. Sơn đối thoại lâu dài với một cô *caissière* rất duyên dáng dễ thương, người đồng hương với Kim Dung và Trịnh Phối Phối. Khuya, gần giờ nghiêm, ba người loạng quạng về nhà, có khi về thẳng một cách mau lẹ, có khi ghé lại cao ốc Dupont hay góc đường Yên Đổ : phòng máy lạnh mát mẻ, da thịt đàn bà cũng khá mát mẻ đầy mùi nước hoa, mất toi hai ngàn đồng (thế là đi đứt gần hết tiền nhuận bút của một truyện ngắn).

Đó, làm sao tôi quên Sài-gòn được. Ở đó, tôi sáng tác hăng say sung

sức, tôi xài tiền cũng mê man mạnh khỏe không kém. Văn nghệ và tiền bạc, tôi không thể sống mà thiếu hai thứ đó được.

Tôi lênh đênh sáng khoải, bỗng bênh thuyền thang trong màu đen của chữ mực in và màu xanh của giấy bạc. Dĩ nhiên là những cuốn sách của tôi đem lại ít nhiều tiền tác quyền, nhưng chắc chắn là tôi không viết vì tiền. (Hiện nay tôi là một trong rất ít tác giả ở V.N. không viết "phôi-ơ-tông" và cũng không có một nghề nghiệp nào mưu sinh ngoài hoạt động sáng tác cả. Tôi vẫn cứ viết rất chậm chạp và lười biếng, ngay cả lúc tôi đang cần tiền nhất vào cuối năm 72, lúc ấy có ít nhất là 5 nhà xuất bản uy tín lẫn tài tử đều muốn in sách của tôi, một vài nhà không ngần ngại đưa tiền trước). Tuy nhiên, cần phân biệt một tác phẩm và một ấn phẩm. Dù có tiền hay không, tôi vẫn sáng tạo liên tục nên những tác phẩm, nhưng khi những tác phẩm ấy được in ra, được trở thành ấn phẩm trên một tờ báo hay trong tủ sách của một nhà xuất bản nào, sự trở thành ấy dĩ nhiên phải tùy thuộc ít nhiều vào chuyện tiền bạc.

Đó, Sài-gòn, nơi chốn thu hút tôi từ mười năm nay. Tôi tình nguyện làm một con thiêu thân sáng suốt bay thẳng vào cõi ánh sáng đó. Tôi là một con thiêu thân loại đặc biệt, mê đắm trong ánh sáng nhưng sẽ không bị thiêu cháy vì ánh sáng.

Giờ đây, tôi thêm về Sài-gòn quá đỗi. « Sài-gòn đẹp lắm Sài-gòn ơi... Sài-gòn ơi... »

Ngâu

Tôi nhớ Ngâu ngang hàng với nhớ Sài-gòn. Trước kia Ngâu ở Huế, tôi nhớ Ngâu ngang hàng với Huế. Ngâu thật vĩ đại. Ngâu ảnh hưởng trong tôi bằng cả hàng triệu người, cỏ cây, nhà cửa... của một thành phố.

Những ngày cuối còn ở Sài-gòn, nhưng cách ngăn với thế giới bằng những bức tường cao và hàng rào kẽm gai, tôi được gặp Ngâu trong thoáng chốc vội vàng.

Ngày đó, Ngâu đến thăm tôi một chiều... nắng.

Trời thật nắng, nóng bức, ngột ngạt, bên cạnh chúng ta là đám người vo ve ồn ào hỗn độn. Chen chúc trên băng ghế gỗ chật ních những cặp vợ chồng, tình nhân, tâm sự khóc lóc sụt sùi, chúng ta vẫn tươi cười nhắc đến những ngày vui cũ. Tôi vẫn còn nói đùa được cho Ngâu bật cười, da mặt Ngâu hồng lên vì ánh nắng và bụi đường, chiếc áo sơ-mi của Ngâu trắng tinh, jupe xanh, tay còn nắm cuốn sách luyện thi Tú tài hai, và một viên kẹo rượu cho tôi. Chúng ta hồi hả, tranh nhau nói chuyện không kịp thở. Người ta chỉ

cho chúng ta gặp nhau tối đa là 15 phút. Trong khu « thăm nuôi » chật hẹp của ngục tù, giữa đám người tội đồ phờ phạc và vợ con họ rầu rĩ, tôi và Ngâu, chúng ta nổi bật lên như hai ánh sao, như một đôi tài tử minh tinh màn bạc. Nếu tôi nhớ không lầm, và cũng không tự kiêu quá, thì chiều đó, chúng ta là hai người xinh đẹp nhất giữa cỏi người khổ đau tăm tối. Tiếng còi nổi lên xua đuổi thân nhân ra về một cách tàn nhẫn, chúng ta bàng hoàng, chần chờ nán lại, mỗi tiếng còi thúc hối chia cắt như mỗi mũi dao đâm đau lòng tôi..

Thôi, Ngâu về rồi. Bóng Ngâu nhỏ nhoi mất hút trong đám đông, tôi đứng lặng cầm ngó theo cho đến khi Ngâu hoàn toàn biến mất, tôi lầm lũi trở về căn phòng tối.

Ngâu, tôi vô cùng hối hận khi nhớ lại trước đây đã nhiều lần tôi tự kiểm có giận hờn đề xa Ngâu, nhưng làm sao xa Ngâu nổi. Giờ đây, dù muốn dù không, Ngâu đã quá xa tôi. Ngâu là giọt mưa cách biệt, phút hội ngộ ngắn như một lông tay út mà thời gian xa vắng dài như cả một vòng tay chờ đợi.

Hiện tại

Tôi đang viết những dòng chữ này trong một doanh trại nằm dưới chân núi Yan, tỉnh Bình Định. Nhờ người thân giúp đỡ, tôi được nương náu tạm thời ở nhà một ông Tá

đàn võ cầm. Tôi «kèm học» cho tám cô cậu từ 17 tuổi đến 5 tuổi. Tôi phải nặn óc nhớ lại, học ôn một cách mệt nhọc mấy cuốn sách Trung Tiểu học đề «giảng bài» từ phương trình bậc

hai có hai lần số, chứng minh hai tam giác bằng nhau, số thập phân, toán chia ba con, cửu chương 2, em tập đánh vần A B C... Cũng may mà mùa nghỉ hè đã đến, tôi được xoay qua những chuyện vui vẻ hơn: đá bóng, đánh vũ cầu, chơi lô tô với đám trẻ con... tôi cũng thích chơi ô làng và đánh thẻ lăm, thỉnh thoảng tôi «bình» xập xám với mấy đứa lớn. Ngày ngày đều đặn trôi qua, mới thế mà tôi đã sống gần hai tháng dưới mái nhà này. Mỗi đêm, tôi bắc chiếc ghế nhỏ ra ngồi trong bóng tối dưới hiên nhà, mơ màng nhìn dãy núi đen xa xa mù mịt, từ trong nhà có tiếng đàn vĩ cầm văng ra nghe thật buồn thê thiết, tôi đau lòng nhớ nhung đến những người quen, đến những chặng đường long đong đã qua và e rằng còn sẽ tới nữa, tôi muốn khóc, mỗi tôi cháy phỏng những điều thuốc lá đốt nối đuôi nhau (Tôi cha hồ hút thả cửa ba «tút» Bastoz xanh của Trần Phong Giao, Nguyễn Mộng Giác và cô em bà con Khánh Vân mới gởi cho).

Đôi ba đêm một lần, tôi khuây khỏa đôi chút khi đi uống rượu hoặc uống cà phê đến khuya với Nguyễn Kim Phụng và Sông Thao. Cũng loanh quanh ở mấy cái quán nhỏ trong trại lính. Hai tuần một lần, tôi được ra Qui Nhơn ăn ngủ thanh thoi một ngày Chủ nhật tại nhà anh Giác, gặp hai ông thi sĩ Vũ Hữu Định và Đặng Tấn Tới ở đây.

Hôm nọ, dì Phú và đứa em trai của tôi, thằng Lộc, «Mắt Cọp» có

vào trại thăm, hẳn nhe răng cười nói: «anh Tuấn mặc pyjama coi có vẻ công tử bột và mập ra...». Tôi nói sức mấy, tôi không còn được đóng vai công tử và không thể nào mập mập khỏe mạnh được nữa, từ khi...

Từ khi... «Chuyện của Tí Đường đến đây là hết. Từ đó cuộc đời của Tí buồn bã lắm...» (Xin xem lại *Cô Bé Treo Mùng*).

Thư từ của bạn bè, những người quen, và cả những độc giả không quen biết gửi đến, an ủi tôi rất nhiều. Nhất là những lá thư đều đặn của Tịnh, thường kèm theo một tấm bưu phiếu cầm lấy nghe thật ấm lòng. (Suốt bốn tháng nay, tôi sống hoàn toàn nhờ tiền tác quyền của cuốn *Tôi và Em* và *Cô Bé Treo Mùng* in lần hai. Cám ơn Mơ Nữ. Cám ơn Cô bé treo mùng)...

...Sự bất hạnh đã đưa tôi đến hoàn cảnh hiện nay. Nhưng trong hoàn cảnh này, tôi lại được khá nhiều may mắn so với những người khác. Lòng ưu ái ấy bắt nguồn từ tình cảm của người thân, và quý báu nhất là của những người chưa một lần quen biết...

...Những chữ cuối cùng của «Tự Truyện Giữa Mùa Hè» xin dành để gởi lời cám ơn chân thành của tôi đến quý vị trên đây, là những người đã hết lòng giúp đỡ, thăm viếng thăm nuôi, an ủi tôi rất nhiều trong thời kỳ khốn đốn nguy nan nhất của tôi, từ tháng 2/73 đến nay...

...Quý vị trên đây dĩ nhiên là mỗi người đều có một cuộc sống, nghề nghiệp, chức vụ và lập trường riêng biệt khác nhau. Từ một bà sắp có cháu bồng cho đến một cô thiếu nữ chưa chồng. Từ một nhà quân sự chuyên nghiệp lão thành cho đến một người ... hoãn dịch lâu dài hay một ông lính trơn tài tử. Từ một nhà giáo chân chính cho đến một kẻ "khinh bỉ" học đường.

Từ nghệ sĩ cho đến người tu sĩ...

Những khác biệt hình thức ấy không quan trọng. Điều quan trọng là một lần nữa, xin tất cả quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của tôi.

Cám ơn, cám ơn, cám ơn...

18-6-73

HOÀNG NGỌC TUẤN

Lời minh xác của Hoàng Ngọc Tuấn

Vì tôi kẹt ở xa Saigon không trực tiếp trông coi được, và cũng vì sơ xuất của nhà xuất bản, nên tập truyện HỌC TRÒ của tôi đã được in ra với thêm 3 bài sau đây ngoài ý muốn của tác giả :

- 1) truyện *Cô Bé tuyệt vời trên Cao nguyên*
- 2) truyện *Cuối cùng như nàng muốn*
- 3) loạt bài *Thư gửi những người bạn nhỏ*

Tất cả ba truyện trên đây đều là của tôi nhưng tôi thấy không thích hợp lắm để cho in trong tập *Học Trò*. Đây là một trục trặc kỹ thuật ngoài ý muốn của nhà xuất bản lẫn tác giả. Vậy xin loan báo để độc giả khỏi hiểu lầm.

Qui Nhơn, 18-6-73, — Hoàng Ngọc Tuấn

Đón đọc trong tháng 10-1973 :

Ý - T H Ú C

TỜ BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

- Khởi điểm của một chiều hướng hòa giải dân tộc.
- Phát huy tình tự người cầm bút trong hoàn cảnh mới của đất nước.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nới : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Truong-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM ĐÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DỊU DÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ

MIC-CHOLON

Niềm tin còn lại

Lúc tôi thức dậy, bên ngoài trời vẫn còn tối. Cái đồng hồ đeo tay cỏi ra để tắm cho con Ty hôm qua rồi bỏ quên đâu đó, nên dù có đưa tay ra phía ngọn đèn bão nhìn giờ theo thói quen, tôi vẫn không biết lúc ấy là lúc nào. Có lẽ khoảng năm giờ sáng thì phải. Cả đêm con nhỏ bị sảy cắn khóc tã tức không chịu ngủ. Mỗi lần như vậy, tôi phải ngồi dậy, dựa lưng vào tường mở nút đưa vú cho con bé bú. Nhưng Ty chỉ nhảy nhay vài cái, lại nhả ra khóc tiếp. Tôi cố cho Ty ngoạm nắm vú lần nữa, sợ tiếng khóc đánh thức ông nội bên kia phòng. Ty định quay mặt tránh đi, nhưng bị tôi ép buộc, nó đành phải ngậm nắm vú, ậm ừ khó chịu. Bên phòng ông nội, có tiếng quạt phành phạch, rồi tiếng guốc chạm nhau ở dưới gầm giường. Ông nội đã dậy. Tôi lo lắng, nói với con bé nhưng cốt là để cho ba tôi nghe :

— Nín đi con. Nín bú cho no rồi ngủ. Ty ngoan của mẹ. Đừng khóc ồn, nội không ngủ được.

Con bé tám tháng thôi ậm ừ, nhưng cũng thôi không nhay vú nữa, lắng tai nghe tôi nói. Chờ một lúc không thấy gì, nó định vùng vẫy. Tôi phải vừa vỗ vào mông con bé vừa dọa :

— Bú đi rồi ngủ. Không thôi mẹ bỏ con đây mẹ đi đấy. Mẹ gửi con cho các cô các chú mẹ tìm ba về. Sợ

không ? Rồi ai quạt cho Ty ? Ai nấu nước tắm cho Ty ? Ai ru cho Ty ngủ ? Sợ không cưng ?

Bên kia vách ván, có tiếng ho của ba tôi. Rồi tiếng guốc kéo lê trên nền xi-măng. Ba tôi ra mở cửa ngăn, đi ra sau bếp. Chắc ông nội con Ty đi tiêu hay đi tiểu gì đó. Con bé cũng lắng nghe tiếng guốc giữa khuya như tôi, rồi lơ mơ ngủ lúc nào không biết. Tôi len lén đặt nó xuống chiếu. Ty giật mình, hai tay chới vờ. Tôi chụp cái gối ôm đặt vào giữa hai tay con bé. Ty quay sang nằm nghiêng, chân phải gác lên cái gối nhỏ ỉ ỉ nước tiểu. Tôi tìm cái tã lót dưới thân con bé, để phòng trường hợp nó đái mế nước tiểu khỏi chảy ngược lên làm ướt lưng chỗ mọc đầy sảy. Chính lúc đó, tôi tìm lại được cái đồng hồ. Tôi đoán không sai. Mới 5 giờ 15 phút. Tôi nằm xuống bên cạnh con Ty, mệt quá nên quạt quạt vài cái cho con bé mát, rồi ngủ quên lúc nào không hay.

Không biết lần sau, vì sao tôi đã choàng thức dậy. Tôi ngồi trên giường, đầu óc hoang mang, lơ mơ hiểu rằng có một hình ảnh nào đó, một ý tưởng nào đó, một âm thanh nào đó tôi đã thấy, đã nghĩ, đã nghe trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê khiến tôi giật mình, sợ hãi. Mồ hôi ra ướt cả lưng áo, và bàn tay tôi vẫn còn run rẩy. Tôi nhìn bàn tay gầy,

rồi nhìn mặt đồng hồ. 6 giờ 20 phút. Chết mất. Đáng lẽ tôi phải dậy lúc 6 giờ như lệ thường để nhen rê-sô nấu cho ba tôi ấm nước pha cà-phê. Từ ngày nhà tôi mất tích, ba tôi có thói quen dậy sớm tự pha cà-phê sữa cho mình, uống chậm chậm nhìn bóng đêm chờ mặt trời mọc. Chỉ có tôi mới chú ý đến cái thú đau thương lặng lẽ ấy, nên cũng trong yên lặng, tôi thường dậy sớm hơn ba tôi nấu sẵn cho ông ấm nước sôi. Trong bóng đêm, hai cha con lặng lẽ nhìn nhau trong ánh lửa bếp bập bùng, cùng cảm thông nỗi ray rứt dần vật của nhau, nhưng không ai dám nói rõ ý nghĩ mình. Nhờ thế, niềm đau đớn của tôi cũng vơi đi, và ba tôi bỏ hẳn vẻ mặt lạnh nhạt khắc khổ, bắt đầu nhìn tôi với đôi mắt trù mến khoan dung. Sự biết ơn đối với lòng thương bao la thâm trầm của một người cha vốn ít nói điềm đạm gần như đã chìm trọn vào tiềm thức, sửa đổi cả thói quen biếng nhác nơi tôi. Từ mấy tháng nay, hễ đúng sáu giờ là tự nhiên tôi thức dậy. Không trễ hơn, cũng không sớm hơn. Chỉ có hôm nay là bất thường. Tôi quay nhìn sang phía con Ty. Nó vẫn còn ngủ. Tôi vội vàng giở mùng tìm dép rón rén xuống bếp. Ai đã nhen lửa trên lò và nước trong ấm nhôm đang sôi bùng. Tôi hối hận quá. Vì mãi ngủ, tôi đã để cho ba tôi phải nhọc công xuống bếp đun nước lấy. Cái cảnh một ông lão mắt nhắm nhem cố gắng nhen cho được cái bếp hay trở chứng này, tìm chiếc ấm con xách ra lu

nước lọc rồi lại lần mò xách vào đặt trên ngọn lửa, âm thầm, một mình giữa khuya, làm tôi ái ngại. Tôi vặn thấp ngọn lửa xuống, tìm khăn lau quần quanh tay cầm mang ấm nước lên nhà trước. Tôi đoán không lầm. Ba tôi đã dậy từ lâu. Nhưng trên bàn gỗ vuông, không có hộp sữa lọ cà-phê và mớ ly tách quen thuộc. Ba tôi ngồi bất động trên ghế. Chiếc radio gần đó mở hơi lớn, phát thanh bằng tiếng Tàu. Tôi đem ấm nước đến gần bàn, chân bước nhẹ. Ba tôi vẫn không quay lại.

Tôi thưa nhỏ :

— Nước đã sôi rồi, ba. Vì con Ty không chịu ngủ, con thức dậy trễ.

Ba tôi từ từ quay lại, đôi mắt lơ lảo như người đang mê ngủ. Hình như ông chưa hiểu tôi vừa nói gì. Tôi nhắc :

— Thưa, ba quên tắt cái radio.

Ba tôi giật mình, đưa tay vặn nút cho sang tần số khác. Chỉ còn tiếng lè rè nho nhỏ mà thôi. Tôi hỏi, như thường lệ :

— Có tin gì thêm không ba?

Ba tôi không trả lời thẳng câu tôi hỏi, chỉ nói trống không :

— Nay là hai mươi tám tháng ba rồi con.

Tôi chợt thót người lại vì xúc động. Phải. Bây giờ tôi mới nhớ. Tôi nhớ lại hết rồi. Cái ý tưởng đã làm cho tôi sợ hãi đến khủng khiếp trong giấc ngủ chập chờn lúc nãy, là con

số 28 tháng 3 trên tờ lịch. Hai tháng trước, ba tôi đã lấy cây bút chì đỏ của em Thục lật tìm ngày 28-3 trên Bloc đề vòng tròn con số 28. Ba tôi đã cho gọi tôi lên, vui sướng khoe rằng tuy tay hơi run nhưng ba đã vẽ được một vòng tròn đẹp để tròn vẹn nhất của đời ba. Đó là một điểm lành. Vòng bút chì gói trọn khéo léo con số 2 và con số 8 trên tờ lịch trắng, không chạm đến chữ MERCREDI phía tay trái và chữ Thứ Tư phía tay phải. Nhưng lúc này trong cơn mê lơ lửng, tôi đã thấy vòng tròn bút chì di động, bỏ con số 2 để vây quanh con số 8. Rồi gần như con số 8 quấn quai dây dưa, phần trên giữ nguyên nhưng phần dưới tóp lại. Cuối cùng, con số 8 giống giống, tôi lạnh mình, phải, tôi lạnh mình choàng thức khi thấy con số 8 giống giống một cái đầu lâu u ám. Lúc đó, ba tôi nhắc lại một lần nữa giọng ngập ngừng :

— Đến ngày chót rồi con.

Tôi không muốn khóc trước mặt ba tôi. Tôi đặt ấm nước trên bàn, vội vã trở về phòng. Con Ty vẫn còn ngủ. Trời vẫn cứ tối. Tôi vơ đại cái tã ướt trên giường, úp mặt vào đó mà khóc thỏa thuê.

oOo

Có lẽ mùi nước tiểu, mùi sữa chua thân yêu trên cái tã ướt đã sớm giúp tôi tỉnh trí trở lại. Tôi dần được xúc động, lòng lâng lâng bồi hồi. Trên nhà có tiếng nước rót vào bình tích. Tiếng nước ban đầu còn trầm và đục, nhưng càng về

sau càng thanh càng rợn rã hơn. Thật giống y như trạng thái tình cảm của ba tôi.

Thật vậy, hồi tháng năm năm ngoái, lúc nghe tin căn cứ nhà tôi bị thất thủ và nhà tôi chết mất xác, ba tôi đã ngồi gục nơi bàn nước khóc không thành tiếng. Tiếng khóc khao khao, đục và nghẹn ăy kết tụ tất cả nỗi đau đớn và nhục nhằn của một đời dài.

Mừng tre già măng mọc

Ai ngờ tre khóc măng (1).

Một người bạn thi sĩ của ba tôi về sau có cảm khái viết tặng ba tôi hai câu thơ ấy. Nhưng khác với lời khóc của mẹ tôi, tôi, và Lan và Thục, nước mắt tuôn trên má và khô trong gió hạ, nước mắt ba tôi lặng lẽ, chảy vào trong lòng. Vì thế ở ba tôi có những đột biến trong thói quen, trong lối nói lối nhìn. Từ ngày người lính thương cận vệ của nhà tôi thoát về được cho biết lúc địch tràn ngập căn cứ, hình như nhà tôi có bị thương nên không thoát kịp, ba tôi dậy sớm hơn thường lệ. Lúc trước, đến nửa đêm, gió khuya làm cho ba tôi húng hắng ho mãi nên người thường ngủ muộn và đến tám chín giờ sáng mới thức dậy. Nhưng từ dạo tháng năm, ba tôi dậy thật sớm. Khoảng 6 giờ. Ba tôi lặng lẽ một mình bên bàn nguyện, rót nước trong bình tích ra pha một ly cà-phê đen thật đậm, thêm hai muỗng đường và một chút bơ, rồi mang đến đặt lên bàn thờ nhà tôi. Nước cà-phê loãng thứ nhì, người

dùng để pha cho mình một ly cà-phê sữa, rồi vừa uống từng hớp nhỏ vừa nhìn bóng đêm bên kia cửa sổ, ba tôi chờ trời sáng. Không biết người đã ngồi như vậy bao đêm, cho đến hôm me tôi khám phá điều bất thường của chồng. Me tôi thì thảo cho tôi biết. Từ đó sáng nào tôi cũng dậy sớm hơn cả ba tôi để lo nấu nước.

Đến khi hiệp-định ngưng bắn được ký kết, và nửa tháng sau, có những người vợ lính đội khăn tang đến trại An-dương thăm chồng, có những người lính đột ngột trở về ngũ ngàng nhìn ảnh mình trên bàn thờ khói hương nghi ngút, thì thói quen của ba tôi có một vài thay đổi. Người vẫn dậy sớm, vẫn pha cà-phê, nhưng dùng ngay nước nhất pha ly cà-phê sữa cho mình. Ba tôi đã hí hửng đi dọn bàn thờ nhà tôi, như đã hí hửng đi khoe cái vòng đẹp nhất tròn nhất người vẽ trên tờ lịch. Ba tôi hy vọng nhà tôi sẽ được trả về, một ngày nào đó trước 28 tháng 3. Cho nên trong bóng đêm ở một làng heo hút của đất nước khốn khổ, trong lúc mọi người yên giấc, có một người cha vừa ngồi uống từng ngụm cà phê sữa vừa lắng hết tinh thần nghe tin từ binh trao trả. Ba tôi nghe hết mọi đài, đài trước không loan tin thì vội vặn qua đài sau sẵn để đợi, dù đài này còn phát thanh bằng tiếng ngoại quốc. Vì thế, thỉnh thoảng choàng thức dậy lúc gần sáng khi thì tôi nghe máy phát thanh tiếng Nhật, khi thì nói tiếng Tàu. Chén vào những âm thanh lưu

lo lạ hoặc, là tiếng ho húng hắng quen thuộc của ba tôi, và tiếng nước rót vào bình tích. Những âm thanh ấy nổi bật giữa đêm vắng, nghe rõ mồn một. Chẳng hạn như lúc này đây : ba tôi đã đổi đài, nên radio phát thanh tiếng Nhật. Tôi nằm nghe giọng đọc hần học, hồi hã của xướng ngôn viên, lòng không thôi hoang mang. Con Ty cựa mình, đẩy cái gối sang một bên khóc lớn. Tôi vội ôm con vào lòng, vừa vỗ vỗ vào mông vừa lấy ngón tay út ngoáy nhẹ vào lỗ tai cho con bé ngủ. Ở nhà trên, có lẽ ba tôi tưởng cái radio lớn tiếng đã đánh thức con Ty dậy, nên vặn nhỏ lại. Đêm trở nên lặng lẽ nặng nề. Tôi mệt quá, mới lơ mơ thiếp đi thì giật mình thức dậy vì tiếng guốc hồi hã của ba tôi. Người chạy nhanh xuống hướng bếp. Tôi lo âu, nghĩ mình quên tắt cái bếp dầu hỏa nên ba nghe mùi khét. Nhưng tiếng guốc đến chỗ cửa phòng tôi thì dừng, và ba tôi hỏi lớn :

— Thảo. Thảo. Dậy chưa con ?

Tôi vội trả lời :

— Thưa ba con quên mất. Để con đi tắt cái rề sô liền.

Ba tôi nói, giọng xúc động nên vấp vấp :

— Cái gì ? Ba có nói chuyện đó đâu. Đừng buồn nghe con, Thảo. Đài Manila vừa báo mình tổ cáo bên kia vi phạm ngưng bắn, đến hạn chót vẫn không chịu thả hết tù binh.

Chắc nó ở trong sổ còn bị kẹt lại đó Thảo.

Tôi vội vàng ngồi dậy, nhìn về hí hửng trên khuôn mặt ba tôi, cảm động đến rung rưng nước mắt. Tôi hỏi, để giấu bớt niềm vui mới.

— Thật không hở ba ?

Ba tôi không trả lời, không cần trả lời, vì lúc ấy mặt trời buổi sớm đã mọc ánh sáng chan hòa bên kia khung cửa hẹp...

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Niềm hoan lạc vô biên của đứa con hoang trở về Cổ Quận sau những năm tháng quên lãng Mặt Đất Quê-Hương.

HAÒ ÂM CỔ QUẬN

Thi phẩm thứ ba của VŨ PHAN LONG

Bìa Đỗ Toàn, Phụ bản Đình Cường

Ở xa muốn mua sách xin gửi bưu phiếu 350đ đề tên ông Vũ Phan Long G.S Trung Học Tây Sơn-Quy Nhơn. Sách sẽ được gửi tới tận nơi.

Công thức mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

VI, SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

SHAPP SÀI GÒN

bán tại các nhà thuốc tây

Phân phối tại
KINH DOANH 877/7-8-9

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

THẾ - GIỚI - NGỮ

Thế-Giới-Ngữ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngữ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoi...!

Học-khóa Thế-Giới-Ngữ học từ 4 giờ mỗi chiều Chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giảng, Sài-gòn 3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.



Nhức đầu

Nhức

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
tung, đau nhức lúc có
Mình Ké



TRANG

Lá thư nước ngoài

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris ngày 3-7-73

Anh Ch.

Tôi vừa được mời đi dự đám cưới con gái một bà Bác-sĩ lấy một cậu người Pháp, nhà rất giàu ở vùng Normandie. Vì vậy mà đám cưới phải đi xa gần cả trăm cây số.

Lần đầu tiên đi dự một đám cưới tại nhà thờ. Cô dâu mặc áo gấm đỏ, mang khăn vành xanh. Anh thấy không, người ta sang đây cả ba chục năm rồi mà người ta vẫn giữ lễ lối cũ. Không mặc áo trắng, mang vòng hoa như một số đám cưới văn minh ở ngay xứ ta. Nhưng có lẽ mặc theo lối mới ít tốn tiền hơn chăng.

Sau đó là những bàn tiệc thật đầy đủ. Một đằng đãi theo lối Việt-Nam, có chả giò rất ngon và các món ăn khác, một đằng đãi theo lối Pháp, tha hồ ai muốn ăn đâu thì ăn.

Một dịp đề cho mọi người gặp nhau. Tiếc rằng tôi vẫn giữ cái tính mán mường nên chẳng biết chuyện trò với ai. May gặp một ông giáo-sư trẻ, sinh ở Việt-Nam, gia đình ông trước ở Cà-mau nên ông rất nhớ nước Việt-Nam, vì vậy mà tôi mới thấy bớt lạc loài.

Hầu hết người Âu trong đám khách đều có thời kỳ ở Việt-Nam có nhiều kỷ niệm ghi khắc trong lòng nên họ còn nhiều vấn vương luyến tiếc xứ mình.

Kề cũng lạ, chỉ có người Việt-nam sang đây là gây rất nhiều liên lạc. Hầu như không mối giao-hảo nào mật thiết bằng mối giao-hảo giữa Việt-Nam với Pháp.

Có lẽ nhờ vậy mà hiệu ản Việt-Nam bên này sống mạnh đó chẳng. Người Việt bây giờ ít đi ản hiệu, vì ai cũng mua được các thứ sản phẩm

của quê hương về nhà nấu lấy. Chẳng có thứ gì thiếu. Ngay cả các loại hoa quả, nếu Việt-Nam không xuất cảng thì đã có Nam-dương, Thái-lan, Hồng-kông đưa qua...

Thế-giới càng ngày càng thu hẹp lại và con người càng ngày càng được cởi mở, không bị gò bó như trước nữa. Nói đề các anh ở nhà đừng có ngạc nhiên. Nhân dịp mùa hè năm nay chính phủ cho sinh viên về thăm nhà. Chắc thế nào các cô các cậu cũng mang về một luồng gió mới cho đất nước, anh cứ chờ xem.

Một hai người trở về thì không thấy, chứ cả trăm người trở về và xuất phát từ nhiều xứ khác nhau thì chắc sẽ có nhiều điều đặc biệt lắm.

Tôi cũng đang xin giấy đề về, nhưng muốn được chấp thuận thì phải có vé máy bay, mà chưa chạy

được vé máy bay nên đang phải nằm chờ.

Bao giờ về được sẽ báo tin cho anh và chắc thế nào cũng lại được anh chị cho ăn, hầu như thành một cái lệ rồi phải không anh.

Hôm tôi ở Căm-bốt có một bà bảo rằng chỉ mơ được sống cuộc đời của tôi trong một năm cũng thỏa chí. Nghe có đáng hân hạnh không? Tôi nhớ đến một ông người Thái, ông ấy ví cuộc đời với một đám cỏ và người ta là còn bò. Cứ đứng ở đám cỏ nào thì thấy nó sao mà thừa thớt, không xanh, không mượt không mềm như đám cỏ ở đằng xa kia...

Paris bắt đầu vắng người, ai cũng đi nghỉ hè để trốn cái nóng bức ở đô thị. Đến tháng sau thì hết như một thành phố chết. Lắm lúc muốn mua một khúc bánh mì cũng phải đi thật xa, vì ai cũng không muốn mở cửa hàng sợ chẳng bán được cho ai cả. Chỉ khổ mấy anh nhà nghèo. Ở các thành phố khác thì cũng không đến nỗi quá quắt như Paris vì người ta rời bỏ đô thị từ tốn hơn.

Xứ Pháp coi văn minh vậy mà thiên hạ cũng tin thầy bói một cách mê muội. Cả thầy Việt-Nam sang đây cũng hốt 80 quan một quẻ tức là 8 nghìn bạc ở xứ ta, anh thấy có ghê không. Cố nhiên là phải biết nói dóc cho hay. Tài nghệ thì tôi nghe người đi xem về bảo rằng không có bao nhiêu. Muốn nhờ ông xem tuổi với cô bạn mà ông ta phải rút vào phòng trong thật lâu; chắc ông còn

mở sách tra cứu rồi mới trở ra ba hoa. Các ông chỉ có thể nói dóc với người ngoại quốc, xưng là quan lớn Á-Đông, chứ gặp người đồng hương coi bộ khó làm ăn.

Kể cho anh và các bạn nghe, đề ông bà nào có muốn sang đây mà chẳng có nghề gì mang theo thì làm cái nghề nói dóc ấy cũng ăn tiền được. Điều cần nhất là phải có một ngôi nhà hoặc một căn phòng để tiếp khách.

Bên này có một tờ báo mà chắc anh có đọc và có nghe nói đến. Đó là tờ «Canard enchaîné» một tờ báo hàng tuần in đến trên dưới 400.000 số, không cần đăng quảng cáo. Một loại báo châm thích rất vui, có một lối viết riêng mà nếu không phải thứ đọc giả quen thuộc thì đọc không hiểu. Muốn hiểu phải có cái đầu óc thích hài hước châm biếm, phải am hiểu đường lối chính trị quốc nội và quốc ngoại Pháp và cố nhiên là phải quen với tiếng Pháp. Tờ báo sống bằng cách trêu chọc chính quyền, soi mói hành động các Tổng trưởng, Thủ tướng, Tổng thống, các nghị sĩ... thế mà ít ai dám đi kiện mặc dầu bị châm biếm và moi móc đủ điều.

Tờ báo rất có uy tín và cũng rất có nhiều kẻ thù. Hôm vừa rồi trong một bữa ăn của báo chí với ông Trưởng phòng báo chí Phủ Tổng-thống Pháp, tôi đặt câu hỏi: «Quan-niệm của Phủ Tổng-thống và của ông Trưởng phòng thế nào đối với tờ báo Canard enchaîné?»

Ông ta khen hết lời và còn nói rằng chúng tôi không đến nỗi ngu ngốc mà đi đóng cửa hoặc thừa kiện tờ báo ấy. Nó biểu hiện cái tinh thần của dân-tộc Pháp v.v... Phải nhận rằng ông ta rất khôn, vì nếu ông ta nói lên một câu gì trách cứ là tuần sau ông sẽ được tờ báo chiếu cố đến ngay tức khắc.

Tuy nhiên có những người nhấi định đọc không hiểu, và có người ghét cay ghét độc tờ báo ấy. Đối với chúng tôi thì nó là một liều « vi-ta-min », mỗi tuần phải nuốt một viên. Nước nào có một tờ báo như vậy thì có thể gọi là được một điểm tiến bộ. Chính ngay các ông trong chính phủ tuần nào cũng đều phải tìm đọc báo đó trước.

Cổ nhiên nó không bởi móc đời tư, nếu không có điều gì phương hại cho xã hội. Có một năm đi dự một khóa tu nghiệp báo chí, tôi đã mang nó ra giới thiệu với các đồng nghiệp Gia-nã-đại. Họ thuộc khối nói tiếng Pháp, thế mà đọc xong các ông kêu chẳng thấy gì cả. Một là tại các ông ấy không biết thưởng thức, hai là không quen lối viết, không đề ý đến những mâu chính trị to nhỏ chẳng.

Độ này mỗi lần ăn cơm ở hội ký giả thường hay có đại diện của báo miền Bắc, nhưng ông này bao giờ cũng ngồi yên, chỉ giao thiệp với những đồng nghiệp các xứ xã hội anh em của ông, và không bao giờ đặt một câu hỏi, dẫu nghiêm trang hay phá phách. Người ta ngoan thế đấy chứ không phải như ký giả của báo nhà,

chuyên tìm những câu hỏi nào khó trả lời để đặt ra cho vui. Một lần chúng tôi có một cuộc họp báo với Thiếu-tướng Massu, nhân dịp ông vừa cho ra một quyển sách nói về cuộc chiến tranh ở Algérie.

Sau khi nghe ông nói rộng nói dài về những kỷ niệm, đường lối, hành động của quân đội Pháp vào thời kỳ ông đảm trách xứ ấy, ngày mà hai bên còn cự địch các ký giả chất vấn. Một lúc sau thấy câu hỏi hơi cạn, ông Chủ tịch Hội nhà báo quay sang phía nữ ký giả yêu cầu các nữ đồng nghiệp đặt câu hỏi. Các nữ đồng nghiệp vẫn ngồi im. Thấy vậy, tôi phải đứng lên hỏi : « Thừa Thiếu-tướng, nếu trong những năm ấy mà ví như Thiếu-tướng là dân Algérie thì Thiếu-tướng có gia nhập quân kháng chiến không ? »

Ông ta trả lời : « Có chứ, nhưng tôi không ở trong ban khủng bố ».

Các đồng nghiệp của tôi vỗ tay la lối ầm ĩ. Sau đó ông ta ký tặng tôi cuốn sách của ông và cứ yên trí rằng tôi là dân Ả-rập.

Tôi lại vừa đi họp báo về, vẫn cuộc họp báo hằng tuần của hai bên miền Nam và mãi đến bây giờ vẫn không thấy nhích một bước nào cả : Trước khi về, có một đồng nghiệp của hãng thông tấn Reuter nhất định

BỘ BÁCH KHOA đóng tập từ 1957 đến nửa năm 1973.

Giá 33.000đ.

bắt tôi cùng ông đi uống cà-phê. Nói là cà-phê nhưng trời nóng quá nên đĩa nào cũng uống nước chanh không bỏ đường.

Anh chàng này theo rồi cuộc nói chuyện của hai bên từ ngày đầu nên giữa chúng tôi có một thứ liên lạc, vừa đồng nghiệp vừa đồng bệnh. Thình thoảng anh chàng lại hỏi tôi nghĩ thế nào về tương lai? Anh chàng kêu rằng yêu tất cả người Việt Nam và lúc nào cũng giữ cho không mất quân bình. Như thế là hay lắm rồi, có nhiều anh thật là thiên vị. Nhưng cũng nên tha thứ cho họ vì sự thật nước của mình, quê hương mình, chứ quê hương gì của họ mà bảo họ lo lắng. Mục đích anh nào cũng chỉ cốt sao kiếm danh và kiếm lợi. Càng chạy đi tìm được những gì đẹp lòng ông chủ báo và quần chúng độc giả càng tốt. Nhất là các ký giả trẻ. Tuy nhiên có mấy ông bà ký giả muốn được người ta chú ý cũng cố xía vào vấn đề Việt Nam, một vấn đề hợp thời mà ăn khách.

Anh có biết rằng cuộc chiến tranh của chúng ta đã giúp đỡ cho rất nhiều người không? Nhờ chiến tranh Việt-Nam mà họ có tên tuổi, địa vị trong xã hội. Đáng lẽ mỗi khi gặp người Việt họ phải vái một cái thật dài để cảm ơn.

Thôi không nói đến câu chuyện hợp báo hằng tuần buồn ngủ ấy nữa, tôi vẫn chưa nghĩ ra được cái máy ngủ, cái gì để nhét vào tai cho khỏi nghe. Có một hồi tôi để tóc hơi

dài nhét vào tai cái ống nghe nhỏ và mang theo cái máy radio để nghe nhạc. Cũng khá dễ chịu, nhưng chỉ có một tai, còn tai kia vẫn bị nghe, và lắm khi vẫn tức bực như thường.

Anh đồng nghiệp của tôi công nhận rằng làm báo xứ nhà khó hơn xứ họ. Anh hỏi tôi: Chắc tụi bây phải «gồng» dữ lắm phải không?

Ngày mai này là ngày mà mỗi người dân sống ở trên các xứ văn minh gọi là ngày trả nợ. Ai sao không biết chứ cỡ tôi, ít ra cũng phải trả cả nghìn quan, nào tiền bảo đảm xã hội, tiền lau dọn, nhà cửa và các thứ linh tinh điện nước, chưa kể tiền mua sách báo hết hạn. Hình như trước mùa đi nghỉ hè phải thế. Ngán quá, có lẽ vì nó rơi vào cái thời tam-cá-nguyệt, cứ mỗi tam-cá là phải trả tiền. Ngán nhất là số tiền bảo-đảm xã-hội. Không có thì lo ốm đau, mà cứ mỗi kỳ trả cũng tức, vì mình đâu có muốn đau ốm.

Ở đây ốm là một cái nạn, ai có sang xin nhớ cho. Năm kia đi về tôi ốm một trận, bạn bè lo sợ đưa vào nhà thương. Bây giờ tôi có ốm cũng không dám gọi, sợ họ lại đưa vào nhà thương nữa, vừa mất thì giờ, vừa tốn tiền mà nhà thương có biết là bệnh gì đâu. Lạ nhất là vừa rồi anh chàng Olivier Tod, đi Cà-mau về cũng ốm hết như tôi. Cũng bá chứng, và Bác-sĩ cũng không tìm ra bệnh.

Nghe báo Saigon vui lắm, anh chị và các bạn có đi đâu chơi không? Mưa hay nắng? Bên này nắng ghê

gồm, nóng ắn dứt Saigon. Khoảng mười ngày nữa là tôi phải chạy đi tìm chỗ nào trốn Paris, giao nhà cho láng giềng trông hộ. Tháng trước ông ta đi rồi, tôi phải làm công việc trông nhà thì bây giờ đến phiên tôi đi. Anh xem, láng giềng như vậy có quý không, nhất là ông ta cùng nghề, chỉ phải cái tội ngủ ngày nên khỏi có bao giờ gặp nhau. Như vậy đỡ mất thì giờ. Ai cần gì thì viết giấy nhét vào cửa, hoặc điện thoại. Bên này phần nhiều láng giềng không gặp nhau là thường. Tôi nhớ không biết đã kể anh nghe chưa, năm xưa tôi ở vào một vùng có bà láng giềng trước mặt chết cả tuần lễ mà không ai biết. Một hôm ông hàng thịt sực nhớ đến, mới nhắn với bà gác gian.

Bà ta lên gõ cửa không thấy mở, lại nghĩ thấy mùi hôi, lúc đó mới nghĩ. Mở cửa ra thì bà ta chết đã có rồi trong xác. Nghe ghê không.

Bây giờ nhớ lại còn ghê. Để hôm nào tôi phải dặn ông láng giềng của tôi là nếu hai ba ngày không nghe tiếng đàn, hoặc tiếng máy chữ, hay tiếng đi lên thang gác của tôi thì phải sang xem thử tôi còn sống không. Ngược lại chắc cũng phải thế, nghe ngán nhỉ. Vì vậy mà tôi quý cái tình người ở xứ ta là thế.

Thôi thư dài rồi, nghe nản giấy lên, lo quá, hẹn anh thư sau. Thăm cả tòa soạn.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Nhà xuất bản SÔNG KIÊN mời đọc :

- Những trận đánh lịch sử của HITLER (*in lần thứ 2*)
- HITLER và những sứ mạng bí mật của Skorzeny
- HITLER, người phát động thế chiến thứ hai
- HITLER và lò thiêu sống dân Do-thái
- Mười ngày cuối cùng của HITLER
- HITLER và cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng-minh

Sách đang in :

- HITLER đền tội (Vụ án quốc tế Nuremberg)
- HITLER và trận đánh Normandie
- HITLER và các danh tướng Đức Quốc-xã
- HITLER và vũ khí bí mật

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

SÔNG KIÊN xuất bản

NGUYỄN NHIỀU tổng phát hành

Sắp Phát Hành
TIẾNG CHIM VƯỜN CŨ

truyện dài của
NGUYỄN MỘNG GIÁC

Câu chuyện về một bé mồ côi lạc giữa sự độc ác và lòng nhân hậu, tìm mãi chưa thấy khu vườn thanh bình ấu thời.

Câu chuyện về một cuộc tình mong manh : Chàng Hoàng tử của thời đại mới cố đánh thức nàng Công chúa ngủ mê giữa khu vườn hoang tàn bởi chinh chiến, bởi bạo lực, bởi cuồng nộ.

Câu chuyện về một cuộc tìm kiếm miền đất hứa cho cả thế hệ, miền đất xa như chưa bao giờ đi tới, cao như chưa bao giờ với được, huyền hoặc biến đi như ảo ảnh.

Câu chuyện về một cuộc đời, về một cuộc tình, và cuối cùng, về một kinh nghiệm lịch sử đất nước.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

☐ F. Sagan của Việt-nam ?

☐ "Tình yêu của nhân vật Khái Hưng không khác tình yêu trong thế kỷ trước bao nhiêu : cũng thơ mộng, cũng thiết tha, nhưng thứ tình yêu của Trần Thị NgH. thì mãi giữa thế kỷ này chưa thấy xuất lộ ở xứ ta, trong tác phẩm văn nghệ " *Trích Tựa của Võ Phiến*

NHỮNG NGÀY RẤT THÔNG THẢ

của Trần Thị NgH.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Bão chiến tranh rồi cũng qua đi !

Cỏ xanh rồi lại mọc trên các khu vườn hoang phế.

Nhưng dấu vết còn lại, trên gương mặt của tuổi trẻ, trong đôi mắt chịu đựng của một thế hệ lỡ làng, trong hình dáng héo úa của tuổi già, chắc còn đó lâu lắm.

Hãy tìm gặp lại dư ảnh ấy của thời hậu chiến trong :

BÃO RÓT

tập truyện của

Nguyễn Mộng Giác

một nhà văn quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa, Văn Mới, Văn, Trình Bày.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành.

Vài nét về Hội nghị các nhà Đông-phương-học tại Paris

Một ông Tây-ban-nha chất vấn một bà diễn-giả Pháp về những tư-tưởng chánh-trị của Phan-Kế-Bính. Một học giả Mỹ cắt nghĩa cho một ông Ấn-độ về âm vị trong tiếng Việt. Một ông Đại-hàn thao thao bất tuyệt về những luật lệ ly dị tại Bắc-Việt. Đó là những hình ảnh ghi nhận được trong Hội-nghị Quốc-tế lần thứ 29 của những nhà Đông-phương-học (29è Congrès International Des Orientalistes) họp tại Paris trong một tuần lễ từ 16 đến 22-7 tại Paris.

Gần bốn ngàn chuyên viên về những vấn đề Đông-phương từ khắp nơi trên thế-giới đã tụ tập tại những giảng-đường cổ-kính của trường Đại-học Sorbonne để trao đổi những sự hiểu biết và những công trình nghiên cứu về nền văn minh Đông-phương. Con số tham dự viên lớn lao và việc tổ chức quy mô chứng tỏ nền văn-minh Đông-phương càng ngày càng được thế-giới, nhất là thế-giới Tây-phương, chú trọng.

Hội nghị này có từ một trăm năm nay nhưng đây là lần đầu tiên người ta đón nhận một số đông đảo người dự như vậy. Dọc những hành lang dài của Đại-học Sorbonne, được trang trí bằng những hình ảnh về nền văn-minh Đông-phương, người ta gặp những bộ râu Ấn-độ, những bộ Kimono Nhật, những bóng dáng cao lớn của người Mỹ, và những tà

áo dài Việt-nam.

Hội-nghị chia ra làm nhiều tiểu-ban. Mỗi ngày có hàng trăm người thuyết trình. Ai thích nghe đề-tài nào cứ việc lựa chọn. Hàng chục diễn-giả nói về Việt-nam. Con số người nghe các buổi thuyết-trình này rất đông, cho thấy là nền văn-minh Việt-nam là một đề-tài gợi nhiều tò mò. Dù sao thì cuộc chiến tranh tàn khốc đã khiến quốc gia bé nhỏ này trở thành quen biết đối với tất cả mọi người trên khắp thế-giới.

Ông Christian Nalet, trong một bài thuyết trình, đề nghị một khoa-học mới : «Vietnamologie», Việt-nam học, chuyên nghiên cứu về vấn đề VN.

Một nhận xét đáng buồn là những bài nói về Việt-nam của những người ngoại quốc lại tương đối đứng đắn và sâu sắc hơn những bài thuyết-trình của các diễn giả Việt.

Bà Nicole Louis, tác-giả bài thuyết-trình về những tư tưởng chính trị của Phan-Kế-Bính, đã bỏ ra 8 năm để nghiên cứu về những tác phẩm của họ Phan. Đối với thính giả Việt bà không đưa ra những nhận xét nào mới, nhưng ít nhất cũng cho thính giả ngoại quốc một ý niệm về vai trò của những nhà trí thức Việt-Nam trong thời Pháp thuộc mà bà chia ra làm hai loại : loại « cách mạng » (révolutionnaires) như Phan Bội Châu,

Phan Chu Trinh chủ trương phải đánh đuổi người Pháp dù phải dùng vũ lực và loại « cải cách » (réformateurs) như Phan-Kế-Bính chủ trương cần phải nâng cao dân trí, bãi bỏ chế độ quân chủ, sửa đổi phong tục và có thể hợp tác với người Pháp.

Học-giả Hoa-kỳ William W. Gage qua bài « Probing the History of Vietnamese Tones » đã trình bày một công-trình nghiên cứu công phu về ngữ-học Việt-nam. Học-giả Nhật Tatsuro Yamamoto đã tường trình về công cuộc nghiên cứu của bảy Giáo-sư Đại-học Nhật-bản về mối liên-hệ chánh-trị giữa Trung-hoa và Việt-nam từ thế kỷ thứ 10 tới thế kỷ thứ 19. Các giáo-sư này chứng-minh rằng kể từ thế kỷ thứ 10, Việt-nam đã tìm mọi cách để thoát khỏi ảnh hưởng của Trung-hoa về phương diện chánh trị. Khuynh hướng chung của các triều đại Việt-nam là càng ngày càng độc lập hơn và Trung-hoa càng ngày càng ít kiểm soát trực tiếp hơn. Tới triều Nguyễn, thái độ bình đẳng với Trung-quốc đã trở thành hiển nhiên. Dưới thời Pháp thuộc, Việt-nam đã không cầu cứu Tàu ngay và Trung-hoa cũng gần như mù tịt về những chuyện xảy ra ở bán đảo Đông-dương.

Vấn đề chính trị được đề cập tới khá nhiều, cổ nhiên là dưới khía cạnh xã-hội-học. Giáo sư Fourniau đã trình bày rất đầy đủ về phong trào Cần-vương và đảng Văn-Thân. Giáo-sư Wesley R. Fishel, với thói

quen thống-kê của người Mỹ, đã đưa ra những con số có ý-nghĩa khi ông nói về sự thay đổi trong giới lãnh-đạo chánh-trị ở Miền Nam Việt-nam từ 1956 đến 1971. Bằng những con số, ông Fishel đã chứng minh rằng cái ý nghĩ cho rằng giới lãnh-đạo ở Miền Nam không thay đổi bao nhiêu kể từ thời Pháp thuộc là hoàn toàn sai lầm. Ông cho rằng giới lãnh-đạo chính-trị ở Miền Nam đã thay đổi rất đáng kể và có nhiều phức tạp hơn là người ta tưởng. Sau khi nghiên cứu rất tỉ mỉ về nguồn gốc gia-đình, trình-độ, học-vấn v.v... của 656 người được bầu vào cơ quan lập pháp Việt-nam Cộng-hòa qua 8 cuộc bầu cử từ 1956 đến 1971, ông Fishel đi tới kết-luận là có một sự đào thải rất quan trọng trong giới chính-trị và ở Việt-nam chưa có được một giới lập pháp chuyên nghiệp như tại các quốc-gia dân-chủ lâu đời. Các nhà lập pháp Việt-nam đều rất trẻ, 78 phần trăm dưới 45 tuổi, đa số là giáo sư, giáo viên hoặc làm các nghề tự do, 18 phần trăm có bằng Cử nhân và 14,5 phần trăm có Tiến sĩ hoặc tương đương. Về mức độ đào thải thì trong số 656 người chỉ có 140 người tái cử một lần, 40 người (6 phần trăm) tái cử hai lần và chỉ có một người tái đắc cử ba lần.

Về phía các diễn-giả Việt-nam chỉ có vài đóng góp tương đối công phu. Thí dụ Ông Võ-Long-Tê với bài nói về các truyền-thuyết về Hòn-Vọng-phu, rút từ một cuốn sách của ông sắp xuất-bản đã đề cập một

cách đứng đắn đến một đề-tài đặc biệt Việt-nam. Luật sư Trần-Thanh-Hiệp với bài « Une civilisation enseignée en 47 articles », đã trình bày về ảnh hưởng của luân lý Trung-hoa đối với Việt-nam cũng như tính cách đặc thù của văn-minh Việt-nam trong việc hấp thụ văn-minh Trung-quốc. Qua « 47 điều giáo huấn » của Vua Lê-Huyền-Tôn (1662-1671) tác giả chứng minh rằng nền luân lý Việt-nam mặc dù lấy những nét chính của luân lý Trung-quốc đã Việt-nam-hóa rất nhiều, nhất là về hình thức diễn tả. Thí dụ nghệ thuật dùng những hình ảnh cụ thể để diễn tả những ý niệm trừu tượng là một nghệ thuật độc đáo của văn-hóa VN. Việt-nam-hóa những điều vay mượn của văn-minh Trung-hoa, theo điển-giả, chính là một trong những phương thức hữu hiệu nhất để hấp thụ một nền văn-hóa phong-phú như Trung-quốc mà không bị nô lệ về tinh thần và luôn luôn giữ được bản sắc của dân-tộc. Nhạc sĩ Trần-Văn-Khê đã đề cập đến một bộ môn sở trường của ông là dân nhạc qua bài nói về hát Tuồng Việt-nam và bộ môn King Hsi của Tàu.

Điều đáng tiếc là hầu hết những bài nói về văn-học, nghệ-thuật VN đều rất hời hợt, chỉ là những mạn đàm bên lề văn chương hơn là những công-trình biên-khảo đứng đắn. Bài nói về thơ của ông Nguyễn-Tiến-Lãng chẳng hạn, chỉ là một phiếm-luận về thơ VN. Bài nói về Tiểu-thuyết của ông Nguyễn-trần-Huân chỉ là một liệt-kê những cuốn tiểu thuyết đã phát hành từ Quả Dưa Đỏ tới ngày nay. Bài nói về thơ và nhạc

tranh đấu tại miền Nam VN của Nguyễn Điền là một cung đàn lạc điệu vì tác giả chỉ mượn một đề-tài có tính cách văn-hóa để nói lên một lập trường chính-trị. Tác giả đã mượn một vài bài thơ, một vài bài nhạc phản chiến để gói ghém cho bằng được những khẩu hiệu chống Mỹ cứu nước, chuồng cọp Côn sơn, tù nhân chính trị v.v... Văn-hóa VN nếu nó quả thật đã nghèo nàn, thì lại càng xuất hiện bản hàn hơn trước mắt những người ngoại quốc, chắc chắn là rất có thiện chí tìm hiểu về văn-hóa VN và chắc chắn là rất yêu văn-hóa Việt.

Tất cả các điển-giả VN đều tham dự với tư cách cá nhân, trừ ông Võ long-Tê. Những người đại diện cho VNCH, vì sự chậm trễ giấy tờ gì đó, đã không tới dự được. Đó là trường hợp của các ông : Nghiêm Thâm, Phạm Cao Dương, Nguyễn Đăng Liêm, Nguyễn Hữu Đang, Đỗ Trọng Huề v.v... Giáo sư Nguyễn Thế Anh thì đến vừa kịp để dự lễ bế-mạc !

Tạm kết-luận là « Vietnamologie » không phải là môn được người Việt chú ý. Đó là một bộ-môn dành riêng cho người Tây-phương. Có một niềm an ủi cho những người quốc-gia : Bắc-Việt hoàn toàn vắng mặt. Bài nói về tiểu-thuyết tại « Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa » đã do một ông Tây trình bày. Và nếu sự trình bày đó trung thực thì tiểu-thuyết của miền Bắc thật đáng tội nghiệp. Nếu có thể coi đó là một niềm an ủi cho văn-hóa miền Nam thì đó cũng là một điều đáng buồn cho văn-hóa Việt-nam nói chung.

TRẦN CÔNG SUNG

THỜI SỰ KHOA HỌC

**Làm thế nào để đẻ nhanh
và không đau ?**

Đó là câu hỏi mà các bà đang rông chờ câu trả lời hơn hết mọi sự. Nếu vấn đề hóc búa đó được giải quyết một cách êm đẹp thì biết đâu các bà chẳng đẹp quách phong trào giải phóng phụ nữ, giải phóng tình dục gì đó cho nó đỡ mất công hô hào nọ kia.

Trên thực tế thì với trình độ khoa học hiện tại, các sản-phụ đã có nhiều dễ dàng và tiện-nghi so với trong quá khứ. Những phương pháp gây tê và gây mê đã làm cho các sản-phụ chỉ còn thấy rất ít đau đớn khi lâm bồn. Tuy nhiên các phương pháp này chỉ áp dụng vào giai đoạn chót của cuộc sanh nở nên trong khoảng thời gian trước đó người sản-phụ bị bỏ rơi với cơn đau của mình. Thời gian chuyển bụng này đâu phải ngắn ngủi gì : Trung bình là 14 đến 16 giờ ở người sanh con so và từ 6 đến 8 giờ ở người sanh con dạ. Ngay cả ở các nước tân-tiến nhất, người y-sĩ cũng không giúp ích gì được nhiều cho sản-phụ trong lúc này, ngoài những lời an ủi, khuyến khích và giải thích.

Tuy nhiên người ta sẽ thấy các bà có bầu không chỉ được an ủi suông như vậy ở bảo-sanh-viện Eskilstuna bên xứ Thụy-điền. Tại đây người ta đã áp dụng từ 3 năm qua một phương-pháp để rút ngắn thời gian chuyển bụng xuống còn chừng bằng nửa thời gian cũ.

Phương pháp này khá giản dị và thật ra nó đã được các nhà y-sĩ Nhật áp dụng từ lâu trong các lần phải gián đoạn thai-kỳ vì một lý do y-khoa. Nó gồm một khúc kim loại ngắn có đầu nhọn được cho rung động ở tần số thấp bằng một máy điện (từ 60 tới 100 chu-kỳ trong một giây đồng hồ). Đầu nhọn khúc kim-loại được đặt chạm vào cổ tử-cung và sự rung động của nó sẽ làm cho cổ tử-cung nở nhanh hơn bình thường. Sự lâm bồn do đó sẽ xảy ra nhanh hơn.

Hiện nay người ta còn đang nghiên cứu hậu quả lợi hại của phương pháp này đối với đứa bé sơ sinh. Một vài bác-sĩ chuyên môn về sản-phụ-khoa tỏ ý sợ rằng diễn tiến lâm bồn quá nhanh có thể làm xuất huyết ở trong não đứa trẻ. Hơn nữa cổ tử-cung, khi bị kích thích cho nở nhanh, cũng có thể bị biến đổi về bản chất và trong các lần mang thai sau, người sản-phụ có thể bị hư thai hay sanh non vì cổ tử-cung không khép kín hoặc cổ tử-cung nở sớm.

Tuy vậy các bà có quyền hy vọng ở phương pháp mới mẻ này vì các trẻ em sinh ra ở bảo-sanh-viện Eskilstuna đều rất khỏe mạnh và thông minh như mọi đứa trẻ khác.

Giai cấp trong loài... heo.

Nói "ngu như heo" là nói một cách hết sức sai lầm !

Sự thực heo không ngu như chúng ta tưởng mà heo sống rất giống... người. Xã hội heo phân chia giai cấp

rất chặt chẽ và nó rất ý thức về thân phận của nó trong xã-hội. Sau đây là một thí dụ điển-hình.

Trong một chuồng heo thì con lớn nhất bao giờ cũng nằm ở một góc. Đó là chỗ dành dự dành riêng cho con heo đầu đàn mà các chú heo khác, yếu thế hơn, bao giờ cũng tránh xa.

Trong việc ăn uống cũng có sự phân biệt rõ ràng. Người ta đã thử cho heo uống rượu (một loại rượu đặc biệt mà heo rất thích uống) thì thấy con heo đầu đàn uống trước tiên và uống nhiều nhất. Do đó mà nó bị say nặng nhất và mất địa vị lãnh đạo của nó đối với đàn heo. Những con heo dưới quyền nó vì được uống ít hơn nên còn tỉnh táo và lên nắm địa vị đầu đàn. Nhưng chỉ vài ba ngày sau con heo đầu đàn bỏ uống rượu, trở nên tỉnh táo và lại lấy lại địa vị cũ. Người ta nhận thấy chỉ còn những chú heo ở địa vị thấp kém nhất trong bầy vẫn say sưa bí tỉ như có vẻ... bất mãn cho thân phận của mình.

Cách thức uống rượu của mấy chú heo được các nhà sinh-vật-học diễn-nghĩa như sau: Con heo đầu đàn bỏ uống rượu vì nó ý thức được rằng sự say sưa không thích hợp với địa vị lãnh-đạo của nó; còn các chú heo hạng bét vẫn uống chết bỏ vì mấy chú bất mãn và chán đời do địa vị rất tương đối của mình trong bầy.

Sự thực tâm trạng con heo có rắc rối đến như thế không thì chỉ có là... heo mới thông cảm nổi. Xưa nay

những người cực khổ, vẫn than thở sao không sinh nhằm tướng tinh con Hợi để chỉ việc ăn xong rồi ngủ không phải lo nghĩ gì cho khổ thân. Đến nay nếu quả thật làm heo cũng lắm rắc rối đến thế thì ôi thôi 12 con giáp sinh nhằm con nào cũng khổ.

Skylab - 2 gặp rắc rối.

Hôm chủ nhật, ngày 5-8-73 vừa qua, cơ quan kiểm soát chuyến bay Skylab - 2 đã khám phá ra một lỗ dò nhỏ trên phòng thí-nghiệm không gian. Skylab đang bay trong quỹ đạo trái đất. Mặc dù lỗ dò rất nhỏ, không đến nỗi đe dọa hủy bỏ phi vụ, nhưng nó đã làm cho trạm không gian bay chậm đi ít nhiều trong hành-trình của nó. Các phi-hành-gia đã được lệnh tìm cách trám kín lỗ dò đó trước mọi công tác đã dự trù cho họ trong chuyến bay này. Người ta biết rằng sau phi vụ Skylab - 2 còn phi vụ Skylab - 3 nữa, mà thời gian ở trong phòng thí-nghiệm có thể còn lâu hơn nhiều. Cho nên sự toàn hảo của trạm không-gian này là điều cần thiết cho sự an toàn của các chuyến bay sau.

Mở đầu cho phi vụ Skylab-2, ba phi hành gia Alan Bean, Jack Lousma và Owen Garriott đã gặp khá nhiều khó khăn. Màn «say sóng không gian» đã làm sức khỏe 3 phi hành gia bị ảnh hưởng đáng kể và các cuộc thí nghiệm đã phải hoãn lại một ngày... Ba phi hành gia đã thay thế chiếc dù che nắng cũ bằng một chiếc dù mới để làm giảm nhiệt độ phi thuyền trước khi bước chân vào phi thuyền. Tiếp

đó là một màn «đón dẹp nhà cửa», thay thế các đồ ăn, lau chùi các đồ thí nghiệm cũ đã để lại trên đó trong chuyến bay trước. Đặc biệt lần này phi hành đoàn có đem theo những sinh vật như các con chuột bạch, muỗi, một đôi bạch-dương-ngư và trứng sấp nở, cùng một đôi nhện. Các phi hành gia sẽ phải quan sát cách con nhện dăng tơ, cách con bạch-dương-ngư bơi lội trong trạng thái vô trọng lực. Những con chuột và muỗi sẽ được khảo cứu khi chúng trở về trái đất để xem tác dụng của không gian vào cơ thể chúng. Những trứng bạch-dương-ngư, khi nở ra trên không gian, sẽ cho chúng ta những sinh vật đầu tiên đến từ vũ trụ. Liệu những chú cá con này sẽ phản-ứng ra sao khi chúng nở ra và khi chúng quay trở về trái đất.

Skylab-2 đã suýt bị hủy bỏ khi phi thuyền Ferry dùng để chở phi hành đoàn trở về trái đất bị trục trặc. Mặc dù các khó khăn đang được các phi hành gia lần chuyên viên điều khiển chuyến bay cố gắng vượt qua để sứ mạng của chuyến bay có thể hoàn tất, một phi vụ tiếp-cứu đã được tổ chức để khi thật cần cấp, có thể cứu mạng 3 phi hành gia được.

Phi vụ cấp-cứu dự trù một phi thuyền 2 người sẽ lên đón 3 phi hành gia và cả 5 phi hành gia sẽ cùng về trên một phi thuyền. Cơ quan NASA loan báo chiến-hạm New Orleans đã sẵn sàng hải-trình để có thể đón phi-hành-đoàn nếu phi-vụ Sylab - 2 bị bắt buộc phải chấm dứt sớm hơn dự định.

TỬ DIỆP

☉ Dù bạn đang giảng dạy hay đang học hỏi về văn chương Việt Nam hiện đại,

☉ Dù bạn tìm hiểu văn học nghệ thuật hay về con người, về xã hội, về cuộc sống Việt Nam hiện tại,

☉ Dù bạn làm gì, quan tâm đến vấn đề gì, miễn bạn sống ở Việt Nam vào lúc này, bạn đều thấy NÓ là cần thiết và thích thú. «NÓ» tức là cuốn :

CHÚNG TA, QUA CÁCH VIẾT của VÕ PHIẾN

do **GIAO ĐIỂM** xuất bản
LÁ BỒI Tổng phát hành

Thời sự thế giới

TỪ MINH

Trong những ngày qua trên thế giới người ta nói rất nhiều tới sự thay đổi trong bang giao của Mỹ và các nước đồng minh. Sự thay đổi này được thể hiện qua các cuộc viếng thăm Hoa-thịnh-dốn của những lãnh tụ thế giới tự do.

Đề tài thứ hai được bàn cãi rất nhiều là sự liên lạc giữa khối Thị trường Chung Âu-Châu và các nước Hắc-Phi. Tại Phi-luật-tân, cuộc trưng cầu dân ý của Tổng-Thống Marcos cũng được các báo chí đưa lên hàng đầu.

Những cuộc viếng thăm ngoại giao Hoa-kỳ

Trong khi tại Quốc hội Mỹ người ta đang bận bịu điều tra vụ Water-gate và vụ Phó Tổng-Thống Agnew trốn thuế, tham nhũng, hối mại quyền thế, thì tại Bạch Cung Tổng-Thống Richard Nixon vẫn thân nhiên mở rộng cửa để đón các lãnh tụ nước ngoài.

Hết Hoàng-đế và Hoàng-hậu Ba-tư lại đến Thủ-tướng Whitlam của nước Úc. Ông Whitlam vừa ra đi thì Thủ-tướng Nhật Tanaka lại tới.

Tổng-Thống Nixon đã cố gắng hoạt động ngoại giao để cho quốc dân quên lãng những lung củng nội bộ. Tuy nhiên cũng vì vậy nên ông Nixon mới chịu mời Thủ-tướng Úc, Whitlam, tới thăm Bạch Cung. Ông Whitlam vì chỉ trích Mỹ ném bom Hà-nội mà đã bị ông Nixon giận cả nửa năm trời. Nhưng vì những khó

khăn tại quốc-nội, ông Nixon vẫn phải làm lành mà mời ông Whitlam tới để ông này tuyên bố là từ nay Úc sẽ có một chính-sách độc lập chứ không bảo sao nghe vậy như trước nữa.

Riêng cuộc viếng thăm của Thủ-tướng Nhật, Tanaka đã làm dư luận thế giới đặc biệt chú ý.

Cuộc viếng thăm này đã đánh dấu một giai đoạn mới trong bang-giao Mỹ-Nhật.

Với những lời lẽ lễ phép, lịch sự, nhỏ nhẹ, đặc biệt của người Á-châu, ông Tanaka cũng như ông Whitlam đã loan báo rằng đối với Mỹ ông không còn có một chính-sách dễ bảo như trước nữa. Nhưng khác ông Whitlam ở chỗ Nhật « nặng ký » hơn Úc trên trường quốc-tế, nên ông Tanaka đã được người ta hết sức vị nể. Tuy đặt bang-giao Mỹ-Nhật trên căn bản bình đẳng, ông Tanaka vẫn nhấn mạnh là Nhật luôn luôn là một người bạn trung thành của Mỹ. Để nhấn mạnh tính cách thân hữu giữa hai nước người ta quyết định rằng ông Nixon và Nhật-hoàng Hiro Hito sẽ thăm viếng lẫn nhau vào năm 1974 tới đây. Mỹ cũng hứa sẽ ủng hộ đề cho Nhật đoạt được chiếc ghế Hội-viên thường trực tại Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc vào khóa họp tới.

Như vậy người ta thấy rằng Nhật đã hoàn toàn thoát hẳn địa-vị của một kẻ chiến bại để bước vào chính trường quốc tế với một tư thế mạnh

mẽ. Với sự xuất hiện của đại-cường Nhật-bản, thế-giới ngày nay càng ngày càng có tính cách "đa cực".

Bang giao giữa Thị trường Chung Âu châu và Hắc Phi

Năm 1960, Tướng De Gaulle quyết định trả độc-lập cho một loạt các quốc gia Hắc-Phi thuộc địa của Pháp. Tuy làm như vậy cũng chỉ là hướng theo trào lưu chính trị của nhân loại, nhưng Tướng De Gaulle muốn khai thác việc làm này để ông trở thành cùng một lúc nhà giải phóng Phi-châu và lãnh tụ khối Á-phi. Vì muốn cầm đầu một lực lượng thứ ba giữa hai khối Cộng-sản và Tư-bản nên Tướng De Gaulle đòi tổ chức Thị-trường Chung Âu-châu phải giành cho các quốc-gia Phi-châu nói tiếng Pháp những ưu đãi quan-thuế đặc-biệt. Một hiệp-ước được ký ở Yaoundé cho phép các nước Hắc-Phi, cựu thuộc địa Pháp, được tự-do đưa dừa, đậu phụng, cà phê và các sản-phẩm thiên-nhiên khác vào 6 nước Âu-châu, hội viên của Thị-trường Chung. Được ưu đãi như vậy các quốc gia Phi-châu khỏi cần phải nghĩ tới chuyện đa-canh-hóa hay kỹ-nghệ-hóa nữa mà chỉ cần sản-xuất nông-phẩm vì đã có «cựu mẫu quốc» mua cho không sợ ế. Trong khi đó «mẫu quốc» có độc quyền bán sản-phẩm kỹ-nghệ của mình tại các nước Phi-châu.

Nhưng năm 1972, Anh và 2 quốc-gia Âu-châu khác đã gia nhập Thị-trường Chung. Theo chân Anh là các nước Hắc-Phi cựu thuộc-địa của

Anh cũng chuẩn bị bước vào tổ chức này.

Nhưng các nước Phi-châu nói tiếng Anh lại không chịu chấp nhận hiệp-ước Yaoundé vì họ cho rằng hiệp-ước này không cho họ kỹ-nghệ-hóa mà bắt họ chỉ sản xuất có nông phẩm mà thôi. Và họ đòi hủy bỏ hiệp-ước Yaoundé để họ được tự do phát triển kinh-tế. Các nước Phi-châu nói tiếng Pháp thì lại la hoảng vì nếu tự-do phát-triển kỹ-nghệ thì không những Phi châu bị mất khách hàng mua sản phẩm thiên nhiên mà lại còn phải tốn kém mới kỹ-nghệ-hóa được. Mà dù có thiết lập kỹ-nghệ thì sản phẩm kỹ-nghệ Phi châu cũng khó lòng mà cạnh tranh được với hàng hóa Âu châu.

Rút cục lại là các nước Phi châu dù nói tiếng Pháp hay tiếng Anh cũng đều đòi giữ nguyên chế-độ ưu đãi đối với sản phẩm của họ, nhưng đồng thời hủy bỏ ưu-đãi đối với sản phẩm kỹ-nghệ mà họ dành cho hàng Âu-châu trong hiệp-ước Yaoundé.

Cả Pháp lẫn Anh hiện thời đang đặt câu hỏi là không biết đưa các nước Phi châu vào Thị-trường Chung thì họ được lợi những gì? Tuy nhiên cả hai đều cố gắng ủng hộ khối Phi châu của mình để ít nhất vớt vát được chút ảnh hưởng hầu có tiếng nói mạnh hơn không những trong khối Thị-trường Chung mà còn cả trên trường quốc-tế nữa.

Bầu cử tại Phi-luật-tân

Sau gần một năm bán-hành tình-trạng thiết-quân-luật, Tổng-Thống

Marcos đã thành công trong việc ổn định tình hình Phi-luật-tân. Quân Cộng sản trước kia hoạt động mạnh mẽ ở đảo Luzon thì giờ đây dường như đang nằm yên. Các sinh viên trước kia xuống đường tranh đấu tới bởi thì giờ đây đã trở lại giảng đường học hành ngoan ngoãn. Các nhân vật đối lập thì đang sống yên ổn trong tù.

Đề hợp-thức-hóa quyền-hành của mình Tổng-Thống Marcos đã tổ chức một cuộc trưng-cầu dân-ý để xem quốc dân có bằng lòng cho ông ngồi lại làm Tổng-Thống thêm một thời gian vô-hạn-định hay không. Nhiệm-kỳ của ông Marcos đáng lẽ sẽ chấm dứt vào tháng 12 tới. Trước đây ông đã từng có ý định đưa bà vợ ông ra làm Tổng-Thống để ông sẽ, hoặc ngồi trong bóng tối giạt đây hoặc giữ chức Thủ-tướng nắm trọn quyền hành. Nhưng giờ ông nghĩ lại, có lẽ không tin tài lãnh đạo quốc gia của phu nhân, nên đã quyết định tiếp tục giữ chức vụ Tổng-Thống dù nhiệm kỳ hiến-định có mãn.

Trước ngày bầu cử người ta đã đoán là phải có ít nhất 80% số phiếu ủng hộ Tổng-Thống Marcos. Ba ngày trước khi bầu cử, Tổng-Thống Marcos

đã bãi bỏ tình trạng thiết-quân-luật để cho dân chúng được tự do thảo luận chính-trị. Nhưng biện pháp này chỉ có ảnh hưởng tới các tay ăn chơi về đêm, đã lợi dụng việc hủy-bỏ lệnh giới-nghiêm, đề ào ạt xuống đường hưởng lạc thú mà thôi.

Kết-quả là 91% cử-tri đi bầu đã ủng-hộ ông Marcos và con số người đi bầu đã vượt mọi kỷ-lục từ trước tới nay. Kết quả này không là một điều làm cho người ta ngạc nhiên nếu ta thấy rằng theo luật lệ Phi-luật-tân thì ai không đi bầu có thể sẽ bị phạt tù tới 6 tháng. Ngoài ra nhiều người còn ngại rằng bỏ phiếu chống cũng bị đi tù nên phần đông đều bỏ thăm ủng hộ.

Các báo chí đã đưa nhau ca tụng sự thành công của ông Marcos. Sự ca tụng này đã đi xa đến nỗi Bộ-trưởng Thông-tin Francisco Tatad đã phải lên tiếng cảnh cáo các báo chí đừng nên khen ngợi một cách quá đáng!

Với sự thắng lợi này Tổng-Thống Marcos đã có thể chuẩn bị cho những chương-trình dài hạn và có thể nới rộng các quyền tự-do dân-chủ tại Phi-luật-tân.

TỪ MINH

Quý ma đưa mãi lời thiên cổ

ĐẠI MỘNG

Tập thơ thứ hai của
VÕ CHÂN CỬU

*

NHỊ KHÊ xuất bản

NGUYỄN QUỲNH trình bày bìa
Đã phát hành trên toàn quốc

Sách L.M. Kim Định

Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây của L.M. Kim Định, do Nguồn Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Xin trân trọng cảm ơn L.M. Kim Định và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— Cơ cấu Việt Nho dày 286 trang gồm 3 phần và 1 phần Phụ lục : Cơ cấu và những điều liên quan đến Việt Nho ; Thử rút từ cơ cấu và phân tâm một hai qui luật để dùng giải nghĩa một số truyện tích cũng như suy diễn về cơ cấu Việt Nho ; Đưa triết lý vào Việt văn. Ấn phí : 360đ.

— Nguồn gốc văn hóa Việt-nam dày 140 trang, trình bày tại sao văn hóa V.N. rất cao, tại sao người Việt các đời sau sa đọa và bây giờ phải làm gì để chu toàn sứ mạng mới. Trả lời một vài điều trách cứ và kiểm điểm lại thuyết Việt Nho. Ấn phí : 200đ.

— Tinh hoa ngũ điển dày trên 190 trang trình bày «phần tinh túy của Việt Nho còn truyền lại được, xuyên qua ngũ kinh, nhưng vì nằm ẩn nên cần một lần lật lên mặt í thức để dễ nhận diện và sẽ dùng nó làm ngọn đèn chiếu rọi vào các góc tối của toàn bộ Nho giáo». Ấn phí : 280đ.

Thơ Trần Hữu Nghiễm và Xuân Hữu

Bách khoa đã nhận được của nhà thơ Trần Hữu Nghiễm, chủ trương nhà xuất bản Nhập Cuộc (Huế) những tập thơ sau đây :

— Vô cùng của Trần Hữu Nghiễm gồm 14 bài.

— Và đến thật buồn của Trần Hữu Nghiễm (in lần thứ 2) gồm 23 bài.

— Hơn một lần thương nhớ của Xuân Hữu gồm 18 bài.

— Ý tưởng của Xuân Hữu gồm 19 bài.

— Chạy hay tìm đến hay qua của Xuân Hữu gồm 16 bài.

— Vùng tin yêu cuối của Xuân Hữu gồm 18 bài.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

CHÚ Ý : Nhà xuất bản Nhập Cuộc có nhã ý biểu bạn đọc Bách Khoa một số tác phẩm do Nhập Cuộc xuất bản. Bạn đọc nào muốn nhận xin gởi 50\$ (gồm tiền phí tồn), Nhập Cuộc sẽ gởi đến tay bạn đọc một tác phẩm văn nghệ. Xin liên lạc với : Trần Hữu Nghiễm. Hộp thư 77 Huế.

PHÂN ƯU

Được tin trẽ : **THÂN MẪU** nhà văn NGUYỄN SA (Trần Bích Lan) đã mệnh chung tại Saigon ngày 13-8-1973.

Xin trân trọng chia buồn cùng văn hữu NGUYỄN SA và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn Gụ sớm tiêu diêu Miền Cực lạc.

LÊ NGỘ CHÂU, MINH QUẢN, VŨ HẠNH
và cái anh em trong nhóm Bách Khoa